

dịch. Việc thực hiện các chính sách này đã có tác động tích cực, kịp thời và đã nhanh chóng phát huy hiệu quả trên thực tiễn. Qua đó, cùng với việc tổ chức thực hiện các chính sách có liên quan khác đã góp phần quan trọng trong việc từng bước khôi phục lại hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân, thể hiện sự chia sẻ của Nhà nước với người dân trong những giai đoạn khó khăn.

2. Một số tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2.1. Một số tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được nêu trên, trong tiến trình phát triển KT-XH và hội nhập kinh tế quốc tế, do sự biến động nhanh của kinh tế - chính trị thế giới nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng, đã phát sinh một số hạn chế, bất cập cần được nghiên cứu sửa đổi cho phù hợp với thực tiễn hiện nay, qua đó, kịp thời tháo gỡ vướng mắc và tạo thuận lợi hơn nữa cho người nộp thuế, đảm bảo tính minh bạch và đồng bộ của hệ thống pháp luật như:

- Một số quy định của Luật thuế TNCN hiện hành qua một thời gian thực hiện cũng đã bộc lộ một số điểm bất cập, không còn phù hợp với tình hình kinh tế trong nước và quốc tế hiện nay như các vấn đề liên quan đến thu nhập chịu thuế, thu nhập miễn thuế, cơ sở tính thuế và phương pháp xác định số thuế phải nộp; biểu thuế lũy tiến. Mức điều tiết thu nhập của một số loại thu nhập cũng cần phải có những sự điều chỉnh cho phù hợp với xu hướng thuế quốc tế hiện nay và trong mối tương quan với các nguồn thu nhập khác nhau của cá nhân.

- Một số nội dung về phạm vi, đối tượng chịu thuế trong Luật thuế TNCN chưa bao quát được đầy đủ các khoản thu nhập chịu thuế và sự xuất hiện của các mô hình kinh doanh mới.

2.2. Nguyên nhân của các tồn tại, hạn chế

Những tồn tại, hạn chế nói trên xuất phát từ cả các nguyên nhân khách quan và chủ quan. Cụ thể như sau:

- Về nguyên nhân khách quan: Các khoản thu nhập của cá nhân ngày càng đa dạng, phức tạp. Các hình thức kinh doanh mới liên tục xuất hiện tạo ra nhiều nguồn thu nhập cho cá nhân. Trong khi đó hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chưa đầy đủ, khả năng phân tích, dự báo còn hạn chế, phản ứng chính sách còn chậm chưa theo kịp với sự phát sinh ngày càng nhiều loại hình kinh doanh mới.

- Về nguyên nhân chủ quan: Việc đánh giá, dự báo tình hình kinh tế trong nước và quốc tế còn chưa sát khi bối cảnh kinh tế thế giới biến động liên tục. Còn thiếu các hệ thống thông tin số liệu để có thể đánh giá một cách hiệu quả các chính sách được ban hành.

B. MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM TỔNG KẾT, ĐÁNH GIÁ VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOÀN THIỆN

I. MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM TỔNG KẾT, ĐÁNH GIÁ

1. Mục tiêu

- Đảm bảo phù hợp với các quan điểm, mục tiêu, định hướng về cải cách

thuế TNCN đã được xác định trong các văn kiện, nghị quyết của Đảng, Nhà nước và Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030.

- Thực hiện có hiệu quả chính sách phân phối lại và mục tiêu công bằng xã hội, đáp ứng yêu cầu phát triển KT-XH cũng như thúc đẩy cải cách thủ tục hành chính và giảm chi phí tuân thủ cho người nộp thuế và cơ quan thuế.

- Đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

- Đảm bảo phù hợp với thông lệ quốc tế và xu hướng phát triển.

- Đảm bảo ổn định nguồn thu NSNN.

2. Quan điểm

Định hướng hoàn thiện Luật thuế TNCN theo các nguyên tắc sau:

- Cụ thể hóa kịp thời, đầy đủ các chủ trương, định hướng của Đảng, Quốc hội, nhất là Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại NSNN, quản lý nợ công để bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững, Chiến lược phát triển KT-XH 10 năm 2021- 2030, Phương hướng nhiệm vụ phát triển KT-XH 5 năm 2021-2025 trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII Đảng Cộng sản Việt Nam và Nghị quyết số 23/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về Kế hoạch tài chính quốc gia và vay, trả nợ công 5 năm 2021-2026.

- Bám sát các mục tiêu, định hướng được xác định trong Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 508/QĐ-TTg ngày 23/4/2022, trong đó đã đưa ra các giải pháp cụ thể đối với thuế TNCN là: Rà soát bổ sung đối tượng chịu thuế; nghiên cứu sửa đổi, bổ sung theo hướng điều chỉnh số lượng và các mức thuế suất phù hợp với thu nhập chịu thuế phù hợp với bản chất của từng loại thu nhập, tạo điều kiện đơn giản trong quyết toán thuế TNCN cho cả người nộp thuế và cơ quan quản lý thuế, ngăn chặn các hành vi trốn, tránh thuế; nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định về miễn, giảm thuế phù hợp với bối cảnh KT-XH của đất nước trong từng giai đoạn và thông lệ quốc tế.

- Kế thừa và phát huy những quy định đã mang lại tác động tích cực đến KT-XH của Luật thuế TNCN hiện hành; đồng thời, sửa đổi, bổ sung những quy định đang là vướng mắc, không còn phù hợp để kịp thời giải quyết những vấn đề bất cập phát sinh trong thực tế, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của cá nhân, người nộp thuế cũng như yêu cầu phát triển KT-XH của đất nước.

- Đảm bảo mục tiêu hội nhập kinh tế quốc tế, phù hợp với xu hướng phát triển, cải cách thủ tục hành chính.

II. KẾT QUẢ TỔNG KẾT, ĐÁNH GIÁ VÀ ĐỊNH HƯỚNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

Trên cơ sở báo cáo của các Bộ, ngành, địa phương, các hiệp hội và từ thực tiễn công tác tổ chức thực hiện Luật thuế TNCN 2007 và các Luật sửa đổi, bổ sung Luật thuế TNCN được ban hành trong những giai đoạn sau đó, Bộ Tài chính đã tiến hành rà soát toàn bộ các điều, khoản của Luật (gồm 35 điều), trên

cơ sở đó đánh giá mức độ phù hợp, tính khả thi và hiệu quả thực tế của Luật thuế TNCN; đồng thời, đã chỉ ra một số vấn đề vướng mắc, bất cập trong quá trình thực hiện chính sách thuế TNCN giai đoạn vừa qua.

Qua rà soát, dự án Luật dự kiến sửa đổi, bổ sung 31 điều trên tổng số 35 Điều của Luật thuế TNCN hiện hành (chiếm 88,5%), trong đó có quy định về phạm vi điều chỉnh (Điều 1); người nộp thuế (Điều 2); về thu nhập chịu thuế (Điều 3); về thu nhập được miễn thuế (Điều 4); về giảm thuế (Điều 5); về kỳ tính thuế (Điều 7); về thuế đối với cá nhân kinh doanh cư trú (Điều 10); về thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công của cá nhân cư trú (Điều 11); về thu nhập chịu thuế từ đầu tư vốn của cá nhân cư trú (Điều 12); về thu nhập chịu thuế từ chuyển nhượng vốn của cá nhân cư trú (Điều 13), về thu nhập chịu thuế từ chuyển nhượng bất động sản của cá nhân cư trú (Điều 14); về thu nhập chịu thuế từ trúng thưởng của cá nhân cư trú (Điều 15); về thu nhập từ bản quyền của cá nhân cư trú (Điều 16); về thu nhập chịu thuế từ nhượng quyền thương mại của cá nhân cư trú (Điều 17); về thu nhập chịu thuế từ thừa kế, quà tặng của cá nhân cư trú (Điều 18); về giảm trừ gia cảnh cho người nộp thuế và người phụ thuộc (Điều 19); về giảm trừ đối với các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo (Điều 20); về thu nhập tính thuế (Điều 21); về Biểu thuế lũy tiến từng phần (Điều 22); về Biểu thuế toàn phần (Điều 23); về thuế đối với thu nhập từ kinh doanh của cá nhân không cư trú (Điều 25); về thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn của cá nhân không cư trú (Điều 28); về thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản của cá nhân không cư trú (Điều 29); về thuế đối với thu nhập từ trúng thưởng, thừa kế, quà tặng của cá nhân không cư trú (Điều 31) và liên quan đến điều khoản thi hành (Điều 34, Điều 35).

Các nội dung liên quan đến quản lý thuế cũng sẽ được rà soát bãi bỏ để thực hiện theo quy định của Luật Quản lý thuế như quy định về quy đổi thu nhập chịu thuế ra Đồng Việt Nam (Điều 6); quy định về quản lý thuế và hoàn thuế (Điều 8)... Sửa đổi quy định về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trả thu nhập và trách nhiệm của đối tượng nộp thuế là cá nhân cư trú (Điều 24) và quy định về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trả thu nhập và trách nhiệm của đối tượng nộp thuế là cá nhân không cư trú (Điều 33). Ngoài ra, bãi bỏ Điều 9 về áp dụng điều ước quốc tế để thực hiện thống nhất theo quy định của Luật Điều ước quốc tế.

Đồng thời, thực hiện sắp xếp, bố cục lại nội dung, thứ tự các Điều, chỉnh sửa câu chữ một số nội dung cho phù hợp, thống nhất với việc sửa đổi, bổ sung các nội dung có liên quan, đảm bảo tính chặt chẽ, dễ hiểu, dễ thực hiện của Luật sau khi được ban hành. Bên cạnh đó, rà soát để bổ sung quy định giao thẩm quyền cho Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung cho phù hợp với thực tiễn phát sinh trong từng thời kỳ, đảm bảo việc thực hiện Luật không vướng mắc, có tính ổn định lâu dài.

Nội dung cụ thể như sau:

1. Hoàn thiện quy định liên quan đến người nộp thuế thu nhập cá nhân

- Thống nhất sử dụng thuật ngữ “người nộp thuế” (thay cho thuật ngữ “đối tượng nộp thuế” đang được sử dụng tại Luật thuế TNCN hiện hành) để đảm bảo

phù hợp với quy định của Luật quản lý thuế.

Luật Quản lý thuế hiện hành thống nhất sử dụng khái niệm “người nộp thuế”. Do vậy, cần thay thế cụm từ “đối tượng nộp thuế” thành “người nộp thuế” tại toàn bộ đề cương dự thảo Luật để thống nhất với Luật Quản lý thuế.

- Quy định cụ thể điều kiện xác định cá nhân cư trú, cá nhân không cư trú nhằm bao quát được đầy đủ thực tiễn phát sinh, khắc phục được các bất cập đang đặt ra.

Việc xác định người nộp thuế là cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú đồng thời với việc xác định phạm vi thu nhập chịu thuế cũng cần được rà soát để sửa đổi, bổ sung nhằm đảm bảo rõ ràng và bao quát hơn, đảm bảo cơ sở pháp lý trong việc bảo vệ quyền đánh thuế của Việt Nam. Trong bối cảnh các hoạt động kinh doanh trong nền kinh tế liên tục thay đổi, các mô hình kinh doanh mới xuất hiện ngày càng nhiều, việc giao Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành nội dung này là cần thiết để đảm bảo linh hoạt, phù hợp với bối cảnh KT-XH trong từng thời kỳ.

2. Hoàn thiện quy định liên quan đến thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân và cách tính thuế đối với từng loại thu nhập chịu thuế

- Bổ sung quy định về nhóm thu nhập khác thuộc diện chịu thuế TNCN để bao quát được thực tiễn có thể phát sinh, thực hiện mở rộng cơ sở thuế.

Điều 3 Luật thuế TNCN quy định chung về thu nhập chịu thuế bao gồm 10 loại thu nhập: (1) thu nhập từ kinh doanh; (2) thu nhập từ tiền lương, tiền công; (3) thu nhập từ đầu tư vốn; (4) thu nhập từ chuyển nhượng vốn; (5) thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản; (6) thu nhập từ trúng thưởng; (7) thu nhập từ bản quyền; (8) thu nhập từ nhượng quyền thương mại; (9) thu nhập từ nhận thừa kế; (10) thu nhập từ nhận quà tặng. Luật thuế TNCN giao Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn.

Nội dung quy định cụ thể các loại thu nhập chịu thuế TNCN như Luật hiện hành về cơ bản là phù hợp với thực tiễn tình hình KT-XH và các hình thức hoạt động trong đời sống dân cư, đồng thời cũng phù hợp với thông lệ quốc tế nói chung. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển của đời sống KT-XH và các hình thức hoạt động kinh doanh mới đã phát sinh một số khoản thu nhập khác của cá nhân ngoài các loại thu nhập chịu thuế đã được quy định nêu trên và thường là các khoản thu nhập khác có tính chất đặc thù như thu nhập từ chuyển nhượng, thanh lý tài sản, quyền tài sản là tên miền internet, sim - số điện thoại,...

Các khoản thu nhập từ chuyển nhượng tài sản, quyền tài sản này cũng có bản chất giống với một số khoản thu nhập không thường xuyên (thu nhập vãng lai) đang thuộc diện chịu thuế TNCN hiện nay như thu nhập từ bản quyền, thu nhập từ nhượng quyền thương mại... Tại Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị và các Văn kiện của Đảng thời gian gần đây cũng như Nghị quyết số 23/2021/QH15 của Quốc hội đã đặt ra chủ trương đẩy mạnh các biện pháp khai thác dư địa thu, chống thất thu, giảm nợ đọng thuế, mở rộng cơ sở thuế. Theo đó, cần nghiên cứu việc sửa đổi, bổ sung quy định về thu nhập

chịu thuế để đảm bảo bao quát hơn thực tế hiện nay theo hướng bổ sung nhóm thu nhập khác (đồng thời giao Chính phủ quy định chi tiết) hoặc quy định cụ thể các khoản thu khác để đảm bảo tính công bằng giữa các cá nhân có phát sinh thu nhập, đảm bảo phù hợp với nguyên tắc đánh thuế TNCN và thông lệ quốc tế.

Qua rà soát kinh nghiệm của các nước quy định về các loại hình thu nhập chịu thuế, ngoài việc liệt kê các nhóm thu nhập như: Thu nhập từ việc làm (tiền lương, tiền công, các khoản thưởng và thu nhập khác do lao động); thu nhập từ tác quyền; thu nhập từ tiền lãi; thu nhập từ cổ tức; thu nhập từ kinh doanh cá nhân; thu nhập từ tiền lương hưu; thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng tài sản; thu nhập từ cho thuê tài sản, còn có quy định nhóm thu nhập khác để bao quát các trường hợp trên thực tế có thể phát sinh mà tại thời điểm ban hành Luật có thể chưa xuất hiện trên thực tế⁴. Theo đó, các nước thường có quy định mang tính nguyên tắc để đảm bảo tính bao quát đối với các khoản thu nhập khác (hay thu nhập có tính chất bất thường) của cá nhân.

Phạm vi xác định các khoản thu nhập chịu thuế của pháp luật về thuế TNCN nhìn chung phù hợp với thực tiễn Việt Nam thời gian qua và thông lệ quốc tế. Tuy nhiên, với sự đa dạng nguồn gốc thu nhập của cá nhân gắn với mục tiêu, yêu cầu mở rộng cơ sở thuế, tham khảo kinh nghiệm các nước trên thế giới cần rà soát bổ sung quy định về thu nhập chịu thuế theo hướng bổ sung nhóm thu nhập khác (đồng thời giao Chính phủ quy định chi tiết cho phù hợp với tình hình thực tế) hoặc quy định cụ thể các khoản thu nhập khác (thu nhập từ chuyển nhượng, thanh lý tài sản là tên miền internet, sim - số điện thoại,...) là thu nhập

⁴ Chẳng hạn như:

- Ở Thái Lan, thu nhập chịu thuế bao hàm cả thu nhập bằng tiền và hiện vật. Bất kỳ lợi ích nào do người sử dụng lao động hoặc những người khác cung cấp, chẳng hạn như nhà cho thuê miễn phí hoặc số thuế do người sử dụng lao động trả thay cho người lao động cũng được coi là thu nhập chịu thuế để tính thuế TNCN. Thu nhập chịu thuế được chia thành 08 loại như sau: (1) thu nhập từ cung cấp dịch vụ cá nhân cho người sử dụng lao động; (2) thu nhập từ tiền lương, tiền công; (3) thu nhập từ chuyển giao bản quyền, chuyển quyền thương mại và sở hữu trí tuệ; (4) thu nhập từ cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng ở Thái Lan, thu nhập từ đầu tư vốn; (5) thu nhập từ cho thuê tài sản, bất động sản, hợp đồng mua bán, cho thuê; (6) thu nhập từ nghề nghiệp tự do; (7) thu nhập từ xây dựng và các công việc khác theo hợp đồng và (8) thu nhập từ kinh doanh, thương mại, nông nghiệp, công nghiệp, vận tải và các hoạt động khác.

- Ở Trung Quốc, Luật thuế TNCN quy định 9 loại thu nhập chịu thuế TNCN bao gồm: (1) thu nhập từ việc làm (tiền lương, tiền công); (2) thu nhập từ việc cung cấp các dịch vụ cá nhân như thiết kế, chăm sóc sức khỏe, tư vấn luật pháp, kế toán...; (3) thù lao của tác giả; (4) thu nhập từ bản quyền; (5) thu nhập từ kinh doanh; (6) thu nhập từ lãi suất, cổ tức và phân phối lợi nhuận; (7) thu nhập từ cho thuê máy móc, thiết bị, phương tiện, tàu thủy và các tài sản khác; (8) thu nhập từ chuyển quyền sở hữu tài sản (chứng khoán, cổ phiếu, bất động sản); (9) **thu nhập bất thường khác**.

- Ở Hàn Quốc, thu nhập chịu thuế TNCN bao gồm: (1) thu nhập từ tiền công, tiền lương lao động; (2) thu nhập từ kinh doanh (bao gồm lợi nhuận từ thương mại, giao dịch bất động sản, cho thuê, mua bán quyền sử dụng và các thu nhập khác tạo ra từ các giao dịch thông thường); (3) thu nhập từ cổ tức (cả từ doanh nghiệp trong nước và ngoài nước); (4) tiền lãi; (5) thu nhập từ lương hưu; (6) **các thu nhập khác** (giải thưởng bằng tiền hoặc hiện vật, tiền thưởng do trúng số xổ, trò chơi cá cược, phí người sử dụng từ bản quyền, quyền sử dụng các sản phẩm trí tuệ, thu nhập từ chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, đánh cá, quyền sở hữu công nghiệp, bí mật công nghiệp, thông tin cá nhân, thương hiệu và quyền khai thác nước dưới lòng đất...).

chịu thuế.

- Sửa đổi, bổ sung quy định đối với thu nhập của cá nhân từ hoạt động đầu tư/chuyển nhượng chứng khoán phái sinh; Sửa đổi, bổ sung quy định về thu nhập chịu thuế TNCN đối với hoạt động chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán của cá nhân.

Khoản 4 Điều 3, Điều 13, khoản 2 Điều 21, Điều 23 Luật thuế TNCN quy định: Thu nhập từ chuyển nhượng vốn, bao gồm: Thu nhập từ chuyển nhượng phần vốn trong các tổ chức kinh tế; Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán; Thu nhập từ chuyển nhượng vốn dưới các hình thức khác. Thu nhập chịu thuế TNCN từ chuyển nhượng vốn được xác định bằng giá bán trừ giá mua và các chi phí liên quan, thu nhập chịu thuế TNCN từ chuyển nhượng chứng khoán được xác định là giá chuyển nhượng từng lần và cá nhân chuyển nhượng chứng khoán phải nộp thuế TNCN theo tỷ lệ phần trăm trên giá chuyển nhượng.

+ Về rà soát sửa đổi, bổ sung quy định đối với thu nhập của cá nhân từ hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh.

Mặc dù Luật Chứng khoán năm 2019 quy định chứng khoán bao gồm cổ phiếu, trái phiếu, chứng khoán phái sinh và các loại chứng khoán khác. Tuy nhiên có sự khác biệt về bản chất giữa chứng khoán cơ sở và chứng khoán phái sinh (CKPS), cụ thể: Giá trị của CKPS phụ thuộc vào giá trị của một hoặc nhiều loại tài sản cơ sở; nhà đầu tư nắm giữ CKPS không được hưởng các quyền cổ đông như khi nắm giữ chứng khoán cơ sở. Trên thị trường phái sinh không diễn ra các giao dịch chuyển nhượng toàn bộ giá trị giao dịch và chuyển giao tài sản từ bên bán cho bên mua như thị trường cơ sở. Việc thanh toán chuyển giao giữa các nhà đầu tư chỉ là giá trị chênh lệch giá (lãi/lỗ).

Thời gian qua, với sự hoàn thiện về khung khổ pháp lý, thị trường CKPS trong nước đã có sự phát triển nhanh trên nhiều mặt, bao gồm cả quy mô giao dịch, các loại hình công cụ giao dịch và thị trường CKPS đã trở thành một bộ phận quan trọng của thị trường chứng khoán Việt Nam. Do vậy, cần nghiên cứu bổ sung quy định riêng về thuế TNCN đối với CKPS để đảm bảo phù hợp với thực tiễn cũng như đặc thù của hoạt động này, tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế cũng như cơ quan thuế trong quá trình tổ chức thực hiện. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy các nước đều dần chuyển sang đánh thuế dựa trên thu nhập thực đối với CKPS (Anh, Pháp, Đức, Luxembourg, Mỹ, Úc, Nhật Bản, Canada, Thái Lan).

+ Về sửa đổi, bổ sung quy định về thu nhập chịu thuế TNCN đối với hoạt động chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán của cá nhân.

Hiện hành, thu nhập chịu thuế TNCN từ chuyển nhượng vốn được xác định bằng giá bán trừ giá mua và các chi phí liên quan, thu nhập chịu thuế TNCN từ chuyển nhượng chứng khoán được xác định là giá chuyển nhượng từng lần và cá nhân chuyển nhượng chứng khoán phải nộp thuế TNCN theo tỷ lệ phần trăm trên giá chuyển nhượng. Quy định này đảm bảo sự đơn giản, minh bạch của

chính sách, giảm chi phí tuân thủ cho cả cơ quan thuế và người nộp thuế⁵. Tuy nhiên, đối với chuyển nhượng vốn thì các cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng vốn phải nộp thuế với mức thuế suất 20% trên thu nhập từ chuyển nhượng vốn. Theo đó, nếu cá nhân cố tình kê khai giá bán bằng với giá mua thì sẽ không phát sinh thu nhập nên không phải nộp thuế.

Từ thực tiễn thực hiện thời gian qua, cũng như xu hướng, kinh nghiệm của các nước thời gian gần đây, cần thiết nghiên cứu đề quy định rõ thu nhập chịu thuế, tỷ lệ thu thuế (trên doanh thu chuyển nhượng từng lần) đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn. Việc điều chỉnh theo hướng này cũng sẽ đảm bảo tính thống nhất, tương thích với nội dung sửa đổi, bổ sung phương pháp thu thuế theo tỷ lệ % thuế thu nhập doanh nghiệp trên doanh thu đối với hoạt động chuyển nhượng vốn của tổ chức nước ngoài.

- *Sửa đổi, bổ sung quy định đối với thu nhập chịu thuế của cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản để đảm bảo đồng bộ với Luật Đất đai năm 2024.*

Thời gian qua, chính sách thuế đối với thu nhập của cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản đã liên tục được hoàn thiện cho phù hợp với thực tiễn đất nước trong từng thời kỳ. Khoản 5 Điều 3, Điều 14, khoản 2 Điều 21, Điều 23 Luật thuế TNCN hiện hành quy định: Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản, bao gồm: Thu nhập từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; Thu nhập từ chuyển nhượng quyền sở hữu hoặc sử dụng nhà ở; Thu nhập từ chuyển nhượng quyền thuê đất, quyền thuê mặt nước; Các khoản thu nhập khác nhận được từ chuyển nhượng bất động sản. Thu nhập chịu thuế từ chuyển nhượng bất động sản được xác định là giá chuyển nhượng từng lần, thuế suất áp dụng là 2%.

Tại Điều 247 Luật Đất đai năm 2024 cũng đã sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 14 Luật thuế TNCN quy định cụ thể: *“Thu nhập chịu thuế từ chuyển nhượng bất động sản được xác định là giá chuyển nhượng từng lần, trường hợp chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì thu nhập chịu thuế tính theo giá đất trong bảng giá đất”*. Theo đó, cũng cần cập nhật quy định này vào dự thảo Luật thuế TNCN (thay thế) để đảm bảo đồng bộ của hệ thống pháp luật.

- *Sửa đổi, bổ sung quy định để mở rộng phạm vi thu nhập từ thừa kế, quà tặng.*

Đối với thu nhập chịu thuế từ thừa kế, quà tặng, tại khoản 9, khoản 10 Điều 3, Điều 18 Luật thuế TNCN hiện hành mới chỉ quy định thu thuế đối với tài sản thừa kế, quà tặng là chứng khoán, phần vốn trong các tổ chức kinh tế, cơ sở kinh doanh, bất động sản và tài sản khác phải đăng ký sở hữu hoặc đăng ký sử dụng mà không thu thuế TNCN đối với một loại tài sản thừa kế mà nhiều quốc gia trên thế giới đã áp dụng. Qua rà soát kinh nghiệm quốc tế, nhiều quốc gia đánh thuế thừa kế, quà tặng theo giá trị, bao gồm cả tài sản và tiền mặt. Tại

⁵ Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện có ý kiến cho rằng việc thu thuế 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần kể cả trường hợp cá nhân bị lỗ là chưa phù hợp, cần xác định phương pháp thu thuế trên thu nhập của cá nhân, nếu có lãi thì mới nộp thuế.

Thái Lan, tài sản chịu thuế thừa kế bao gồm bất động sản, chứng khoán theo quy định của pháp luật, tài khoản tiền gửi ngân hàng hoặc các loại tiền khác có tính chất tương tự, xe đã đăng ký và tài sản tài chính. Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan... quy định thuế TNCN đối với khoản thừa kế bao gồm tất cả tài sản được thừa kế.

Theo đó, để đảm bảo tính bao quát, công bằng trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế đối với cùng một loại thu nhập, phù hợp với pháp luật dân sự hiện hành về thừa kế và các hình thức thừa kế, cần rà soát, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định về thu nhập từ thừa kế, quà tặng tại Luật thuế TNCN cho phù hợp với thực tiễn. Việc nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định về thu nhập từ thừa kế, quà tặng sẽ góp phần mở rộng cơ sở thuế theo định hướng đã được xác định trong nhiều Văn kiện của Đảng và Nhà nước.

Đồng thời, tại Điều 18 Luật thuế TNCN quy định thời điểm xác định thu nhập chịu thuế đối với thu nhập từ thừa kế là thời điểm đối tượng nộp thuế nhận được thừa kế; đối với thu nhập từ quà tặng là thời điểm tổ chức, cá nhân tặng cho đối tượng nộp thuế hoặc thời điểm đối tượng nộp thuế nhận được thu nhập. Tuy nhiên, đối với tài sản phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng thì cá nhân phải hoàn thành nghĩa vụ thuế mới được làm thủ tục đăng ký. Điều này là phù hợp trong công tác quản lý, giảm bớt thủ tục cho cơ quan quản lý và người nộp thuế. Do vậy, cần xem xét sửa đổi, bổ sung thời điểm xác định thu nhập chịu thuế đối với thu nhập từ thừa kế, quà tặng cho phù hợp.

- Sửa đổi quy định về cách tính thuế đối với từng loại thu nhập chịu thuế, kết cấu lại và điều chỉnh tên một số điều để tương ứng với nội dung sửa đổi.

Luật thuế TNCN hiện hành kết cấu riêng phần thu nhập chịu thuế (từ Điều 11 đến Điều 18), thu nhập tính thuế (Điều 21) và thuế suất (đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công áp dụng theo Biểu thuế lũy tiến từng phần tại Điều 22; đối với các loại thu nhập từ đầu tư vốn, chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng bất động sản, bản quyền, nhượng quyền thương mại, trúng thưởng, thừa kế, quà tặng áp dụng theo Biểu thuế toàn phần tại Điều 23).

Từ 01/01/2015, Luật số 71/2014/QH13 sửa đổi cách tính thuế đối với cá nhân kinh doanh, theo đó cá nhân kinh doanh nộp thuế theo tỷ lệ trên doanh thu đối với từng lĩnh vực, ngành nghề sản xuất kinh doanh (trước đây thu nhập từ kinh doanh của cá nhân được coi là khoản thu nhập thường xuyên, cộng gộp với thu nhập từ tiền lương, tiền công để nộp thuế theo Biểu thuế lũy tiến từng phần).

Như vậy, đối với từng loại thu nhập chịu thuế hiện nay có cách tính thuế và thuế suất riêng, các quy định về xác định thu nhập chịu thuế, thu nhập tính thuế, thuế suất nằm "rải rác" ở các Điều dẫn đến khó theo dõi cho người nộp thuế. Do vậy, cần kết cấu lại và quy định rõ cách tính thuế đối với từng loại thu nhập chịu thuế để đảm bảo đơn giản, góp phần giảm chi phí tuân thủ cho người nộp thuế.

3. Sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến thu nhập được miễn thuế, giảm thuế

- *Bổ sung quy định đối với thu nhập từ lợi tức cổ phần của thành viên hợp tác xã nông nghiệp, cá nhân là nông dân ký kết hợp đồng với doanh nghiệp tham gia “Cánh đồng lớn”, trồng rừng sản xuất, nuôi trồng thủy sản.*

Tại điểm a khoản 2 Điều 23 Luật thuế TNCN quy định thuế suất đối với thu nhập từ đầu tư vốn của cá nhân là 5%. Thực tế các năm gần đây đã phát sinh việc phát triển mô hình hợp tác, liên kết giữa nông dân với hợp tác xã hoặc doanh nghiệp để sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn. Luật thuế TNCN hiện hành đã có quy định thu nhập từ trực tiếp sản xuất nông nghiệp được miễn thuế TNCN nhưng chưa có quy định miễn thuế TNCN đối với thu nhập từ lợi tức cổ phần của thành viên hợp tác xã nông nghiệp, cá nhân là nông dân ký kết hợp đồng với doanh nghiệp tham gia “Cánh đồng lớn”, trồng rừng sản xuất, nuôi trồng thủy sản (đang phải nộp thuế TNCN với mức thuế suất 5%) nên chưa thực sự khuyến khích cá nhân hợp tác, liên kết sản xuất với doanh nghiệp.

Về định hướng phát triển nông nghiệp quy mô lớn, theo hướng hiện đại, tại Nghị quyết 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030 đã đề ra định hướng: “*Cơ cấu lại nông nghiệp thực chất, hiệu quả, khai thác và phát huy lợi thế nền nông nghiệp nhiệt đới, tiềm năng, lợi thế của từng vùng, miền, địa phương. Đẩy mạnh tích tụ, tập trung đất đai; phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại, chuyên canh hàng hoá tập trung, quy mô lớn, bảo đảm an toàn thực phẩm dựa trên nền tảng ứng dụng khoa học - công nghệ tiên tiến, chuyển đổi số cơ giới hoá, tự động hoá; gắn kết chặt chẽ nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ, sản xuất với hàng quán, chế biến và tiêu thụ nông sản....*”. Tại Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới cũng đã đề ra định hướng: “*Sửa đổi, bổ sung các chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể theo hướng xác định các tổ chức kinh tế tập thể là chủ thể phù hợp để kết hợp giữa đầu tư của Nhà nước và đầu tư, quản lý của tập thể người dân (đầu tư công - quản trị cộng đồng). Nhà nước có cơ chế, chính sách đặc thù cho kinh tế tập thể...*”.

Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế cho thấy có một số quốc gia có ngành sản xuất nông nghiệp phát triển đều có chính sách ưu đãi thuế nhằm thu hút vốn đầu tư, khuyến khích phát triển nền sản xuất nông nghiệp theo hướng tập trung, hiện đại, bền vững. Theo đó, cần nghiên cứu sửa đổi quy định của pháp luật thuế TNCN hiện hành để cùng với các chính sách khác khuyến khích sự phát triển của ngành nông nghiệp theo định hướng của Đảng và Nhà nước.

- *Sửa đổi, bổ sung quy định đối với thu nhập do quỹ hưu trí tự nguyện, quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung chi trả.*

Khoản 10 Điều 4 Luật thuế TNCN quy định: “*Tiền lương hưu do Quỹ bảo hiểm xã hội chi trả; tiền lương hưu do quỹ hưu trí tự nguyện chi trả hàng tháng*” là thu nhập miễn thuế TNCN. Như vậy, theo quy định của Luật thuế TNCN hiện hành, cá nhân chỉ được miễn thuế TNCN đối với tiền lương hưu do quỹ hưu trí

tự nguyện chi trả hàng tháng, chưa quy định cụ thể trong trường hợp người lao động rút tiền một lần trước hoặc sau khi về hưu.

Tại Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 vừa được Quốc hội thông qua, tại khoản 1 Điều 127 quy định Nhà nước “*khuyến khích phát triển bảo hiểm hưu trí bổ sung thông qua các chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật về thuế*”.

So sánh với hình thức bảo hiểm xã hội hiện nay thì cả lúc đóng góp và lúc nhận lương hưu, trợ cấp, cá nhân đều được miễn thuế. Trong khi đó, cá nhân đóng góp quỹ hưu trí tự nguyện chỉ được trừ vào thu nhập tối đa 1 triệu đồng/tháng theo chính sách khuyến khích của Nhà nước, còn phần đóng góp cao hơn cá nhân phải tổng hợp vào thu nhập để tính thuế, có nghĩa là khoản đóng góp quỹ hưu trí tự nguyện là khoản thu nhập sau khi đã nộp thuế TNCN. Đến khi cá nhân nhận được khoản chi trả từ quỹ nếu chỉ miễn thuế đối với thu nhập từ lương hưu hàng tháng, cá nhân không được miễn thuế đối với khoản nhận một lần. Quy định này cũng chưa thực sự phù hợp, nhất là trong việc thúc đẩy sự phát triển của các chương trình hưu trí tự nguyện theo chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước.

Theo đó, để khuyến khích cá nhân tham gia các chương trình hưu trí tự nguyện, cần sửa đổi quy định về thuế TNCN đối với tiền lương hưu do quỹ hưu trí tự nguyện, quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung chi trả theo hướng không phân biệt chi trả một lần hay chi trả hàng tháng. Việc thực hiện chính sách này sẽ tạo điều kiện cho các cá nhân có sự linh hoạt hơn trong việc tham gia các chương trình hưu trí tự nguyện, đảm bảo sự nhất quán trong thực hiện chính sách.

- Bổ sung quy định miễn thuế TNCN đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng chỉ giảm phát thải, chuyển nhượng tín chỉ các – bon lần đầu sau khi phát hành của cá nhân được cấp chứng chỉ giảm phát thải, tín chỉ các – bon; thu nhập từ tiền lãi từ trái phiếu xanh; thu nhập từ chuyển nhượng trái phiếu xanh lần đầu sau khi phát hành.

Hiện nay xu hướng quốc tế đang khuyến khích phát triển các dự án đầu tư theo cơ chế phát triển sạch (CDM) do đây là các dự án đầu tư sản xuất theo công nghệ mới, tiên tiến, thân thiện với môi trường, có kết quả giảm phát thải khí nhà kính. Ban chấp hành quốc tế về CDM⁶ thực hiện việc giám sát, chấp thuận đăng ký và cấp chứng chỉ giảm phát thải. Tổ chức, cá nhân có quyền chuyển nhượng chứng chỉ cho các đối tượng có nhu cầu và có thêm nguồn vốn để đầu tư công nghệ sản xuất sạch.

Phát triển thị trường tín chỉ các-bon là giải pháp quan trọng để thực hiện các mục tiêu về bảo vệ môi trường và tại Luật Bảo vệ môi trường (BVMT) số 72/2020/QH14 được Quốc hội thông qua năm 2020 (có hiệu lực thi hành từ 01/01/2022) đã có các quy định về tín chỉ các-bon, cơ chế trao đổi, chuyển nhượng tín chỉ các-bon cũng như đề ra chủ trương Nhà nước cần có cơ chế, chính sách hỗ trợ để khuyến khích phát triển.

⁶ Tổ chức được các nước tham gia Công ước Khí hậu thành lập và ủy quyền giám sát các dự án CDM, chấp thuận đăng ký và cấp chứng chỉ giảm phát thải.

Luật BVMT cũng đã có quy định về trái phiếu xanh do Chính phủ, chính quyền địa phương, doanh nghiệp phát hành theo quy định của pháp luật về trái phiếu để huy động vốn cho hoạt động BVMT, dự án đầu tư mang lại lợi ích về môi trường; Chủ thể phát hành và nhà đầu tư mua trái phiếu xanh được hưởng các ưu đãi theo quy định và giao Chính phủ quy định chi tiết.

Thực tế những năm gần đây, để thúc đẩy hoạt động BVMT, nhiều quốc gia trên thế giới đã xây dựng và đưa vào triển khai các chính sách nhằm thúc đẩy thị trường chứng chỉ giảm phát thải, tín chỉ các-bon, trái phiếu xanh nhằm khuyến khích bảo vệ môi trường thông qua việc giảm phát thải các-bon, nâng cao nhận thức của cộng đồng xã hội về giảm phát thải khí nhà kính, hướng đến tăng trưởng xanh và phát triển bền vững.

Qua nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế cho thấy một số nước như Thái Lan, Malaysia, Trung Quốc... cũng có quy định miễn thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng chỉ giảm phát thải; Mê-hi-cô, Ấn Độ, Mỹ áp dụng nhiều chính sách ưu đãi về thuế thu nhập để thúc đẩy thị trường trái phiếu xanh, ví dụ ở Mỹ thu nhập từ trái phiếu xanh do chính quyền địa phương phát hành được miễn thuế thu nhập; một số quốc gia có chính sách miễn, giảm thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng tín chỉ các-bon, ví dụ như Thái Lan.

Để thúc đẩy hơn nữa các hoạt động hướng tới mục tiêu phát triển bền vững tại Việt Nam, nhất là trong việc thực hiện các cam kết của Việt Nam tại Hội nghị COP26, cần nghiên cứu để bổ sung vào diện được miễn thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng chỉ giảm phát thải, chuyển nhượng tín chỉ các-bon; thu nhập từ tiền lãi từ trái phiếu xanh; thu nhập từ chuyển nhượng trái phiếu xanh lần đầu sau khi phát hành, tương tự như kinh nghiệm của các nước trên thế giới đang áp dụng.

Hiện nay, tại dự án Luật thuế thu nhập doanh nghiệp (sửa đổi) cũng đang đề xuất bổ sung quy định miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập của các hoạt động này. Theo đó, việc sửa đổi, bổ sung này sẽ đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất trong thực hiện các mục tiêu chính sách của Đảng và Nhà nước liên quan đến thúc đẩy tăng trưởng xanh

Đồng thời, việc giao Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành thu nhập được miễn thuế sẽ đảm bảo phù hợp với thực tiễn phát sinh, hạn chế được các hành vi gian lận trong việc xác định các khoản thu nhập được giảm thuế, miễn thuế.

- Bổ sung quy định về giảm thuế trong một số trường hợp để thực hiện các chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước về thu hút nguồn nhân lực trình độ cao trong một số lĩnh vực của nền kinh tế.

Điều 5 Luật thuế TNCN quy định: Đối tượng nộp thuế gặp khó khăn do thiên tai, hoả hoạn, tai nạn, bệnh hiểm nghèo ảnh hưởng đến khả năng nộp thuế thì được xét giảm thuế tương ứng với mức độ thiệt hại nhưng không vượt quá số thuế phải nộp. Quy định này thể hiện sự quan tâm, hỗ trợ của Nhà nước trong trường hợp người nộp thuế gặp khó khăn.

Theo Luật thuế TNCN hiện hành thì ưu đãi miễn, giảm thuế TNCN không áp dụng đối với cá nhân là nhân lực CNC, trong khi đây là lực lượng lao động quan trọng cần có cơ chế khuyến khích phát triển phù hợp. Luật CNC cũng đã có quy định Nhà nước tập trung đầu tư phát triển nhân lực CNC đạt trình độ khu vực và quốc tế; áp dụng cơ chế, chính sách ưu đãi đặc biệt để đào tạo, thu hút, sử dụng có hiệu quả nhân lực CNC trong nước và ngoài nước⁷, lực lượng trẻ tài năng trong hoạt động nghiên cứu, giảng dạy, ương tạo CNC, ương tạo doanh nghiệp CNC và các hoạt động CNC khác (khoản 3 Điều 4 Luật CNC); Tập trung đầu tư phát triển CNC trong 04 lĩnh vực công nghệ là công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ tự động hóa. Luật CNC cũng quy định giao Chính phủ điều chỉnh, bổ sung lĩnh vực công nghệ cần tập trung đầu tư phát triển CNC tùy theo nhu cầu phát triển KT-XH, quốc phòng, an ninh, trong đó đảm bảo CNC được ưu tiên đầu tư phát triển trong các lĩnh vực công nghệ phải phù hợp với yêu cầu, xu thế phát triển khoa học và công nghệ tiên tiến, hiện đại của thế giới, phát huy lợi thế của đất nước, có tính khả thi và đáp ứng một trong các điều kiện cụ thể (Điều 5 Luật CNC).

Phát triển khoa học công nghệ, nhân lực CNC là một trong những nhân tố quan trọng để tăng năng suất và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Để phát triển hơn nữa cho lĩnh vực khoa học và công nghệ, cần thiết phải có những chính sách tập trung thu hút các cá nhân có trình độ cao tham gia thực hiện trong các lĩnh vực như công nghệ thông tin hoặc các lĩnh vực đang ưu tiên phát triển như nông nghiệp, chế biến nông sản. Đây cũng là chính sách được một số quốc gia trên thế giới áp dụng⁸. Theo đó, cần nghiên cứu, bổ sung các quy định phù hợp tại Luật thuế TNCN đối với thu nhập của cá nhân là nhân lực CNC làm việc tại các doanh nghiệp như: doanh nghiệp CNC, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng CNC, dự án ứng dụng CNC thuộc danh mục CNC được ưu tiên đầu tư phát triển, dự án sản xuất sản phẩm CNC thuộc danh mục sản phẩm CNC được khuyến khích phát triển. Mức giảm thuế TNCN đối với nhóm đối tượng này cần được nghiên cứu, đảm bảo hài hòa giữa các mục tiêu về khuyến khích các đối tượng cần ưu tiên thu hút, duy trì hợp lý mức động viên NSNN và không làm sai lệch vai trò của chính sách thuế TNCN.

Do việc xác định cá nhân là nhân lực CNC phụ thuộc vào nhiều tiêu chí cũng như các định hướng phát triển của đất nước trong từng giai đoạn. Trường hợp bổ sung quy định giảm thuế TNCN đối với các đối tượng này, cũng cần nghiên cứu để có quy định về tiêu chí xác định cá nhân là nhân lực CNC để làm cơ sở cho việc thực hiện theo hướng giao Thủ tướng Chính phủ quy định cụ thể.

⁷ Về khái niệm nhân lực CNC, khoản 10 Điều 3 Luật CNC số 21/2008/QH12 quy định: *Nhân lực CNC* là đội ngũ những người có trình độ và kỹ năng đáp ứng được yêu cầu của hoạt động nghiên cứu, phát triển, ứng dụng CNC, dịch vụ CNC, quản lý hoạt động CNC, vận hành các thiết bị, dạy chuyên sản xuất sản phẩm CNC.

⁸ Tuy nhiên, cũng có ý kiến cho rằng, cần thực hiện điều tiết thuế công bằng đối với các cá nhân, việc giảm thuế cho cá nhân, đặc biệt là người thu nhập cao là không thỏa đáng, dễ gây tâm lý so sánh đối với các lĩnh vực khác cũng đang cần thu hút nhân lực. Việc thu hút cá nhân có trình độ chuyên môn cao vào làm việc trong ngành khoa học và công nghệ có thể sử dụng các chính sách khác như chế độ nhà ở, chế độ trợ cấp, phụ cấp phù hợp... mà không ưu đãi thuế.

- Bổ sung quy định giao Thủ tướng Chính phủ quyết định việc miễn, giảm thuế cho người lao động làm việc tại một số tổ chức quốc tế đặc thù.

Theo quy định hiện hành, việc miễn thuế TNCN đang được áp dụng đối với các đối tượng khác như: chuyên gia nước ngoài làm việc tại chương trình, dự án tài trợ bằng nguồn vốn ODA (được miễn thuế theo Quyết định số 119/2009/QĐ-TTgCP ngày 01/10/2009 của Thủ tướng Chính phủ); chuyên gia nước ngoài làm việc tại chương trình, dự án phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam (được miễn thuế theo Quyết định số 06/2016/QĐ-TTg ngày 22/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ); cá nhân là người Việt Nam làm việc tại cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế thuộc Hệ thống Liên Hợp quốc tại Việt Nam (được miễn thuế theo Quyết định số 07/2016/QĐ-TTg ngày 22/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ). Nội dung của các Quyết định này được kế thừa từ các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành trước khi Luật thuế TNCN có hiệu lực thi hành (Quyết định số 211/1998/QĐ-TTg ngày 31/10/1998 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư số 52/2000/TT-BTC ngày 05/6/2000 và Thông tư số 55/2007/TT-BTC ngày 29/5/2007 của Bộ Tài chính).

Trong giai đoạn hiện nay, chính sách ưu đãi miễn thuế TNCN đối với chuyên gia nước ngoài thực hiện chương trình, dự án ODA, viện trợ phi chính phủ nước ngoài vẫn là cần thiết để khuyến khích, thu hút nguồn vốn vay và viện trợ nước ngoài, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức quốc tế hoạt động tại Việt Nam. Đồng thời, chính sách miễn thuế TNCN đối với nhân viên Việt Nam làm việc cho cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế thuộc hệ thống Liên Hợp quốc cũng cần tiếp tục duy trì để hình thành về nghĩa vụ thuế, vì khoản lương mà nhân viên Việt Nam nhận được đã thực hiện nghĩa vụ thuế thu nhập theo quy định của Liên Hợp quốc. Khoản thuế này do cơ quan đại diện của Liên Hợp quốc giữ lại và coi khoản thu này như khoản thuế thu nhập quốc gia và đưa vào Quỹ bình ổn thuế của Liên Hợp quốc và được trừ bớt phần định mức đóng góp hàng năm của quốc gia vào ngân sách của Liên Hợp quốc.

Theo đó, để đảm bảo tính thống nhất của hệ thống pháp luật thuế và đảm bảo cơ sở pháp lý, cần nghiên cứu, bổ sung quy định tại Luật thuế TNCN nội dung giao thẩm quyền cho Thủ tướng Chính phủ quyết định việc miễn thuế trong một số trường hợp đặc biệt này. Đây cũng là những đối tượng đang được miễn thuế theo các văn bản dưới Luật trước thời điểm Luật thuế TNCN hiện hành có hiệu lực thi hành.

4. Hoàn thiện quy định về thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân kinh doanh

- Điều chỉnh nâng mức doanh thu chịu thuế đối với thu nhập từ kinh doanh.

Theo quy định của Luật thuế TNCN năm 2007, đối với thu nhập từ kinh doanh cũng được áp dụng các khoản giảm trừ khi tính thuế TNCN. Tuy nhiên, đối với hộ, cá nhân kinh doanh, quy trình tính thuế này là phức tạp do đại bộ phận hộ, cá nhân kinh doanh không thực hiện chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ, không xác định được chi phí, thu nhập chịu thuế nên cơ quan thuế phải thực hiện

án định thu nhập, sau đó lại xác định thu nhập tính thuế dựa trên cơ sở giảm trừ gia cảnh để áp dụng biểu thuế lũy tiến từng phần như cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công.

Luật số 71/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Luật thuế (có hiệu lực thi hành từ 01/01/2015) quy định: Đối với hộ, cá nhân kinh doanh có mức doanh thu hàng năm từ 100 triệu đồng trở xuống thì không phải nộp thuế TNCN; Đối với hộ, cá nhân kinh doanh có doanh thu trên 100 triệu đồng/năm nộp thuế TNCN theo tỷ lệ ấn định trên doanh thu theo từng ngành nghề, lĩnh vực sản xuất, kinh doanh.

Quá trình thực hiện có ý kiến cho rằng mức 100 triệu đồng/năm để xác định cá nhân không thuộc diện nộp thuế TNCN là không phù hợp, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo tỷ lệ trên doanh thu không được giảm trừ gia cảnh. Trong khi đó, từ kỳ tính thuế năm 2020, mức giảm trừ áp dụng đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công là 11 triệu đồng/tháng (132 triệu đồng/năm) đối với bản thân người nộp thuế, 4,4 triệu đồng/tháng đối với mỗi người phụ thuộc.

Gần đây, Quốc hội cũng đã thông qua Luật thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15, trong đó đã điều chỉnh tăng ngưỡng doanh thu không chịu thuế của cá nhân kinh doanh lên mức 200 triệu đồng/năm (thay cho mức 100 triệu đồng). Theo đó, để phù hợp với sự biến động của giá cả, thống nhất với ngưỡng doanh thu chịu thuế giá trị gia tăng của cá nhân kinh doanh tại Luật thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15, cần thiết phải điều chỉnh mức thu nhập không chịu thuế của hộ, cá nhân kinh doanh từ 100 triệu đồng/năm lên 200 triệu đồng/năm. Qua đó, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật, giảm nghĩa vụ thuế cho người nộp thuế.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về xác định doanh thu để thống nhất với các pháp luật liên quan.

Đối với hoạt động kinh doanh của cá nhân, việc xác định doanh thu cần rà soát để đảm bảo thống nhất, tương đồng với các pháp luật liên quan, nhất là pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp. Qua đó, đảm bảo tính đồng bộ của hệ thống pháp luật

- Điều chỉnh mức thuế suất đối với một số khoản thu nhập từ hoạt động cung cấp sản phẩm và dịch vụ phần mềm; sản phẩm và dịch vụ nội dung thông tin số về giải trí, trò chơi điện tử, phim số, ảnh số, nhạc số, quảng cáo số.

Luật số 71/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Luật thuế và các văn bản hướng dẫn về thuế (có hiệu lực thi hành từ 01/01/2015) quy định: Đối với hộ, cá nhân kinh doanh có doanh thu trên 100 triệu đồng/năm nộp thuế TNCN theo tỷ lệ ấn định trên doanh thu theo từng ngành nghề, lĩnh vực sản xuất, kinh doanh (Phân phối, cung cấp hàng hóa: 0,5%; Dịch vụ; xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu: 2% (Riêng hoạt động cho thuê tài sản, đại lý bảo hiểm, đại lý xổ số, đại lý bán hàng đa cấp: 5%); Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu: 1,5%; Hoạt động kinh doanh khác: 1%). Quy định này đảm bảo chính sách đơn giản, rõ ràng, minh bạch, nâng cao hiệu quả công tác quản lý thu thuế, tính tuân thủ pháp luật thuế

của các hộ, cá nhân kinh doanh, tiết kiệm chi phí tuân thủ thuế cho người nộp thuế và cơ quan thuế.

Mặc dù quy định thu thuế TNCN theo tỷ lệ trên doanh thu, không tính trừ chi phí và các khoản giảm trừ, tuy nhiên mức tỷ lệ được xây dựng đã tính toán phù hợp hoạt động kinh doanh của cá nhân tương ứng với từng lĩnh vực, ngành nghề sản xuất, kinh doanh và thấp hơn tỷ lệ trên doanh thu hiện đang áp dụng đối với doanh nghiệp không xác định được chi phí, thu nhập của hoạt động kinh doanh.

Quá trình thực hiện có ý kiến cho rằng tỷ lệ thuế TNCN trên doanh thu cần được tính toán, điều chỉnh lại cho phù hợp với đặc điểm của một số loại thu nhập, hoạt động kinh doanh đặc thù như hoạt động cung cấp sản phẩm và dịch vụ phần mềm; sản phẩm và dịch vụ nội dung thông tin số về giải trí, trò chơi điện tử, phim số, ảnh số, nhạc số, quảng cáo số. Hiện hành, thu nhập của cá nhân từ các hoạt động này đang chịu sự điều tiết như một số khoản thu nhập khác, trong khi đây là những khoản thu nhập có tính chất đặc thù nên cần có mức thuế suất phù hợp để đảm bảo sự bình đẳng giữa các đối tượng nộp thuế, sự thống nhất của hệ thống chính sách thuế, đảm bảo phát huy được vai trò điều tiết, phân phối lại của chính sách thuế TNCN trong hệ thống thuế⁹. Mức thuế suất cụ thể cần được nghiên cứu đánh giá kỹ lưỡng, đảm bảo phát huy được một cách có hiệu quả vai trò của chính sách thuế TNCN trong hệ thống thuế, thực hiện điều tiết hợp lý thu nhập của cá nhân trong nền kinh tế.

5. Hoàn thiện quy định về giảm trừ gia cảnh, giảm trừ đối với các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo và các khoản giảm trừ đặc thù khác

- Điều chỉnh quy định về mức giảm trừ gia cảnh cho cá nhân người nộp thuế và người phụ thuộc.

Theo quy định của Luật thuế TNCN hiện hành, cá nhân được trừ các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp đối với một số ngành nghề phải tham gia bảo hiểm bắt buộc, trừ đi mức giảm trừ gia cảnh, các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo, các khoản phụ cấp, trợ cấp theo quy định... số còn lại mới là thu nhập làm căn cứ tính thuế TNCN.

Luật thuế TNCN (áp dụng từ 01/01/2009) quy định mức giảm trừ đối với đối tượng nộp thuế là 4 triệu đồng/tháng (48 triệu đồng/năm); mức giảm trừ đối với mỗi người phụ thuộc là 1,6 triệu đồng/tháng. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TNCN số 26/2012/QH13 (áp dụng từ 01/7/2013) quy định mức giảm trừ đối với đối tượng nộp thuế là 9 triệu đồng/tháng (108 triệu đồng/năm); mức giảm trừ đối với mỗi người phụ thuộc là 3,6 triệu đồng/tháng. Đồng thời bổ sung quy định: Trường hợp chỉ số giá tiêu dùng (CPI) biến động trên 20% so với thời điểm Luật có hiệu lực thi hành hoặc thời điểm điều chỉnh

⁹ Trước đây, tại Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 ngày 19/10/2021 của UBTVQH về ban hành một số giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động của dịch Covid-19 cũng loại trừ, không giảm thuế đối với thu nhập, doanh thu từ cung cấp sản phẩm và dịch vụ phần mềm; sản phẩm và dịch vụ nội dung thông tin số về giải trí, trò chơi điện tử, phim số, ảnh số, nhạc số, quảng cáo số của cá nhân.

mức giảm trừ gia cảnh gần nhất thì Chính phủ trình UBTVQH điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh quy định tại khoản này phù hợp với biến động của giá cả để áp dụng cho kỳ tính thuế tiếp theo.

Ngày 02/6/2020 UBTVQH đã ban hành Nghị quyết số 954/2020/UBTVQH14 về điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh của thuế TNCN (áp dụng từ kỳ tính thuế năm 2020). Theo đó, nâng mức giảm trừ đối với đối tượng nộp thuế là 11 triệu đồng/tháng (132 triệu đồng/năm); mức giảm trừ đối với mỗi người phụ thuộc là 4,4 triệu đồng/tháng. Việc điều chỉnh nâng mức giảm trừ gia cảnh của thuế TNCN đã góp phần giảm bớt nghĩa vụ cho người nộp thuế, số thuế phải nộp sẽ được giảm cho mọi đối tượng đang nộp thuế TNCN. Với mức giảm trừ cho bản thân người nộp thuế là 11 triệu đồng/tháng và cho mỗi người phụ thuộc là 4,4 triệu đồng/tháng như hiện nay thì người có thu nhập từ tiền lương, tiền công ở mức 17 triệu đồng/tháng (nếu có 1 người phụ thuộc) hay mức 22 triệu đồng/tháng (nếu có 2 người phụ thuộc) sau khi trừ các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp... thì hiện nay cũng chưa phải nộp thuế TNCN.

Theo Báo cáo khảo sát mức sống dân cư năm 2023 của Tổng cục Thống kê (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) công bố thì thu nhập bình quân đầu người/tháng của Việt Nam trong năm 2023 (theo giá hiện hành) là 4,96 triệu đồng và nhóm hộ có thu nhập cao nhất (nhóm gồm 20% dân số giàu nhất - nhóm 5) có thu nhập bình quân là 10,86 triệu đồng/tháng/người. Theo đó, mức giảm trừ cho người nộp thuế hiện nay (11 triệu đồng/tháng) là bằng hơn 2,21 lần so với mức thu nhập bình quân đầu người (cao hơn nhiều so với mức phổ biến mà các nước đang áp dụng¹⁰), tương đương thu nhập bình quân của nhóm 20% dân số giàu nhất.

Việc thực hiện chính sách thuế TNCN có vai trò rất quan trọng để triển khai chính sách phân phối lại, đảm bảo công bằng xã hội. Cùng với các nguồn thu khác, nguồn thu từ thuế TNCN đã được sử dụng để đáp ứng rất nhiều các nhu cầu chi cho đầu tư phát triển, an ninh quốc phòng, đảm bảo an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo. Việc áp dụng thuế TNCN cần đảm bảo phù hợp với hoàn cảnh sống của người nộp thuế đặt trong bối cảnh KH-XH.

Thời gian qua có ý kiến cho rằng mức giảm trừ gia cảnh vẫn còn thấp, nhưng cũng có ý kiến cho rằng mức giảm trừ gia cảnh hiện nay không thấp khi so sánh với mặt bằng chung về mức sống, thu nhập của người dân hiện nay, có nhiều người lao động hiện đang có thu nhập chưa đến mức phải nộp thuế. Ngoài ra, cũng có ý kiến cho rằng, cần quy định mức giảm trừ gia cảnh theo mức lương tối thiểu vùng, mức giảm trừ gia cảnh ở các đô thị, thành phố lớn cần phải cao hơn ở khu vực nông thôn, miền núi do chi phí đất đai cao hơn; cũng có ý kiến cho rằng phải có chính sách thuế điều tiết cao hơn đối với cá nhân ở các đô thị, thành phố lớn để hạn chế nhập cư, di dân vào các đô thị lớn...

Về bản chất, quy định về giảm trừ trước khi tính thuế đảm bảo nguyên tắc cá nhân cần phải có một mức thu nhập nhất định nhằm đáp ứng được nhu cầu

¹⁰ Theo số liệu năm 2023, tỷ lệ này ở Ma-lai-si-a là 0,16 lần, In-đô-nê-xi-a là 0,68 lần, Trung Quốc là 0,67 lần.

thiết yếu của cuộc sống như: ăn, ở, đi lại, học tập, khám chữa bệnh..., vì thế, thu nhập trên ngưỡng này mới phải nộp thuế. Việc áp dụng các khoản giảm trừ còn hướng tới mục tiêu loại trừ các đối tượng có thu nhập thấp ra khỏi diện phải nộp thuế TNCN. Mức giảm trừ gia cảnh cho người nộp thuế, người phụ thuộc của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế TNCN là mức cụ thể theo mặt bằng chung của xã hội, không phân biệt người có thu nhập cao hay thấp, với nhu cầu tiêu dùng khác nhau. Cá nhân có khó khăn do thiên tai, hoả hoạn, tai nạn, bệnh hiểm nghèo thì Luật thuế TNCN đã có quy định giảm thuế cho các trường hợp này.

Đối với nước ta, mức giảm trừ gia cảnh hiện hành được áp dụng từ năm 2020 đến nay nên cũng cần thiết phải rà soát, đánh giá lại để đề xuất phương án sửa đổi, bổ sung phù hợp với các điều kiện mới. Mức giảm trừ gia cảnh cụ thể cần được nghiên cứu, tính toán một cách kỹ lưỡng, đảm bảo cho phù hợp với sự biến động của giá cả cũng như sự gia tăng mức sống dân cư trong giai đoạn vừa qua cũng như dự báo cho thời gian tới đây, đồng thời không làm giảm vai trò của chính sách thuế TNCN trong hệ thống thuế. Mức giảm trừ “*quá cao*” sẽ làm mờ vai trò của chính sách thuế TNCN trong việc thực hiện các chức năng của sắc thuế này (đảm bảo công bằng xã hội và điều tiết thu nhập) và vô hình sẽ đưa chính sách thuế TNCN trở lại “*chính sách thuế đối với người có thu nhập cao*” như giai đoạn trước đây. Đồng thời, có thể cân nhắc nghiên cứu phương án giao Chính phủ quy định mức giảm trừ gia cảnh để đảm bảo linh hoạt, chủ động điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn và yêu cầu phát triển KT-XH của đất nước trong từng thời kỳ.

- Bổ sung phạm vi xác định các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo được giảm trừ; nghiên cứu bổ sung các khoản giảm trừ đặc thù khác; đồng thời, giao Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành để phù hợp với thực tiễn phát sinh.

+ Về bổ sung phạm vi xác định các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo được giảm trừ.

Điều 20 Luật thuế TNCN hiện hành quy định các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo được trừ vào thu nhập trước khi tính thuế đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công bao gồm: khoản đóng góp vào tổ chức, cơ sở chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, người tàn tật, người già không nơi nương tựa; khoản đóng góp vào quỹ từ thiện, quỹ nhân đạo, quỹ khuyến học.

Hiện nay, việc hình thành và mở rộng các quỹ xã hội, quỹ từ thiện là giải pháp để giúp Chính phủ hỗ trợ phúc lợi cho các đối tượng yếu thế, trong đó các nguồn quỹ được hình thành từ sự huy động, đóng góp của người dân, người lao động trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị đã góp phần thực hiện tốt các chính sách đền ơn, đáp nghĩa, an sinh xã hội, hỗ trợ đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn hay trong giai đoạn dịch bệnh Covid-19, bão lũ... thời gian qua. Do vậy, việc rà soát để bổ sung phạm vi xác định các khoản đóng góp được giảm trừ là cần thiết.

+ Về nghiên cứu bổ sung các khoản giảm trừ đặc thù khác.

Luật thuế TNCN hiện hành đã quy định về giảm trừ cho bản thân người nộp thuế, giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc mà người nộp thuế phải nuôi dưỡng; đồng thời Luật cũng quy định không tính vào thu nhập chịu thuế TNCN các khoản đóng góp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp đối với một số ngành, nghề phải tham gia bảo hiểm bắt buộc, các khoản trợ cấp, phụ cấp đặc thù, các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo... Thời gian qua có ý kiến cho rằng cần nghiên cứu cho phép người nộp thuế được trừ một số khoản chi trong năm ở mức độ phù hợp như các khoản chi phí về y tế, giáo dục trước khi tính thuế.

Qua nghiên cứu kinh nghiệm các nước cho thấy, hầu hết pháp luật thuế TNCN của các nước đều có quy định về việc giảm trừ theo các hình thức và cách thức khác nhau. Về phân loại, các nước thường chia thành ba nhóm sau: i) giảm trừ chung cho cá nhân người nộp thuế; ii) các khoản giảm trừ cho người phụ thuộc, như giảm trừ cho con, cho vợ hoặc chồng, cho bố, mẹ...; và iii) các khoản giảm trừ có tính chất đặc thù (ví dụ, giảm trừ cho chi phí y tế, giáo dục...).

Pháp luật về thuế TNCN của Việt Nam đã quy định cho phép giảm trừ đối với hai nhóm đầu: cho người nộp thuế và người phụ thuộc. Đối với các khoản giảm trừ đặc thù, đây là các khoản giảm trừ mà người nộp thuế được hưởng khi đáp ứng được một số tiêu chí nhất định, ví dụ như chi tiêu cho các khoản mà Nhà nước khuyến khích (ví dụ cho y tế, giáo dục...). Theo đó, phạm vi các khoản giảm trừ này ở các nước cũng rất đa dạng. Có quốc gia cho phép giảm trừ các khoản đóng góp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế... để khuyến khích người dân tham gia các dịch vụ này; có quốc gia cho phép giảm trừ các khoản chi phí về y tế, chi phí giáo dục của con hoặc có quốc gia cho phép giảm trừ đối với các khoản lãi tiền vay mua nhà trả góp... (Thái Lan, Ma-lai-xi-a, Hàn Quốc, In-đô-nê-xi-a...).

Nhằm phát huy tốt vai trò, ý nghĩa của chính sách thuế TNCN trong việc điều tiết thu nhập nhưng có tính đến điều kiện, hoàn cảnh của người nộp thuế, cần thiết rà soát, nghiên cứu bổ sung các khoản giảm trừ đặc thù khác trước khi tính thuế cho cá nhân người nộp thuế. Tuy nhiên, phạm vi các khoản chi được giảm trừ và mức độ được giảm trừ đối với các khoản chi cần phải được cân nhắc, tính toán phù hợp để vừa đạt được mục tiêu đề ra nhưng cũng không làm giảm vai trò của chính sách thuế TNCN dưới phương diện là một công cụ điều tiết thu nhập, thực hiện phân phối lại thu nhập trong nền kinh tế.

6. Điều chỉnh Biểu thuế lũy tiến từng phần áp dụng đối với cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công và các mức thuế suất tại Biểu thuế toàn phần tương ứng với các nội dung sửa đổi về thu nhập từ chuyển nhượng vốn, thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản

- *Điều chỉnh Biểu thuế lũy tiến từng phần đối với thu nhập từ tiền lương tiền công của cá nhân cư trú.*

Khoản 2 Điều 22 Luật thuế TNCN quy định Biểu thuế lũy tiến từng phần

thuế để đảm bảo đồng bộ với quy định tại Luật số 56/2024/QH15 vừa được Quốc hội thông qua.

- Sửa đổi quy định về kỳ tính thuế đối với thu nhập từ kinh doanh, thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.

Hiện hành Luật thuế TNCN quy định đối với thu nhập từ kinh doanh, kỳ tính thuế theo năm và không phải quyết toán thuế. Tuy nhiên, thực tế thực hiện có nhiều hình thức kinh doanh kèm theo các phương thức thanh toán khác nhau, ví dụ như hoạt động thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp kê khai phát sinh doanh thu lớn nên áp dụng kỳ tính thuế theo tháng sẽ phù hợp hơn; hay đối với cá nhân kinh doanh lưu động, cá nhân là chủ thầu xây dựng tư nhân phát sinh thu nhập theo lần/theo kỳ thanh toán đối với hoạt động cho thuê tài sản.

Điều 7 Luật thuế TNCN quy định kỳ tính thuế theo năm áp dụng đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán. Tuy nhiên, tại khoản 5, khoản 7 Điều 2 Luật số 71/2014/QH13 đã sửa đổi quy định về thuế TNCN đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán của cá nhân, theo đó thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán nộp thuế theo từng lần chuyển nhượng, không quyết toán lại theo năm. Do vậy, cần nghiên cứu sửa đổi quy định kỳ tính thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán tại Điều 7 Luật thuế TNCN nêu trên trong trường hợp vẫn duy trì cách xác định thu nhập chịu thuế TNCN đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán như hiện nay.

- Sửa đổi bổ sung quy định về các loại thu nhập phải khấu trừ thuế, các loại thu nhập không phải khấu trừ thuế để đảm bảo tính thống nhất, khả thi trong thực hiện.

Chính sách thuế TNCN có một số đặc thù riêng, trong đó nhằm đảm bảo công tác quản lý thu-thuế được hiệu quả và phù hợp, tại Nghị định quy định chi tiết Luật thuế TNCN đã có quy định về các loại thu nhập phải khấu trừ thuế (thu nhập từ tiền lương, tiền công, thu nhập từ đầu tư vốn, chuyển nhượng chứng khoán, trúng thưởng, bản quyền, nhượng quyền thương mại, thu nhập của cá nhân không cư trú...), các loại thu nhập không phải khấu trừ thuế (thu nhập từ kinh doanh, thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản, thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặng...).

Tuy nhiên, thực tế thực hiện đã phát sinh vấn đề là cá nhân kinh doanh qua các sàn thương mại điện tử có chức năng đặt hàng trực tuyến. Mặc dù các sàn thương mại điện tử chỉ là đơn vị trung gian giữa người bán và người mua nhưng lại có thể xác định được doanh thu của người bán qua sàn. Hoặc đối với các trường hợp cá nhân ký kết hợp đồng hợp tác với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ vận chuyển, giao hàng... nếu để cá nhân kinh doanh kê khai, nộp thuế trực tiếp với cơ quan thuế sẽ phức tạp trong quản lý, không đảm bảo tính khả thi, hiệu quả.

Theo đó, để đảm bảo căn cứ pháp lý, cần thiết nghiên cứu để sửa đổi, bổ sung quy định về các loại thu nhập phải khấu trừ thuế, các loại thu nhập không phải khấu trừ thuế phù hợp với thực tiễn và các hoạt động kinh tế mới phát sinh.

- Rà soát sửa đổi, bổ sung quy định về thời điểm xác định thu nhập chịu thuế đối với một số khoản thu nhập của cá nhân như thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản, thu nhập từ thừa kế, quà tặng...

Hiện hành, Luật thuế TNCN (Điều 14, Điều 18) quy định thời điểm xác định thu nhập chịu thuế từ chuyển nhượng bất động sản là thời điểm hợp đồng chuyển nhượng có hiệu lực theo quy định của pháp luật, đối với thu nhập từ thừa kế là thời điểm đối tượng nộp thuế nhận được thừa kế, đối với thu nhập từ quà tặng là thời điểm tổ chức, cá nhân tặng cho người nộp thuế hoặc thời điểm người nộp thuế nhận được thu nhập.

Thực tế thực hiện phát sinh vấn đề vướng mắc đối với trường hợp người chuyển nhượng bất động sản ủy quyền cho người mua nộp thuế thay, khi người mua làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu/quyền sử dụng bất động sản thì cơ quan quản lý mới thực hiện xác định nghĩa vụ thuế; hay đối với thừa kế, quà tặng là chứng khoán thì cá nhân phải hoàn thành nghĩa vụ thuế thì mới làm thủ tục chuyển quyền sở hữu chứng khoán, việc này dẫn đến thời điểm cơ quan thuế ra thông báo nghĩa vụ thuế chưa có ngày đăng ký quyền sở hữu chứng khoán... Do vậy, cần rà soát sửa đổi, bổ sung quy định về thời điểm xác định thu nhập chịu thuế đối với một số khoản thu nhập của cá nhân cho phù hợp với các pháp luật liên quan để đảm bảo thống nhất.

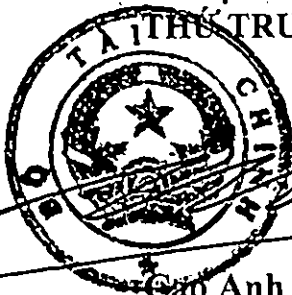
- Bỏ quy định về áp dụng điều ước quốc tế (Điều 9) để thống nhất thực hiện theo quy định của khoản 1 Điều 6 Luật Điều ước quốc tế; bỏ các quy định liên quan về quản lý thuế để thống nhất thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế như: quy định về quy đổi thu nhập chịu thuế ra Đồng Việt Nam (Điều 6); quy định về quản lý thuế, hoàn thuế (Điều 8)....; sửa đổi, bổ sung quy định về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trả thu nhập và trách nhiệm của người nộp thuế (Điều 24, Điều 33) để đảm bảo đồng bộ với quy định tại Luật số 56/2024/QH15 vừa được Quốc hội thông qua.

Trên đây là Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Luật thuế TNCN và một số đề xuất của Bộ Tài chính đối với dự án Luật thuế TNCN (thay thế)./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Vụ PC;
- Lưu: VT, CST(TN).

KT. BỘ TRƯỞNG
TÀI CHÍNH



Giao Anh Tuấn



BÁO CÁO**Đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng
Luật thuế thu nhập cá nhân (thay thế)****I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẮT CẤP TỔNG QUAN****1. Bối cảnh xây dựng chính sách**

Trong những năm qua, việc thực hiện chính sách thuế thu nhập cá nhân (TNCN) đã phát huy được vai trò là công cụ quan trọng trong việc thực hiện chính sách điều tiết, phân phối lại thu nhập, từng bước thu hẹp khoảng cách chênh lệch về thu nhập giữa các cá nhân trong xã hội, hướng tới công bằng xã hội theo chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước. Hệ thống chính sách thuế TNCN đã từng bước được rà soát, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện nhằm xây dựng một hệ thống chính sách thuế đồng bộ, thống nhất, công bằng, hiệu quả, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Nhằm định hướng cho việc hoàn thiện hệ thống thuế hướng đến nền tài chính bền vững, lành mạnh trong trung và dài hạn, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 07-NQ/TW đến ngày 18/11/2016 về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước (NSNN), quản lý nợ công để đảm bảo nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững, trong đó nhấn mạnh việc tập trung: *“Hoàn thiện chính sách thu gắn với cơ cấu lại thu NSNN theo hướng bao quát toàn bộ các nguồn thu, mở rộng cơ sở thu nhất là các nguồn thu mới, phù hợp với thông lệ quốc tế...”*.

Tại Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) 10 năm giai đoạn 2021 – 2030 và Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển KT-XH 5 năm giai đoạn 2016 - 2020 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển KT-XH 5 năm giai đoạn 2021-2025, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII Đảng Cộng sản Việt Nam cũng đã đưa ra phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển KT-XH và định hướng cải cách hệ thống chính sách thuế như sau:

“Sửa đổi, bổ sung các luật về thuế, phí theo nguyên tắc thị trường, phù hợp với thông lệ quốc tế, gắn với cơ cấu lại nguồn thu, mở rộng cơ sở thuế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý thuế và áp dụng mức thuế suất hợp lý, hướng tới một hệ thống thuế đồng bộ, có cơ cấu bền vững, bảo đảm huy động hợp lý các nguồn lực cho ngân sách nhà nước, đồng thời góp phần thiết lập môi trường cạnh tranh phù hợp với quá trình hội nhập, phát triển của nền kinh tế”.

“.... Mở rộng cơ sở thu, bảo đảm tính công bằng, trung lập của chính sách thuế; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ các thủ tục nộp thuế, phí của người dân và doanh nghiệp”.

Tại khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 23/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về Kế hoạch tài chính quốc gia vay và trả nợ công 5 năm giai đoạn 2021-2025 đã đề ra nhiệm vụ và giải pháp về cải cách hệ thống chính sách thuế như sau: *“Thực hiện các giải pháp khả thi để đạt tỷ lệ huy động cao hơn vào ngân sách nhà nước, khai thác các dự địa thu, mở rộng và chống xói mòn cơ sở thuế, đẩy mạnh chống thất thu, phấn đấu giảm tỷ lệ nợ đọng thuế dưới 5% tổng thu ngân sách nhà nước.... Hạn chế việc lồng ghép các chính sách xã hội trong pháp luật về thuế. Rà soát, hoàn thiện các quy định ưu đãi thuế để tránh thất thu, bảo đảm minh bạch, công bằng, khả thi, phù hợp với xu thế phát triển và thông lệ quốc tế....”*

Bên cạnh đó, ngày 23/4/2022, Thủ tướng Chính phủ cũng đã ban hành Quyết định số 508/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030, trong đó tại điểm đ khoản 1 Mục III đã đưa ra các giải pháp cụ thể đối với thuế TNCN là: *“Rà soát bổ sung đối tượng chịu thuế; nghiên cứu sửa đổi, bổ sung theo hướng điều chỉnh số lượng và các mức thuế suất phù hợp với thu nhập chịu thuế phù hợp với bản chất của từng loại thu nhập, tạo điều kiện đơn giản trong quyết toán thuế TNCN cho cả người nộp thuế và cơ quan quản lý thuế, ngăn chặn các hành vi trốn, tránh thuế; nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định về miễn, giảm thuế phù hợp với bối cảnh KT-XH của đất nước trong từng giai đoạn và thông lệ quốc tế”*.

Luật thuế TNCN hiện hành được Quốc hội khóa XII thông qua tại kỳ họp thứ 2 ngày 21/11/2007. Trong quá trình thực hiện, để tháo gỡ kịp thời những vướng mắc phát sinh, phù hợp với điều kiện KT-XH, Quốc hội đã ban hành Luật số 26/2012/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TNCN áp dụng từ 01/7/2013 và Luật số 71/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế (trong đó có Luật thuế TNCN) áp dụng từ 01/01/2015 và Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật thuế TNCN, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính áp dụng từ ngày 01/01/2025. Ngày 02/6/2020, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 954/2020/UBTVQH14 về điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh của thuế TNCN và áp dụng từ kỳ tính thuế năm 2020.

Qua quá trình triển khai thực hiện, Luật thuế TNCN đã đi vào cuộc sống, tác động tích cực đến nhiều mặt KT-XH của đất nước và đạt được mục tiêu đề ra khi ban hành Luật. Trong tiến trình phát triển KT-XH và hội nhập kinh tế quốc tế, cùng với sự biến động nhanh của kinh tế - chính trị thế giới nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng, cũng đã phát sinh một số điểm hạn chế, bất cập cần được nghiên cứu đề ra soát, sửa đổi cho phù hợp với thực tiễn, tháo gỡ vướng mắc và tạo thuận lợi hơn nữa cho người nộp thuế, đảm bảo tính minh bạch và

đồng bộ của hệ thống pháp luật.

Tuy nhiên, sau nhiều năm áp dụng thực thi trên thực tế, bối cảnh trong nước và quốc tế hiện nay đang có nhiều thay đổi, quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam ngày càng sâu rộng, sự phát triển của nền kinh tế nội địa ngày càng lớn, tác động đến mọi lĩnh vực kinh tế, đời sống, xã hội. Bên cạnh đó, cùng với sự phát triển của nền kinh tế và tăng cường hội nhập quốc tế, các khoản thu nhập của cá nhân ngày càng đa dạng, phức tạp, các hình thức kinh doanh mới liên tục xuất hiện tạo ra nhiều nguồn thu nhập cho cá nhân mà quy định hiện hành chưa bao quát được hết như các hình thức giao dịch thương mại điện tử, đầu tư, kinh doanh các ngành nghề dựa trên nền tảng kỹ thuật số; các mô hình kinh doanh mới xuất hiện các khoản thu nhập mới như thu nhập từ hoạt động cung cấp sản phẩm và dịch vụ phần mềm; sản phẩm và dịch vụ nội dung thông tin số về giải trí, trò chơi điện tử, phim số, ảnh số, nhạc số, quảng cáo số...

Một số quy định của Luật thuế TNCN hiện hành cũng cần phải được điều chỉnh cho phù hợp với quy định của Luật Đất đai năm 2024, Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật thuế TNCN, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính, qua đó, đảm bảo tính đồng bộ của hệ thống pháp luật.

Do đó, Luật thuế TNCN cần phải được thay thế nhằm tiếp tục thể chế hóa quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước nêu tại Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016, đồng thời kịp thời thể chế hóa các chủ trương, định hướng của Đảng được xác định trong Chiến lược phát triển KT-XH 10 năm giai đoạn 2021-2030 và Phương hướng, nhiệm vụ phát triển KT-XH 5 năm 2021-2025 đã được Đại hội lần thứ XIII của Đảng thông qua; phù hợp với mục tiêu cải cách thuế TNCN, xây dựng hệ thống thuế đồng bộ; khắc phục những vướng mắc, hạn chế của chính sách thuế TNCN hiện hành; đồng thời phù hợp với bối cảnh hội nhập, xu hướng phát triển kinh tế của các nước trên thế giới.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

a) Mục tiêu chung

- Đảm bảo phù hợp với các quan điểm, mục tiêu, định hướng về cải cách thuế TNCN đã được xác định trong các văn kiện, nghị quyết của Đảng, Nhà nước và Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030.

- Thực hiện có hiệu quả chính sách phân phối lại và mục tiêu công bằng xã hội, đáp ứng yêu cầu phát triển KT-XH cũng như thúc đẩy cải cách thủ tục hành chính và giảm chi phí tuân thủ cho người nộp thuế và cơ quan thuế.

- Đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

- Đảm bảo phù hợp với thông lệ quốc tế và xu hướng phát triển.

- Đảm bảo ổn định nguồn thu NSNN.

b) Mục tiêu cụ thể

- Thực hiện mở rộng cơ sở thuế; rà soát sửa đổi, bổ sung các quy định về người nộp thuế, thu nhập chịu thuế; nghiên cứu điều chỉnh ngưỡng cũng như mức thuế suất thuế TNCN đối với một số loại thu nhập để đảm bảo phù hợp với bản chất của từng loại thu nhập và mục tiêu điều tiết của thuế TNCN.

- Nghiên cứu điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh đối với người nộp thuế và người phụ thuộc, sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến một số khoản giảm trừ đặc thù cho phù hợp với bối cảnh mới; giảm số bậc thuế của Biểu thuế suất lũy tiến từng phần áp dụng đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công để góp phần đơn giản hóa biểu thuế.

- Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định về miễn, giảm thuế TNCN cho phù hợp với yêu cầu phát triển KT-XH của đất nước giai đoạn tới đây và thông lệ quốc tế, góp phần thực hiện các chủ trương của Đảng và nhà nước về thu hút nhân lực công nghệ cao, thực hiện các mục tiêu về tăng trưởng xanh và phát triển bền vững.

- Đơn giản trong thực hiện chính sách thuế TNCN cho cả người nộp thuế và cơ quan quản lý thuế, ngăn chặn các hành vi trốn, tránh thuế.

- Khắc phục có hiệu quả các bất cập, vướng mắc phát sinh từ việc thực hiện Luật thuế TNCN hiện hành để đảm bảo tính minh bạch, dễ hiểu, dễ thực hiện Luật.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Chính sách 1: Hoàn thiện quy định liên quan đến người nộp thuế thu nhập cá nhân

1.1. Xác định vấn đề và mục tiêu giải quyết vấn đề

1.1.1. Xác định vấn đề

~~Luật Quản lý thuế hiện hành thống nhất sử dụng khái niệm “người nộp thuế”.~~ Do vậy, cần thay thế cụm từ “đối tượng nộp thuế” thành “người nộp thuế” tại toàn bộ đề cương dự thảo Luật đề thống nhất với Luật Quản lý thuế.

Việc xác định người nộp thuế là cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú đồng thời với việc xác định phạm vi thu nhập chịu thuế cũng cần được rà soát để sửa đổi, bổ sung nhằm đảm bảo rõ ràng và bao quát hơn, đảm bảo cơ sở pháp lý trong việc bảo vệ quyền đánh thuế của Việt Nam. Trong bối cảnh các hoạt động kinh doanh trong nền kinh tế liên tục thay đổi, các mô hình kinh doanh mới xuất hiện ngày càng nhiều, việc giao Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành nội dung này là cần thiết để đảm bảo linh hoạt, phù hợp với bối cảnh KT-XH trong từng thời kỳ.

1.1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Đảm bảo thống nhất, phù hợp với các quy định của pháp luật liên quan.

- Đảm bảo cơ sở pháp lý, thích ứng với các diễn biến, yêu cầu đặt ra trong giai đoạn tới.

1.2. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề và đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

1.2.1. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1:

- Thay thế cụm từ “đối tượng nộp thuế” thành “người nộp thuế” trong toàn bộ đề cương dự thảo Luật để thống nhất với Luật Quản lý thuế.

- Bổ sung, hoàn thiện quy định về điều kiện xác định cá nhân cư trú, cá nhân không cư trú, đồng thời, có quy định giao Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành để phù hợp với thực tiễn phát sinh.

b) Giải pháp 2:

- Thay thế cụm từ “đối tượng nộp thuế” thành “người nộp thuế” tương tự như Giải pháp 1.

- Giữ nguyên quy định về điều kiện xác định cá nhân cư trú, cá nhân không cư trú như hiện hành.

1.2.2. Đánh giá tác động của các giải pháp

a) Giải pháp 1:

- **Tác động đối với hệ thống pháp luật:** Các quy định được sửa đổi, bổ sung đều bảo đảm hợp hiến, hợp pháp; phù hợp, thống nhất với pháp luật thuế hiện hành, phù hợp với thông lệ quốc tế cũng như không tạo ra mâu thuẫn, chồng chéo đối với quy định của hệ thống pháp luật khác.

- **Tác động về kinh tế - xã hội:** Quy định này không làm cản trở hoạt động của người nộp thuế và các cá nhân, tổ chức có liên quan; không làm phát sinh các vấn đề về KT-XH. Trong bối cảnh các hoạt động kinh doanh trong nền kinh tế liên tục thay đổi, các mô hình kinh doanh mới xuất hiện ngày càng nhiều thì quy định rõ về điều kiện xác định cá nhân cư trú, cá nhân không cư trú đảm bảo rõ ràng và bao quát hơn, đảm bảo cơ sở pháp lý trong việc bảo vệ quyền đánh thuế của Việt Nam.

- **Tác động về giới:** Nội dung của chính sách không có quy định liên quan đến vấn đề giới nên không có tác động về giới.

- **Tác động của thủ tục hành chính:** Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung không quy định về thủ tục hành chính, không làm tăng thủ tục hành chính, do đó, không có tác động về thủ tục hành chính.

b) Giải pháp 2:

- **Tác động đối với hệ thống pháp luật:** Quy định đề xuất bảo đảm hợp hiến, hợp pháp; phù hợp, thống nhất với pháp luật thuế hiện hành, phù hợp với thông lệ quốc tế cũng như không tạo ra mâu thuẫn, chồng chéo đối với quy định của hệ thống pháp luật khác.

- **Tác động về kinh tế - xã hội:** Giải pháp này không làm cản trở hoạt động của người nộp thuế và các cá nhân, tổ chức có liên quan; không làm phát sinh các vấn đề về KT-XH. Đồng thời đề xuất việc giữ nguyên quy định về điều kiện xác định cá nhân cư trú, cá nhân không cư trú, không thay đổi so với quy định hiện hành nên không làm phát sinh chi phí thực thi chính sách.

Trong bối cảnh các hoạt động kinh doanh trong nền kinh tế liên tục thay đổi, các mô hình kinh doanh mới xuất hiện ngày càng nhiều nếu giữ như quy định hiện hành thì cơ sở pháp lý cũng như quyền đánh thuế của Việt Nam có thể chưa bao quát được hết đối với các hoạt động mới phát sinh.

- **Tác động về giới:** Nội dung của chính sách không có quy định liên quan đến vấn đề giới nên không có tác động về giới.

- **Tác động của thủ tục hành chính:** Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung không quy định về thủ tục hành chính, không làm tăng thủ tục hành chính, do đó, không có tác động về thủ tục hành chính.

1.3. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Trên cơ sở phân tích, so sánh tác động của các giải pháp đề xuất, cơ quan chủ trì đề nghị lựa chọn Giải pháp 1 để thực hiện chính sách, đảm bảo thực hiện được mục tiêu đề ra.

2. Chính sách 2: Hoàn thiện quy định liên quan đến thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân và cách tính thuế đối với từng loại thu nhập chịu thuế

2.1. Xác định vấn đề và mục tiêu giải quyết vấn đề

2.1.1. Xác định vấn đề

- Về bổ sung quy định về nhóm thu nhập khác thuộc diện chịu thuế TNCN để bao quát được thực tiễn có thể phát sinh, thực hiện mở rộng cơ sở thuế.

~~Điều 3 Luật thuế TNCN quy định chung về thu nhập chịu thuế bao gồm 10~~
loại thu nhập: (1) thu nhập từ kinh doanh; (2) thu nhập từ tiền lương, tiền công; (3) thu nhập từ đầu tư vốn; (4) thu nhập từ chuyển nhượng vốn; (5) thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản; (6) thu nhập từ trúng thưởng; (7) thu nhập từ bản quyền; (8) thu nhập từ nhượng quyền thương mại; (9) thu nhập từ nhận thừa kế; (10) thu nhập từ nhận quà tặng. Luật thuế TNCN giao Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn.

Nội dung quy định cụ thể các loại thu nhập chịu thuế TNCN như Luật hiện hành về cơ bản là phù hợp với thực tiễn tình hình KT-XH và các hình thức hoạt động trong đời sống dân cư, đồng thời cũng phù hợp với thông lệ quốc tế nói chung. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển của đời sống KT-XH và các hình thức hoạt động kinh doanh mới đã phát sinh một số khoản thu nhập khác của cá nhân ngoài các loại thu nhập chịu thuế đã được quy định nêu trên và thường là các khoản thu nhập khác có tính chất đặc thù như thu nhập từ chuyển nhượng, thanh lý tài sản, quyền tài sản là tên miền internet, sim - số điện thoại,...

Các khoản thu nhập từ chuyển nhượng tài sản, quyền tài sản này cũng có bản chất giống với một số khoản thu nhập không thường xuyên (thu nhập vãng

lai) đang thuộc diện chịu thuế TNCN hiện nay như thu nhập từ bản quyền, thu nhập từ nhượng quyền thương mại... Tại Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị và các văn kiện của Đảng thời gian gần đây cũng như Nghị quyết số 23/2021/QH15 của Quốc hội đã đặt ra chủ trương đẩy mạnh các biện pháp khai thác dư địa thu, chống thất thu, giảm nợ đọng thuế, mở rộng cơ sở thuế. Theo đó, cần nghiên cứu việc sửa đổi, bổ sung quy định về thu nhập chịu thuế để đảm bảo bao quát hơn thực tế hiện nay theo hướng bổ sung nhóm thu nhập khác (đồng thời giao Chính phủ quy định chi tiết) hoặc quy định cụ thể các khoản thu khác để đảm bảo tính công bằng giữa các cá nhân có phát sinh thu nhập, đảm bảo phù hợp với nguyên tắc đánh thuế TNCN và thông lệ quốc tế.

Qua rà soát kinh nghiệm của các nước quy định về các loại hình thu nhập chịu thuế, ngoài việc liệt kê các nhóm thu nhập như: Thu nhập từ việc làm (tiền lương, tiền công, các khoản thưởng và thu nhập khác do lao động); thu nhập từ tác quyền; thu nhập từ tiền lãi; thu nhập từ cổ tức; thu nhập từ kinh doanh cá nhân; thu nhập từ tiền lương hưu; thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng tài sản; thu nhập từ cho thuê tài sản, còn có quy định nhóm thu nhập khác để bao quát các trường hợp trên thực tế có thể phát sinh mà tại thời điểm ban hành Luật có thể chưa xuất hiện trên thực tế¹. Theo đó, các nước thường có quy định mang tính nguyên tắc để đảm bảo tính bao quát đối với các khoản thu nhập khác (hay thu nhập có tính chất bất thường) của cá nhân.

Phạm vi xác định các khoản thu nhập chịu thuế của pháp luật về thuế TNCN nhìn chung phù hợp với thực tiễn Việt Nam thời gian qua và thông lệ quốc tế. Tuy nhiên, với sự đa dạng nguồn gốc thu nhập của cá nhân gắn với mục tiêu, yêu

¹ Chẳng hạn như:

- Ở Thái Lan, thu nhập chịu thuế bao hàm cả thu nhập bằng tiền và hiện vật. Bất kỳ lợi ích nào do người sử dụng lao động hoặc những người khác cung cấp, chẳng hạn như nhà cho thuê miễn phí hoặc số thuế do người sử dụng lao động trả thay cho người lao động cũng được coi là thu nhập chịu thuế để tính thuế TNCN. Thu nhập chịu thuế được chia thành 08 loại như sau: (1) thu nhập từ cung cấp dịch vụ cá nhân cho người sử dụng lao động; (2) thu nhập từ tiền lương, tiền công; (3) thu nhập từ chuyển giao bản quyền, chuyển quyền thương mại và sở hữu trí tuệ; (4) thu nhập từ cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng ở Thái Lan, thu nhập từ đầu tư vốn; (5) thu nhập từ cho thuê tài sản, bất động sản, hợp đồng mua bán, cho thuê; (6) thu nhập từ nghề nghiệp tự do; (7) thu nhập từ xây dựng và các công việc khác theo hợp đồng và (8) thu nhập từ kinh doanh, thương mại, nông nghiệp, công nghiệp, vận tải và **các hoạt động khác**.

- Ở Trung Quốc, Luật thuế TNCN quy định 9 loại thu nhập chịu thuế TNCN bao gồm: (1) thu nhập từ việc làm (tiền lương, tiền công); (2) thu nhập từ việc cung cấp các dịch vụ cá nhân như thiết kế, chăm sóc sức khỏe, tư vấn luật pháp, kế toán...; (3) thù lao của tác giả; (4) thu nhập từ bản quyền; (5) thu nhập từ kinh doanh; (6) thu nhập từ lãi suất, cổ tức và phân phối lợi nhuận; (7) thu nhập từ cho thuê máy móc, thiết bị, phương tiện, tàu thủy và các tài sản khác; (8) thu nhập từ chuyển quyền sở hữu tài sản (chứng khoán, cổ phiếu, bất động sản); (9) **thu nhập bất thường khác**.

- Ở Hàn Quốc, thu nhập chịu thuế TNCN bao gồm: (1) thu nhập từ tiền công, tiền lương lao động; (2) thu nhập từ kinh doanh (bao gồm lợi nhuận từ thương mại, giao dịch bất động sản, cho thuê, mua bán quyền sử dụng và các thu nhập khác tạo ra từ các giao dịch thông thường); (3) thu nhập từ cổ tức (cả từ doanh nghiệp trong nước và ngoài nước); (4) tiền lãi; (5) thu nhập từ lương hưu; (6) **các thu nhập khác** (giải thưởng bằng tiền hoặc hiện vật, tiền thưởng do trúng số xổ, trò chơi cá cược, phí người sử dụng từ bản quyền, quyền sử dụng các sản phẩm trí tuệ, thu nhập từ chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, đánh cá, quyền sở hữu công nghiệp, bí mật công nghiệp, thông tin cá nhân, thương hiệu và quyền khai thác nước dưới lòng đất...).

cầu mở rộng cơ sở thuế, tham khảo kinh nghiệm các nước trên thế giới cần rà soát bổ sung quy định về thu nhập chịu thuế theo hướng bổ sung nhóm thu nhập khác (đồng thời giao Chính phủ quy định chi tiết cho phù hợp với tình hình thực tế) hoặc quy định cụ thể các khoản thu nhập khác (thu nhập từ chuyển nhượng, thanh lý tài sản là tên miền internet, sim - số điện thoại,...) là thu nhập chịu thuế.

- Về sửa đổi, bổ sung quy định đối với thu nhập của cá nhân từ hoạt động đầu tư/chuyển nhượng chứng khoán phái sinh; Sửa đổi, bổ sung quy định về thu nhập chịu thuế TNCN đối với hoạt động chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán của cá nhân.

Khoản 4 Điều 3, Điều 13, khoản 2 Điều 21, Điều 23 Luật thuế TNCN quy định: Thu nhập từ chuyển nhượng vốn, bao gồm: Thu nhập từ chuyển nhượng phần vốn trong các tổ chức kinh tế; Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán; Thu nhập từ chuyển nhượng vốn dưới các hình thức khác. Thu nhập chịu thuế TNCN từ chuyển nhượng vốn được xác định bằng giá bán trừ giá mua và các chi phí liên quan, thu nhập chịu thuế TNCN từ chuyển nhượng chứng khoán được xác định là giá chuyển nhượng từng lần và cá nhân chuyển nhượng chứng khoán phải nộp thuế TNCN theo tỷ lệ phần trăm trên giá chuyển nhượng.

+ Về rà soát sửa đổi, bổ sung quy định đối với thu nhập của cá nhân từ hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh.

Mặc dù Luật Chứng khoán năm 2019 quy định chứng khoán bao gồm cổ phiếu, trái phiếu, chứng khoán phái sinh và các loại chứng khoán khác. Tuy nhiên có sự khác biệt về bản chất giữa chứng khoán cơ sở và chứng khoán phái sinh (CKPS), cụ thể: Giá trị của CKPS phụ thuộc vào giá trị của một hoặc nhiều loại tài sản cơ sở; nhà đầu tư nắm giữ CKPS không được hưởng các quyền cổ đông như khi nắm giữ chứng khoán cơ sở. Trên thị trường phái sinh không diễn ra các giao dịch chuyển nhượng toàn bộ giá trị giao dịch và chuyển giao tài sản từ bên bán cho bên mua như thị trường cơ sở. Việc thanh toán chuyển giao giữa các nhà đầu tư chỉ là giá trị chênh lệch giá (lãi/lỗ).

Thời gian qua, với sự hoàn thiện về khung khổ pháp lý, thị trường CKPS trong nước đã có sự phát triển nhanh trên nhiều mặt, bao gồm cả quy mô giao dịch, các loại hình công cụ giao dịch và thị trường CKPS đã trở thành một bộ phận quan trọng của thị trường chứng khoán Việt Nam. Do vậy, cần nghiên cứu bổ sung quy định riêng về thuế TNCN đối với CKPS để đảm bảo phù hợp với thực tiễn cũng như đặc thù của hoạt động này, tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế cũng như cơ quan thuế trong quá trình tổ chức thực hiện. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy các nước đều dần chuyển sang đánh thuế dựa trên thu nhập thực đối với CKPS (Anh, Pháp, Đức, Luxembourg, Mỹ, Úc, Nhật Bản, Canada, Thái Lan).

+ Về sửa đổi, bổ sung quy định về thu nhập chịu thuế TNCN đối với hoạt động chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán của cá nhân.

Hiện hành, thu nhập chịu thuế TNCN từ chuyển nhượng vốn được xác định bằng giá bán trừ giá mua và các chi phí liên quan, thu nhập chịu thuế TNCN từ

chuyển nhượng chứng khoán được xác định là giá chuyển nhượng từng lần và cá nhân chuyển nhượng chứng khoán phải nộp thuế TNCN theo tỷ lệ phần trăm trên giá chuyển nhượng. Quy định này đảm bảo sự đơn giản, minh bạch của chính sách, giảm chi phí tuân thủ cho cả cơ quan thuế và người nộp thuế². Tuy nhiên, đối với chuyển nhượng vốn thì các cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng vốn phải nộp thuế với mức thuế suất 20% trên thu nhập từ chuyển nhượng vốn. Theo đó, nếu cá nhân cố tình kê khai giá bán bằng với giá mua thì sẽ không phát sinh thu nhập nên không phải nộp thuế.

Từ thực tiễn thực hiện thời gian qua, cũng như xu hướng, kinh nghiệm của các nước thời gian gần đây, cần thiết nghiên cứu đề quy định rõ thu nhập chịu thuế, tỷ lệ thu thuế (trên doanh thu chuyển nhượng từng lần) đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn. Việc điều chỉnh theo hướng này cũng sẽ đảm bảo tính thống nhất, tương thích với nội dung sửa đổi, bổ sung phương pháp thu thuế theo tỷ lệ % thuế thu nhập doanh nghiệp trên doanh thu đối với hoạt động chuyển nhượng vốn của tổ chức nước ngoài.

- Về sửa đổi, bổ sung quy định đối với thu nhập chịu thuế của cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản để đảm bảo đồng bộ với Luật Đất đai năm 2024.

Thời gian qua, chính sách thuế đối với thu nhập của cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản đã liên tục được hoàn thiện cho phù hợp với thực tiễn đất nước trong từng thời kỳ. Khoản 5 Điều 3, Điều 14, khoản 2 Điều 21, Điều 23 Luật thuế TNCN hiện hành quy định: Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản, bao gồm: Thu nhập từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; Thu nhập từ chuyển nhượng quyền sở hữu hoặc sử dụng nhà ở; Thu nhập từ chuyển nhượng quyền thuê đất, quyền thuê mặt nước; Các khoản thu nhập khác nhận được từ chuyển nhượng bất động sản. Thu nhập chịu thuế từ chuyển nhượng bất động sản được xác định là giá chuyển nhượng từng lần, thuế suất áp dụng là 2%.

Tại Điều 247 Luật Đất đai năm 2024 cũng đã sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 14 Luật thuế TNCN quy định cụ thể: “Thu nhập chịu thuế từ chuyển nhượng bất động sản được xác định là giá chuyển nhượng từng lần; trường hợp chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì thu nhập chịu thuế tính theo giá đất trong bảng giá đất”. Theo đó, cũng cần cập nhật quy định này vào dự thảo Luật thuế TNCN (thay thế) để đảm bảo đồng bộ của hệ thống pháp luật.

- Về sửa đổi, bổ sung quy định để mở rộng phạm vi thu nhập từ thừa kế, quà tặng.

Đối với thu nhập chịu thuế từ thừa kế, quà tặng, tại khoản 9, khoản 10 Điều 3, Điều 18 Luật thuế TNCN hiện hành mới chỉ quy định thu thuế đối với tài sản thừa kế, quà tặng là chứng khoán, phần vốn trong các tổ chức kinh tế, cơ sở kinh doanh, bất động sản và tài sản khác phải đăng ký sở hữu hoặc đăng ký sử dụng

² Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện có ý kiến cho rằng việc thu thuế 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần kể cả trường hợp cá nhân bị lỗ là chưa phù hợp, cần xác định phương pháp thu thuế trên thu nhập của cá nhân, nếu có lãi thì mới nộp thuế.

mà không thu thuế TNCN đối với một loại tài sản thừa kế mà nhiều quốc gia trên thế giới đã áp dụng. Qua rà soát kinh nghiệm quốc tế, nhiều quốc gia đánh thuế thừa kế, quà tặng theo giá trị, bao gồm cả tài sản và tiền mặt. Tại Thái Lan, tài sản chịu thuế thừa kế bao gồm bất động sản, chứng khoán theo quy định của pháp luật, tài khoản tiền gửi ngân hàng hoặc các loại tiền khác có tính chất tương tự, xe đã đăng ký và tài sản tài chính. Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan... quy định thuế TNCN đối với khoản thừa kế bao gồm tất cả tài sản được thừa kế.

Theo đó, để đảm bảo tính bao quát, công bằng trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế đối với cùng một loại thu nhập, phù hợp với pháp luật dân sự hiện hành về thừa kế và các hình thức thừa kế, cần rà soát, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định về thu nhập từ thừa kế, quà tặng tại Luật thuế TNCN cho phù hợp với thực tiễn. Việc nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định về thu nhập từ thừa kế, quà tặng sẽ góp phần mở rộng cơ sở thuế theo định hướng đã được xác định trong nhiều văn kiện của Đảng và Nhà nước.

Đồng thời, tại Điều 18 Luật thuế TNCN quy định thời điểm xác định thu nhập chịu thuế đối với thu nhập từ thừa kế là thời điểm đối tượng nộp thuế nhận được thừa kế; đối với thu nhập từ quà tặng là thời điểm tổ chức, cá nhân tặng cho đối tượng nộp thuế hoặc thời điểm đối tượng nộp thuế nhận được thu nhập. Tuy nhiên, đối với tài sản phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng thì cá nhân phải hoàn thành nghĩa vụ thuế mới được làm thủ tục đăng ký. Điều này là phù hợp trong công tác quản lý, giảm bớt thủ tục cho cơ quan quản lý và người nộp thuế. Do vậy, cần xem xét sửa đổi, bổ sung thời điểm xác định thu nhập chịu thuế đối với thu nhập từ thừa kế, quà tặng cho phù hợp

- Về sửa đổi quy định về cách tính thuế đối với từng loại thu nhập chịu thuế, kết cấu lại và điều chỉnh tên một số điều để tương ứng với nội dung sửa đổi.

Luật thuế TNCN hiện hành kết cấu riêng phần thu nhập chịu thuế (từ Điều 11 đến Điều 18); thu nhập tính thuế (Điều 21) và thuế suất (đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công áp dụng theo Biểu thuế lũy tiến từng phần tại Điều 22; đối với các loại thu nhập từ đầu tư vốn, chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng bất động sản, bản quyền, nhượng quyền thương mại, trúng thưởng, thừa kế, quà tặng áp dụng theo Biểu thuế toàn phần tại Điều 23).

Từ 01/01/2015, Luật số 71/2014/QH13 sửa đổi cách tính thuế đối với cá nhân kinh doanh, theo đó cá nhân kinh doanh nộp thuế theo tỷ lệ trên doanh thu đối với từng lĩnh vực, ngành nghề sản xuất kinh doanh (trước đây thu nhập từ kinh doanh của cá nhân được coi là khoản thu nhập thường xuyên, cộng gộp với thu nhập từ tiền lương, tiền công để nộp thuế theo Biểu thuế lũy tiến từng phần).

Như vậy, đối với từng loại thu nhập chịu thuế hiện nay có cách tính thuế và thuế suất riêng, các quy định về xác định thu nhập chịu thuế, thu nhập tính thuế, thuế suất nằm “rải rác” ở các Điều dẫn đến khó theo dõi cho người nộp thuế. Do vậy, cần kết cấu lại và quy định rõ cách tính thuế đối với từng loại thu nhập chịu thuế để đảm bảo đơn giản, góp phần giảm chi phí tuân thủ cho người nộp thuế.

2.1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về mở rộng cơ sở thuế, đảm bảo bền vững nguồn thu NSNN, thực hiện điều tiết thu nhập một cách hợp lý.

- Đáp ứng yêu cầu phát triển KT-XH của đất nước, bao quát được các khoản thu nhập chịu thuế của người nộp thuế phát sinh trong thực tiễn.

- Đảm bảo tính minh bạch, ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế và cơ quan thuế trong việc tuân thủ pháp luật về thuế TNCN, thúc đẩy cải cách thủ tục hành chính.

- Đảm bảo phù hợp với thông lệ quốc tế về cải cách chính sách thuế TNCN và xu hướng phát triển.

2.2. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề và đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

2.2.1. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1:

- Bổ sung quy định về nhóm thu nhập khác thuộc diện chịu thuế TNCN để thực hiện mở rộng cơ sở thuế, bao quát được các khoản thu nhập mới có thể phát sinh trong thời gian tới.

- Sửa đổi, bổ sung quy định đối với thu nhập của cá nhân từ hoạt động đầu tư/chuyển nhượng chứng khoán phái sinh; Sửa đổi, bổ sung quy định về thu nhập chịu thuế TNCN đối với hoạt động chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán của cá nhân.

- Sửa đổi, bổ sung quy định đối với thu nhập chịu thuế của cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản để đảm bảo đồng bộ với Luật Đất đai năm 2024.

- Mở rộng phạm vi thu nhập từ thừa kế, quà tặng thuộc diện chịu thuế TNCN.

- Bổ sung cách tính thuế đối với từng loại thu nhập chịu thuế, kết cấu lại và điều chỉnh tên một số điều để tương ứng với nội dung sửa đổi.

b) Giải pháp 2:

- Sửa đổi, bổ sung một số quy định về thu nhập chịu thuế tương tự như Giải pháp 1, bao gồm bổ sung nhóm thu nhập khác thuộc diện chịu thuế TNCN, sửa đổi, bổ sung thu nhập chịu thuế TNCN từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán.

- Không mở rộng thêm phạm vi thu nhập từ thừa kế, quà tặng thuộc diện chịu thuế TNCN mà giữ như quy định của Luật thuế TNCN hiện hành.

- Giữ nguyên kết cấu các chương, điều như Luật hiện hành.

2.2.2. Đánh giá tác động của các giải pháp

a) Giải pháp 1:

- **Tác động đối với hệ thống pháp luật:** Các quy định được sửa đổi, bổ sung đều bảo đảm hợp hiến, hợp pháp; phù hợp, thống nhất với pháp luật thuế hiện hành, phù hợp với thông lệ quốc tế cũng như không tạo ra mâu thuẫn, chồng chéo đối với quy định của hệ thống pháp luật khác.

- **Tác động về kinh tế - xã hội:** Thực hiện theo phương án đề xuất sẽ góp phần bao quát được đầy đủ các khoản thu nhập chịu thuế của cá nhân, mở rộng cơ sở thuế, bảo đảm mức độ điều tiết thuế hợp lý, đảm bảo sự minh bạch của chính sách, tạo điều kiện cho việc thực hiện thu đúng, thu đủ tiền thuế cho NSNN, cách tính thuế phù hợp với hoạt động kinh tế, phù hợp với thông lệ quốc tế. Việc bổ sung cách tính thuế, kết cấu lại và điều chỉnh tên một số điều nhằm đảm bảo phù hợp và thuận tiện hơn trong quá trình tra cứu.

- **Tác động về giới:** Nội dung của chính sách không có quy định liên quan đến vấn đề giới nên không có tác động về giới.

- **Tác động của thủ tục hành chính:** Đề xuất sửa đổi, bổ sung nêu trên không làm tăng thủ tục hành chính.

b) Giải pháp 2:

- **Tác động đối với hệ thống pháp luật:** Các quy định được sửa đổi, bổ sung đều bảo đảm hợp hiến, hợp pháp; phù hợp, thống nhất với pháp luật thuế hiện hành, phù hợp với thông lệ quốc tế cũng như không tạo ra mâu thuẫn, chồng chéo đối với quy định của hệ thống pháp luật khác.

- **Tác động về kinh tế - xã hội:** Thực hiện theo phương án đề xuất sẽ góp phần bao quát được đầy đủ các khoản thu nhập chịu thuế của cá nhân, cách tính thuế phù hợp với hoạt động kinh tế. Việc giữ nguyên không mở rộng thêm phạm vi thu nhập từ thừa kế, quà tặng thuộc diện chịu thuế TNCN, giữ nguyên kết cấu các chương, điều như Luật hiện hành, không có sự xáo trộn, thay đổi về chính sách. Theo đó, không làm phát sinh chi phí thực hiện, tuy nhiên chưa mở rộng cơ sở thuế đối với thu nhập từ thừa kế, quà tặng, chưa đảm bảo tính bao quát, công bằng trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế đối với cùng một loại thu nhập.

- **Tác động về giới:** Nội dung của chính sách không có quy định liên quan đến vấn đề giới nên không có tác động về giới.

- **Tác động của thủ tục hành chính:** Đề xuất sửa đổi, bổ sung nêu trên không làm tăng thủ tục hành chính.

2.3. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Trên cơ sở phân tích, so sánh tác động của các giải pháp đề xuất, cơ quan chủ trì đề nghị lựa chọn Giải pháp 1 để thực hiện chính sách, đảm bảo thực hiện được mục tiêu đề ra.

3. Chính sách 3: Sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến thu nhập được miễn thuế, giảm thuế

3.1. Xác định vấn đề và mục tiêu giải quyết vấn đề

3.1.1. Xác định vấn đề

- Về việc bổ sung quy định đối với thu nhập từ lợi tức cổ phần của thành viên hợp tác xã nông nghiệp, cá nhân là nông dân ký kết hợp đồng với doanh nghiệp tham gia “Cánh đồng lớn”, trồng rừng sản xuất, nuôi trồng thủy sản.

Tại điểm a khoản 2 Điều 23 Luật thuế TNCN quy định thuế suất đối với thu nhập từ đầu tư vốn của cá nhân là 5%. Thực tế các năm gần đây đã phát sinh việc phát triển mô hình hợp tác, liên kết giữa nông dân với hợp tác xã hoặc doanh nghiệp để sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn. Luật thuế TNCN hiện hành đã có quy định thu nhập từ trực tiếp sản xuất nông nghiệp được miễn thuế TNCN nhưng chưa có quy định miễn thuế TNCN đối với thu nhập từ lợi tức cổ phần của thành viên hợp tác xã nông nghiệp, cá nhân là nông dân ký kết hợp đồng với doanh nghiệp tham gia “Cánh đồng lớn”, trồng rừng sản xuất, nuôi trồng thủy sản (đang phải nộp thuế TNCN với mức thuế suất 5%) nên chưa thực sự khuyến khích cá nhân hợp tác, liên kết sản xuất với doanh nghiệp.

Về định hướng phát triển nông nghiệp quy mô lớn, theo hướng hiện đại, tại Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030 đã đề ra định hướng: “Cơ cấu lại nông nghiệp thực chất, hiệu quả, khai thác và phát huy lợi thế nền nông nghiệp nhiệt đới, tiềm năng, lợi thế của từng vùng, miền, địa phương. Đẩy mạnh tích tụ, tập trung đất đai; phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại, chuyên canh hàng hoá tập trung, quy mô lớn, bảo đảm an toàn thực phẩm dựa trên nền tảng ứng dụng khoa học - công nghệ tiên tiến, chuyển đổi số, cơ giới hoá, tự động hoá; gắn kết chặt chẽ nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ, sản xuất với bảo quản, chế biến và tiêu thụ nông sản...”. Tại Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới cũng đã đề ra định hướng: “Sửa đổi, bổ sung các chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể theo hướng xác định các tổ chức kinh tế tập thể là chủ thể phù hợp để kết hợp giữa đầu tư của Nhà nước và đầu tư, quản lý của tập thể người dân (đầu tư công - quản trị cộng đồng). Nhà nước có cơ chế, chính sách đặc thù cho kinh tế tập thể...”.

Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế cho thấy có một số quốc gia có ngành sản xuất nông nghiệp phát triển đều có chính sách ưu đãi thuế nhằm thu hút vốn đầu tư, khuyến khích phát triển nền sản xuất nông nghiệp theo hướng tập trung, hiện đại, bền vững. Theo đó, cần nghiên cứu sửa đổi quy định của pháp luật thuế TNCN hiện hành để cùng với các chính sách khác khuyến khích sự phát triển của ngành nông nghiệp theo định hướng của Đảng và Nhà nước.

- Về việc sửa đổi, bổ sung quy định đối với thu nhập do quỹ hưu trí tự nguyện, quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung chi trả.

Khoản 10 Điều 4 Luật thuế TNCN quy định: “Tiền lương hưu do Quỹ bảo hiểm xã hội chi trả; tiền lương hưu do quỹ hưu trí tự nguyện chi trả hàng tháng” là thu nhập miễn thuế TNCN. Như vậy, theo quy định của Luật thuế TNCN hiện hành, cá nhân chỉ được miễn thuế TNCN đối với tiền lương hưu do quỹ hưu trí tự nguyện chi trả hàng tháng, chưa quy định cụ thể trong trường hợp người lao động

rút tiền một lần trước hoặc sau khi về hưu.

Tại Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 vừa được Quốc hội thông qua, tại khoản 1 Điều 127 quy định Nhà nước “*khuyến khích phát triển bảo hiểm hưu trí bổ sung thông qua các chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật về thuế*”.

So sánh với hình thức bảo hiểm xã hội hiện nay thì cả lúc đóng góp và lúc nhận lương hưu, trợ cấp, cá nhân đều được miễn thuế. Trong khi đó, cá nhân đóng góp quỹ hưu trí tự nguyện chỉ được trừ vào thu nhập tối đa 1 triệu đồng/tháng theo chính sách khuyến khích của Nhà nước, còn phần đóng góp cao hơn cá nhân phải tổng hợp vào thu nhập để tính thuế, có nghĩa là khoản đóng góp quỹ hưu trí tự nguyện là khoản thu nhập sau khi đã nộp thuế TNCN. Đến khi cá nhân nhận được khoản chi trả từ quỹ nếu chỉ miễn thuế đối với thu nhập từ lương hưu hàng tháng, cá nhân không được miễn thuế đối với khoản nhận một lần. Quy định này cũng chưa thực sự phù hợp, nhất là trong việc thúc đẩy sự phát triển của các chương trình hưu trí tự nguyện theo chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước.

Theo đó, để khuyến khích cá nhân tham gia các chương trình hưu trí tự nguyện, cần sửa đổi quy định về thuế TNCN đối với tiền lương hưu do quỹ hưu trí tự nguyện, quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung chi trả theo hướng không phân biệt chi trả một lần hay chi trả hàng tháng. Việc thực hiện chính sách này sẽ tạo điều kiện cho các cá nhân có sự linh hoạt hơn trong việc tham gia các chương trình hưu trí tự nguyện, đảm bảo sự nhất quán trong thực hiện chính sách.

- Về việc bổ sung quy định miễn thuế TNCN đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng chỉ giảm phát thải: chuyển nhượng tín chỉ các – hơn lần đầu sau khi phát hành của cá nhân được cấp chứng chỉ giảm phát thải, tín chỉ các – bon; thu nhập từ tiền lãi từ trái phiếu xanh; thu nhập từ chuyển nhượng trái phiếu xanh lần đầu sau khi phát hành.

Hiện nay xu hướng quốc tế đang khuyến khích phát triển các dự án đầu tư theo cơ chế phát triển sạch (CDM) do đây là các dự án đầu tư sản xuất theo công nghệ mới, tiên tiến, thân thiện với môi trường, có kết quả giảm phát thải khí nhà kính. Ban chấp hành quốc tế về CDM³ thực hiện việc giám sát, chấp thuận đăng ký và cấp chứng chỉ giảm phát thải. Tổ chức, cá nhân có quyền chuyển nhượng chứng chỉ cho các đối tượng có nhu cầu và có thêm nguồn vốn để đầu tư công nghệ sản xuất sạch.

Phát triển thị trường tín chỉ các-bon là giải pháp quan trọng để thực hiện các mục tiêu về bảo vệ môi trường và tại Luật Bảo vệ môi trường (BVMT) số 72/2020/QH14 được Quốc hội thông qua năm 2020 (có hiệu lực thi hành từ 01/01/2022) đã có các quy định về tín chỉ các-bon, cơ chế trao đổi, chuyển nhượng tín chỉ các-bon cũng như đề ra chủ trương Nhà nước cần có cơ chế, chính sách hỗ trợ để khuyến khích phát triển.

Luật BVMT cũng đã có quy định về trái phiếu xanh do Chính phủ, chính

³ Tổ chức được các nước tham gia Công ước Khí hậu thành lập và ủy quyền giám sát các dự án CDM, chấp thuận đăng ký và cấp chứng chỉ giảm phát thải.

quyền địa phương, doanh nghiệp phát hành theo quy định của pháp luật về trái phiếu để huy động vốn cho hoạt động BVMT, dự án đầu tư mang lại lợi ích về môi trường; Chủ thể phát hành và nhà đầu tư mua trái phiếu xanh được hưởng các ưu đãi theo quy định và giao Chính phủ quy định chi tiết.

Thực tế những năm gần đây, để thúc đẩy hoạt động BVMT, nhiều quốc gia trên thế giới đã xây dựng và đưa vào triển khai các chính sách nhằm thúc đẩy thị trường chứng chỉ giảm phát thải, tín chỉ các-bon, trái phiếu xanh nhằm khuyến khích bảo vệ môi trường thông qua việc giảm phát thải các-bon, nâng cao nhận thức của cộng đồng xã hội về giảm phát thải khí nhà kính, hướng đến tăng trưởng xanh và phát triển bền vững.

Qua nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế cho thấy một số nước như Thái Lan, Malaysia, Trung Quốc... cũng có quy định miễn thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng chỉ giảm phát thải; Mê-hi-cô, Ấn Độ, Mỹ áp dụng nhiều chính sách ưu đãi về thuế thu nhập để thúc đẩy thị trường trái phiếu xanh, ví dụ ở Mỹ thu nhập từ trái phiếu xanh do chính quyền địa phương phát hành được miễn thuế thu nhập; một số quốc gia có chính sách miễn, giảm thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng tín chỉ các-bon, ví dụ như Thái Lan.

Để thúc đẩy hơn nữa các hoạt động hướng tới mục tiêu phát triển bền vững tại Việt Nam, nhất là trong việc thực hiện các cam kết của Việt Nam tại Hội nghị COP26, cần nghiên cứu đề bổ sung vào diện được miễn thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng chỉ giảm phát thải, chuyển nhượng tín chỉ các – bon lần đầu sau khi phát hành của cá nhân được cấp chứng chỉ giảm phát thải, tín chỉ các-bon; thu nhập từ tiền lãi từ trái phiếu xanh; thu nhập từ chuyển nhượng trái phiếu xanh lần đầu sau khi phát hành, tương tự như kinh nghiệm của các nước trên thế giới đang áp dụng.

Hiện nay, tại dự án Luật thuế thu nhập doanh nghiệp (sửa đổi) cũng đang đề xuất bổ sung quy định miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập của các hoạt động này. Theo đó, việc sửa đổi, bổ sung này sẽ đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất trong thực hiện các mục tiêu chính sách của Đảng và Nhà nước liên quan đến thúc đẩy tăng trưởng xanh

Đồng thời, việc giao Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành thu nhập được miễn thuế sẽ đảm bảo phù hợp với thực tiễn phát sinh, hạn chế được các hành vi gian lận trong việc xác định các khoản thu nhập được giảm thuế, miễn thuế.

- Về bổ sung quy định về giảm thuế trong một số trường hợp để thực hiện các chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước về thu hút nguồn nhân lực trình độ cao trong một số lĩnh vực của nền kinh tế.

Điều 5 Luật thuế TNCN quy định: Đối tượng nộp thuế gặp khó khăn do thiên tai, hoả hoạn, tai nạn, bệnh hiểm nghèo ảnh hưởng đến khả năng nộp thuế thì được xét giảm thuế tương ứng với mức độ thiệt hại nhưng không vượt quá số thuế phải nộp. Quy định này thể hiện sự quan tâm, hỗ trợ của Nhà nước trong trường hợp người nộp thuế gặp khó khăn.

Theo Luật thuế TNCN hiện hành thì ưu đãi miễn, giảm thuế TNCN không áp dụng đối với cá nhân là nhân lực CNC, trong khi đây là lực lượng lao động quan trọng cần có cơ chế khuyến khích phát triển phù hợp. Luật CNC cũng đã có quy định Nhà nước tập trung đầu tư phát triển nhân lực CNC đạt trình độ khu vực và quốc tế; áp dụng cơ chế, chính sách ưu đãi đặc biệt để đào tạo, thu hút, sử dụng có hiệu quả nhân lực CNC trong nước và ngoài nước⁴, lực lượng trẻ tài năng trong hoạt động nghiên cứu, giảng dạy, ươm tạo CNC, ươm tạo doanh nghiệp CNC và các hoạt động CNC khác (khoản 3 Điều 4 Luật CNC); Tập trung đầu tư phát triển CNC trong 04 lĩnh vực công nghệ là công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ tự động hóa. Luật CNC cũng quy định giao Chính phủ điều chỉnh, bổ sung lĩnh vực công nghệ cần tập trung đầu tư phát triển CNC tùy theo nhu cầu phát triển KT-XH, quốc phòng, an ninh, trong đó đảm bảo CNC được ưu tiên đầu tư phát triển trong các lĩnh vực công nghệ phải phù hợp với yêu cầu, xu thế phát triển khoa học và công nghệ tiên tiến, hiện đại của thế giới, phát huy lợi thế của đất nước, có tính khả thi và đáp ứng một trong các điều kiện cụ thể (Điều 5 Luật CNC).

Phát triển khoa học công nghệ, nhân lực CNC là một trong những nhân tố quan trọng để tăng năng suất và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Để phát triển hơn nữa cho lĩnh vực khoa học và công nghệ, cần thiết phải có những chính sách tập trung thu hút các cá nhân có trình độ cao tham gia thực hiện trong các lĩnh vực như công nghệ thông tin hoặc các lĩnh vực đang ưu tiên phát triển như nông nghiệp, chế biến nông sản. Đây cũng là chính sách được một số quốc gia trên thế giới áp dụng⁵. Theo đó, cần nghiên cứu, bổ sung các quy định phù hợp tại Luật thuế TNCN đối với thu nhập của cá nhân là nhân lực CNC làm việc tại các doanh nghiệp như: doanh nghiệp CNC, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng CNC, dự án ứng dụng CNC thuộc danh mục CNC được ưu tiên đầu tư phát triển, dự án sản xuất sản phẩm CNC thuộc danh mục sản phẩm CNC được khuyến khích phát triển. ~~Mức giảm thuế TNCN đối với nhóm đối tượng này cần được nghiên cứu, đảm bảo hài hòa giữa các mục tiêu về khuyến khích các đối tượng cần ưu tiên thu hút, duy trì hợp lý mức động viên NSNN và không làm sai lệch vai trò của chính sách thuế TNCN.~~

Do việc xác định cá nhân là nhân lực CNC phụ thuộc vào nhiều tiêu chí cũng như các định hướng phát triển của đất nước trong từng giai đoạn. Trường hợp bổ sung quy định giảm thuế TNCN đối với các đối tượng này, cũng cần nghiên cứu để có quy định về tiêu chí xác định cá nhân là nhân lực CNC để làm cơ sở cho việc thực hiện theo hướng giao Thủ tướng Chính phủ quy định cụ thể.

⁴ Về khái niệm nhân lực CNC, khoản 10 Điều 3 Luật CNC số 21/2008/QH12 quy định: *Nhân lực CNC* là đội ngũ những người có trình độ và kỹ năng đáp ứng được yêu cầu của hoạt động nghiên cứu, phát triển, ứng dụng CNC, dịch vụ CNC, quản lý hoạt động CNC, vận hành các thiết bị, dây chuyền sản xuất sản phẩm CNC.

⁵ Tuy nhiên, cũng có ý kiến cho rằng, cần thực hiện điều tiết thuế công bằng đối với các cá nhân, việc giảm thuế cho cá nhân, đặc biệt là người thu nhập cao là không thỏa đáng, dễ gây tâm lý so sánh đối với các lĩnh vực khác cũng đang cần thu hút nhân lực. Việc thu hút cá nhân có trình độ chuyên môn cao vào làm việc trong ngành khoa học và công nghệ có thể sử dụng các chính sách khác như chế độ nhà ở, chế độ trợ cấp, phụ cấp phù hợp... mà không ưu đãi thuế.

- Về việc bổ sung quy định giao Thủ tướng Chính phủ quyết định việc miễn, giảm thuế cho người lao động làm việc tại một số tổ chức quốc tế đặc thù.

Theo quy định hiện hành, việc miễn thuế TNCN đang được áp dụng đối với các đối tượng khác như: chuyên gia nước ngoài làm việc tại chương trình, dự án tài trợ bằng nguồn vốn ODA (được miễn thuế theo Quyết định số 119/2009/QĐ-TTgCP ngày 01/10/2009 của Thủ tướng Chính phủ); chuyên gia nước ngoài làm việc tại chương trình, dự án phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam (được miễn thuế theo Quyết định số 06/2016/QĐ-TTg ngày 22/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ); cá nhân là người Việt Nam làm việc tại cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế thuộc Hệ thống Liên Hợp quốc tại Việt Nam (được miễn thuế theo Quyết định số 07/2016/QĐ-TTg ngày 22/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ). Nội dung của các Quyết định này được kế thừa từ các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành trước khi Luật thuế TNCN có hiệu lực thi hành (Quyết định số 211/1998/QĐ-TTg ngày 31/10/1998 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư số 52/2000/TT-BTC ngày 05/6/2000 và Thông tư số 55/2007/TT-BTC ngày 29/5/2007 của Bộ Tài chính).

Trong giai đoạn hiện nay, chính sách ưu đãi miễn thuế TNCN đối với chuyên gia nước ngoài thực hiện chương trình, dự án ODA, viện trợ phi chính phủ nước ngoài vẫn là cần thiết để khuyến khích, thu hút nguồn vốn vay và viện trợ nước ngoài, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức quốc tế hoạt động tại Việt Nam. Đồng thời, chính sách miễn thuế TNCN đối với nhân viên Việt Nam làm việc cho cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế thuộc hệ thống Liên Hợp quốc cũng cần tiếp tục duy trì để bình đẳng về nghĩa vụ thuế, vì khoản lương mà nhân viên Việt Nam nhận được đã thực hiện nghĩa vụ thuế thu nhập theo quy định của Liên Hợp quốc. Khoản thuế này do cơ quan đại diện của Liên Hợp quốc giữ lại và coi khoản thu này như khoản thuế thu nhập quốc gia và đưa vào Quỹ bình ổn thuế của Liên Hợp quốc và được trừ bớt phần định mức đóng góp hàng năm của quốc gia vào ngân sách của Liên Hợp quốc.

Theo đó, để đảm bảo tính thống nhất của hệ thống pháp luật thuế và đảm bảo cơ sở pháp lý, cần nghiên cứu, bổ sung quy định tại Luật thuế TNCN nội dung giao thẩm quyền cho Thủ tướng Chính phủ quyết định việc miễn thuế trong một số trường hợp đặc biệt này. Đây cũng là những đối tượng đang được miễn thuế theo các văn bản dưới Luật trước thời điểm Luật thuế TNCN hiện hành có hiệu lực thi hành.

3.1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước trong việc phát triển các lĩnh vực ưu tiên như nông nghiệp, môi trường, khoa học và công nghệ, an sinh xã hội...

- Đảm bảo việc miễn, giảm thuế phù hợp với thực tiễn, minh bạch trong thực hiện.

- Đảm bảo phù hợp với thông lệ quốc tế và xu hướng cải cách thuế TNCN trên thế giới.

3.2. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề và đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

3.2.1. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1:

- Bổ sung quy định miễn thuế TNCN đối với các khoản thu nhập sau của cá nhân: i) thu nhập từ lợi tức cổ phần của thành viên hợp tác xã nông nghiệp, cá nhân là nông dân ký kết hợp đồng với doanh nghiệp tham gia “Cánh đồng lớn”, trồng rừng sản xuất, nuôi trồng thủy sản; ii) thu nhập do Quỹ hưu trí tự nguyện, Quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung chi trả; iii) thu nhập từ chuyển nhượng chứng chỉ giảm phát thải, chuyển nhượng tín chỉ các - bon lần đầu sau khi phát hành của cá nhân được cấp chứng chỉ giảm phát thải, tín chỉ các - bon; thu nhập từ tiền lãi từ trái phiếu xanh; thu nhập từ chuyển nhượng trái phiếu xanh lần đầu sau khi phát hành để thể chế hóa các chủ trương định hướng của Đảng và Nhà nước về phát triển nông nghiệp, nông thôn, tăng cường sự bao phủ của hệ thống an sinh xã hội và thúc đẩy tăng trưởng xanh và phát triển bền vững. Đồng thời, có quy định giao Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành những nội dung này để phù hợp với thực tiễn phát sinh.

- Nghiên cứu bổ sung quy định về giảm thuế TNCN đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của các cá nhân là nhân lực công nghệ cao (CNC) làm việc tại các doanh nghiệp, dự án trong các lĩnh vực công nghệ thông tin (CNTT), nông nghiệp, chế biến nông sản, bao gồm: doanh nghiệp CNC, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng CNC, dự án ứng dụng CNC thuộc danh mục CNC được ưu tiên đầu tư phát triển, dự án sản xuất sản phẩm CNC thuộc danh mục sản phẩm CNC được khuyến khích phát triển.

- Bổ sung quy định giao Thủ tướng Chính phủ cho phép miễn thuế trong một số trường hợp đặc biệt là: chuyên gia nước ngoài làm việc tại chương trình, dự án tài trợ bằng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA); chuyên gia nước ngoài làm việc tại chương trình, dự án phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam; cá nhân là người Việt Nam làm việc tại cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế thuộc Hệ thống Liên Hợp quốc tại Việt Nam đang được áp dụng chính sách miễn thuế theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ trước khi Luật thuế TNCN hiện hành có hiệu lực, qua đó đảm bảo tính thống nhất của hệ thống pháp luật thuế và đảm bảo cơ sở pháp lý minh bạch và ổn định.

b) Giải pháp 2:

Cơ bản giữ nguyên như hiện hành, không mở rộng đối tượng được miễn, giảm thuế để đảm bảo nguồn thu cho NSNN, chỉ bổ sung quy định giao thẩm quyền cho Thủ tướng Chính phủ quyết định việc miễn, giảm thuế cho người lao động làm việc tại một số tổ chức quốc tế đặc thù để đảm bảo cơ sở pháp lý, tính thống nhất của hệ thống pháp luật.

3.2.2. Đánh giá tác động của các giải pháp

a) Giải pháp 1:

- **Tác động đối với hệ thống pháp luật:** Quy định nêu trên không xung đột và trái với các quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật khác như Hiến pháp; các Luật thuế hiện hành và các văn bản quy phạm pháp luật khác. Quy định bổ sung góp phần thúc đẩy việc phát triển các ngành, lĩnh vực ưu tiên theo định hướng của Đảng và Nhà nước, đảm bảo việc miễn thuế, giảm thuế phù hợp với thực tiễn, gắn với các hoạt động thực sự cần khuyến khích đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện các cam kết quốc tế về giảm phát thải, thúc đẩy tăng trưởng xanh; khắc phục các bất cập phát sinh trong thời gian qua; đồng thời, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật, nâng cao tính minh bạch, ổn định của chính sách, giảm chi phí tuân thủ cho người nộp thuế và cơ quan quản lý thuế.

- **Tác động về kinh tế - xã hội:** Việc bổ sung các khoản thu nhập nêu trên vào khoản thu nhập được miễn thuế, giảm thuế sẽ góp phần quan trọng trong việc thực hiện các chủ trương, định hướng của Đảng về phát triển các ngành, lĩnh vực ưu tiên, đảm bảo phù hợp với bản chất kinh tế và giải quyết được các vướng mắc phát sinh trong thực tiễn cũng như tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật; đảm bảo thực hiện chủ trương về khuyến khích nguồn nhân lực chất lượng cao, thể hiện sự chia sẻ của Nhà nước trong một số lĩnh vực nông nghiệp, môi trường, khoa học và công nghệ, an sinh xã hội... qua đó góp phần đạt được mục tiêu phát triển KT-XH theo hướng bền vững.

Đồng thời, bổ sung quy định giao Thủ tướng Chính phủ quyết định việc miễn, giảm thuế trong một số trường hợp đặc biệt đảm bảo tính linh hoạt trước thực tế phát sinh ngày càng đa dạng, phù hợp với yêu cầu quản lý trong từng giai đoạn.

Đối với NSNN có thể làm giảm thu nhưng không đáng kể.

- **Tác động về giới:** Nội dung của chính sách không quy định các vấn đề liên quan đến chính sách giới nên không có tác động về giới, không ảnh hưởng đến việc thực hiện chính sách bình đẳng giới của Đảng và Nhà nước.

- **Tác động của thủ tục hành chính:** Quy định bổ sung không làm tăng thủ tục hành chính, tuy nhiên có thể làm phát sinh các chi phí liên quan đến tổ chức thực hiện chính sách cho cả cơ quan thuế và người nộp thuế. Mặc dù vậy, các chi phí này dự báo không lớn do hiện nay việc quản lý, thu thuế cơ bản được thực hiện dựa trên môi trường điện tử.

b) Giải pháp 2:

- **Tác động đối với hệ thống pháp luật:** Về cơ bản việc giữ nguyên theo quy định hiện hành không làm thay đổi hệ thống pháp luật, việc đề xuất giao thẩm quyền cho Thủ tướng Chính phủ quyết định việc miễn, giảm thuế cho người lao động làm việc tại một số tổ chức quốc tế đặc thù đảm bảo cơ sở pháp lý, tính thống nhất của hệ thống pháp luật.

- **Tác động về kinh tế - xã hội:** Không có sự xáo trộn, thay đổi về chính sách. Theo đó, không làm phát sinh chi phí tổ chức thực hiện chính sách cho cả cơ quan thuế và người nộp thuế. Tuy nhiên giải pháp này chưa khuyến khích các

cá nhân làm việc trong một số ngành, lĩnh vực ưu tiên phù hợp với định hướng, chủ trương của Nhà nước như bảo vệ môi trường, tăng trưởng xanh, nhân lực công nghệ cao...

- **Tác động về giới:** Nội dung của chính sách không quy định các vấn đề liên quan đến chính sách giới nên không có tác động về giới.

- **Tác động của thủ tục hành chính:** Giải pháp đề xuất không làm tăng thủ tục hành chính.

3.3. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Trên cơ sở phân tích, so sánh tác động của các giải pháp đề xuất, cơ quan chủ trì đề nghị lựa chọn Giải pháp 1 để thực hiện chính sách, đảm bảo thực hiện được mục tiêu đề ra.

4. Chính sách 4: Hoàn thiện quy định về thuế TNCN đối với cá nhân kinh doanh

4.1. Xác định vấn đề và mục tiêu giải quyết vấn đề

4.1.1. Xác định vấn đề

- Về điều chỉnh nâng mức doanh thu chịu thuế đối với thu nhập từ kinh doanh.

Theo quy định của Luật thuế TNCN năm 2007, đối với thu nhập từ kinh doanh cũng được áp dụng các khoản giảm trừ khi tính thuế TNCN. Tuy nhiên, đối với hộ, cá nhân kinh doanh, quy trình tính thuế này là phức tạp do đại bộ phận hộ, cá nhân kinh doanh không thực hiện chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ, không xác định được chi phí, thu nhập chịu thuế nên cơ quan thuế phải thực hiện ấn định thu nhập, sau đó lại xác định thu nhập tính thuế dựa trên cơ sở giảm trừ gia cảnh để áp dụng biểu thuế lũy tiến từng phần như cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công.

Luật số 71/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Luật thuế (có hiệu lực thi hành từ 01/01/2015) quy định: Đối với hộ, cá nhân kinh doanh có mức doanh thu hàng năm từ 100 triệu đồng trở xuống thì không phải nộp thuế TNCN; Đối với hộ, cá nhân kinh doanh có doanh thu trên 100 triệu đồng/năm nộp thuế TNCN theo tỷ lệ ấn định trên doanh thu theo từng ngành nghề, lĩnh vực sản xuất, kinh doanh.

Quá trình thực hiện có ý kiến cho rằng mức 100 triệu đồng/năm để xác định cá nhân không thuộc diện nộp thuế TNCN là không phù hợp, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo tỷ lệ trên doanh thu không được giảm trừ gia cảnh. Trong khi đó, từ kỳ tính thuế năm 2020, mức giảm trừ áp dụng đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công là 11 triệu đồng/tháng (132 triệu đồng/năm) đối với bản thân người nộp thuế, 4,4 triệu đồng/tháng đối với mỗi người phụ thuộc.

Gần đây, Quốc hội cũng đã thông qua Luật thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15, trong đó đã điều chỉnh tăng ngưỡng doanh thu không chịu thuế của cá nhân kinh doanh lên mức 200 triệu đồng/năm (thay cho mức 100 triệu

đồng). Theo đó, để phù hợp với sự biến động của giá cả, thống nhất với ngưỡng doanh thu chịu thuế giá trị gia tăng của cá nhân kinh doanh tại Luật thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15, cần thiết phải điều chỉnh mức thu nhập không chịu thuế của hộ, cá nhân kinh doanh từ 100 triệu đồng/năm lên 200 triệu đồng/năm. Qua đó, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật, giảm nghĩa vụ thuế cho người nộp thuế.

- Về sửa đổi, bổ sung quy định về xác định doanh thu để thống nhất với các pháp luật liên quan.

Đối với hoạt động kinh doanh của cá nhân, việc xác định doanh thu cần rà soát để đảm bảo thống nhất, tương đồng với các pháp luật liên quan, nhất là pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp. Qua đó, đảm bảo tính đồng bộ của hệ thống pháp luật

- Về điều chỉnh mức thuế suất đối với một số khoản thu nhập từ hoạt động cung cấp sản phẩm và dịch vụ phần mềm; sản phẩm và dịch vụ nội dung thông tin số về giải trí, trò chơi điện tử, phim số, ảnh số, nhạc số, quảng cáo số.

Luật số 71/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Luật thuế và các văn bản hướng dẫn về thuế (có hiệu lực thi hành từ 01/01/2015) quy định: Đối với hộ, cá nhân kinh doanh có doanh thu trên 100 triệu đồng/năm nộp thuế TNCN theo tỷ lệ ấn định trên doanh thu theo từng ngành nghề, lĩnh vực sản xuất, kinh doanh (Phân phối, cung cấp hàng hóa: 0,5%; Dịch vụ; xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu: 2% (Riêng hoạt động cho thuê tài sản, đại lý bảo hiểm, đại lý xổ số, đại lý bán hàng đa cấp: 5%); Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu: 1,5%; Hoạt động kinh doanh khác: 1%). Quy định này đảm bảo chính sách đơn giản, rõ ràng, minh bạch, nâng cao hiệu quả công tác quản lý thu thuế, tính tuân thủ pháp luật thuế của các hộ, cá nhân kinh doanh, tiết kiệm chi phí tuân thủ thuế cho người nộp thuế và cơ quan thuế.

Mặc dù quy định thu thuế TNCN theo tỷ lệ trên doanh thu, không tính trừ chi phí và các khoản giảm trừ, tuy nhiên mức tỷ lệ được xây dựng đã tính toán phù hợp hoạt động kinh doanh của cá nhân tương ứng với từng lĩnh vực, ngành nghề sản xuất, kinh doanh và thấp hơn tỷ lệ trên doanh thu hiện đang áp dụng đối với doanh nghiệp không xác định được chi phí, thu nhập của hoạt động kinh doanh.

Quá trình thực hiện có ý kiến cho rằng tỷ lệ thuế TNCN trên doanh thu cần được tính toán, điều chỉnh lại cho phù hợp với đặc điểm của một số loại thu nhập, hoạt động kinh doanh đặc thù như hoạt động cung cấp sản phẩm và dịch vụ phần mềm; sản phẩm và dịch vụ nội dung thông tin số về giải trí, trò chơi điện tử, phim số, ảnh số, nhạc số, quảng cáo số. Hiện hành, thu nhập của cá nhân từ các hoạt động này đang chịu sự điều tiết như một số khoản thu nhập khác, trong khi đây là những khoản thu nhập có tính chất đặc thù nên cần có mức thuế suất phù hợp để đảm bảo sự bình đẳng giữa các đối tượng nộp thuế, sự thống nhất của hệ thống chính sách thuế, đảm bảo phát huy được vai trò điều tiết, phân phối lại của chính

sách thuế TNCN trong hệ thống thuế⁶. Mức thuế suất cụ thể cần được nghiên cứu đánh giá kỹ lưỡng, đảm bảo phát huy được một cách có hiệu quả vai trò của chính sách thuế TNCN trong hệ thống thuế, thực hiện điều tiết hợp lý thu nhập của cá nhân trong nền kinh tế.

4.1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Phù hợp với hoạt động kinh doanh của cá nhân, khuyến khích cá nhân kinh doanh làm giàu chính đáng và đảm bảo mục tiêu điều tiết của thuế TNCN.
- Đáp ứng yêu cầu phát triển KT-XH của đất nước.
- Đảm bảo phù hợp với thông lệ quốc tế và xu hướng phát triển.

4.2. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề và đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

4.2.1. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1:

- Điều chỉnh nâng mức doanh thu chịu thuế đối với thu nhập từ kinh doanh lên mức 200 triệu đồng/năm để thống nhất với ngưỡng doanh thu chịu thuế giá trị gia tăng của cá nhân kinh doanh tại Luật thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15.
- Sửa đổi, bổ sung quy định về xác định doanh thu của hộ, cá nhân kinh doanh để thống nhất với các pháp luật liên quan.
- Quy định cụ thể mức thuế suất đối với một số khoản thu nhập từ hoạt động cung cấp sản phẩm và dịch vụ phần mềm; sản phẩm và dịch vụ nội dung thông tin số về giải trí, trò chơi điện tử, phim số, ảnh số, nhạc số, quảng cáo số.

b) Giải pháp 2:

Điều chỉnh mức doanh thu chịu thuế đối với thu nhập từ kinh doanh thống nhất với ngưỡng doanh thu chịu thuế giá trị gia tăng của cá nhân kinh doanh tại Luật thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15 và sửa đổi, bổ sung quy định về xác định doanh thu của hộ, cá nhân kinh doanh để thống nhất với các pháp luật liên quan.

- Giữ nguyên thuế suất đối với hoạt động cung cấp sản phẩm và dịch vụ phần mềm; sản phẩm và dịch vụ nội dung thông tin số về giải trí, trò chơi điện tử, phim số, ảnh số, nhạc số, quảng cáo số giữ như hiện hành.

4.2.2. Đánh giá tác động của các giải pháp

a) Giải pháp 1:

- **Tác động đối với hệ thống pháp luật:** Quy định nêu trên không xung đột và trái với các quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật khác như Hiến

⁶ Trước đây, tại Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 ngày 19/10/2021 của UBTVQH về ban hành một số giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động của dịch Covid-19 cũng loại trừ, không giảm thuế đối với thu nhập, doanh thu từ cung cấp sản phẩm và dịch vụ phần mềm; sản phẩm và dịch vụ nội dung thông tin số về giải trí, trò chơi điện tử, phim số, ảnh số, nhạc số; quảng cáo số của cá nhân.

pháp; các Luật thuế hiện hành và các văn bản quy phạm pháp luật khác. Quy định bổ sung nhằm thống nhất với ngưỡng doanh thu chịu thuế giá trị gia tăng của cá nhân kinh doanh quy định tại dự án Luật thuế giá trị gia tăng cũng như tính thống nhất của hệ thống chính sách thuế.

- **Tác động về kinh tế - xã hội:** Việc điều chỉnh mức doanh thu chịu thuế đối với thu nhập từ kinh doanh và rà soát mức thuế suất đối với một số khoản thu nhập đặc thù nhằm phù hợp với sự biến động của giá cả và đảm bảo sự bình đẳng giữa các đối tượng nộp thuế. Đảm bảo thống nhất với các quy định của pháp luật liên quan, khắc phục toàn diện những bất cập, tồn tại trong việc xác định thuế TNCN đối với hoạt động kinh doanh của cá nhân. Việc điều chỉnh mức thuế suất đối với một số khoản thu nhập từ hoạt động cung cấp sản phẩm và dịch vụ phần mềm; sản phẩm và dịch vụ nội dung thông tin số về giải trí, trò chơi điện tử, phim số, ảnh số, nhạc số, quảng cáo số đảm bảo sự bình đẳng giữa các đối tượng nộp thuế, sự thống nhất của hệ thống chính sách thuế, đảm bảo phát huy được vai trò điều tiết, phân phối lại của chính sách thuế TNCN trong hệ thống thuế.

Đối với NSNN: việc điều chỉnh mức doanh thu có thể làm giảm NSNN, bù lại việc điều chỉnh mức thuế suất đối với một số khoản thu nhập đặc thù có thể làm tăng thu NSNN, do đó, nhìn chung giải pháp đề xuất không ảnh hưởng đến NSNN.

- **Tác động về giới:** Nội dung của chính sách không quy định các vấn đề liên quan đến chính sách giới nên không có tác động về giới, không ảnh hưởng đến việc thực hiện chính sách bình đẳng giới của Đảng và Nhà nước.

- **Tác động của thủ tục hành chính:** Quy định bổ sung không làm tăng thủ tục hành chính.

b) Giải pháp 2:

- **Tác động đối với hệ thống pháp luật:** Quy định nêu trên không xung đột và trái với các quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật. Quy định bổ sung nhằm thống nhất với ngưỡng doanh thu chịu thuế giá trị gia tăng quy định tại Luật thuế giá trị gia tăng cũng như tính thống nhất của hệ thống chính sách thuế.

- **Tác động về kinh tế - xã hội:** Việc điều chỉnh mức doanh thu chịu thuế đối với thu nhập từ kinh doanh nhằm phù hợp với sự biến động của giá cả và đảm bảo sự bình đẳng giữa các đối tượng nộp thuế.

Đối với NSNN: việc điều chỉnh mức doanh thu có thể làm giảm NSNN.

Việc giữ nguyên thuế suất đối với hoạt động cung cấp sản phẩm và dịch vụ phần mềm; sản phẩm và dịch vụ nội dung thông tin số về giải trí, trò chơi điện tử, phim số, ảnh số, nhạc số, quảng cáo số chưa thực sự phù hợp với tính chất, đặc điểm của các hoạt động này, chưa thực sự bình đẳng giữa các khoản thu nhập, chưa phát huy được vai trò điều tiết, phân phối lại của chính sách thuế TNCN trong hệ thống thuế.

- **Tác động về giới:** Nội dung của chính sách không quy định các vấn đề liên quan đến chính sách giới nên không có tác động về giới, không ảnh hưởng đến

việc thực hiện chính sách bình đẳng giới của Đảng và Nhà nước.

- **Tác động của thủ tục hành chính:** Quy định bổ sung không làm tăng thủ tục hành chính.

4.3. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Trên cơ sở phân tích, so sánh tác động của các giải pháp đề xuất, cơ quan chủ trì đề nghị lựa chọn Giải pháp 1 để thực hiện chính sách, đảm bảo thực hiện được mục tiêu đề ra.

5. Chính sách 5: Hoàn thiện quy định về giảm trừ gia cảnh, giảm trừ đối với các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo và các khoản giảm trừ đặc thù khác

5.1. Xác định vấn đề và mục tiêu giải quyết vấn đề

5.1.1. Xác định vấn đề bất cập

- Về điều chỉnh quy định về mức giảm trừ gia cảnh cho cá nhân người nộp thuế và người phụ thuộc.

Theo quy định của Luật thuế TNCN hiện hành, cá nhân được trừ các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp đối với một số ngành nghề phải tham gia bảo hiểm bắt buộc, trừ đi mức giảm trừ gia cảnh, các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo, các khoản phụ cấp, trợ cấp theo quy định... số còn lại mới là thu nhập làm căn cứ tính thuế TNCN.

Luật thuế TNCN (áp dụng từ 01/01/2009) quy định mức giảm trừ đối với đối tượng nộp thuế là 4 triệu đồng/tháng (48 triệu đồng/năm); mức giảm trừ đối với mỗi người phụ thuộc là 1,6 triệu đồng/tháng. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TNCN số 26/2012/QH13 (áp dụng từ 01/7/2013) quy định mức giảm trừ đối với đối tượng nộp thuế là 9 triệu đồng/tháng (108 triệu đồng/năm); mức giảm trừ đối với mỗi người phụ thuộc là 3,6 triệu đồng/tháng. Đồng thời bổ sung quy định: Trường hợp chỉ số giá tiêu dùng (CPI) biến động trên 20% so với thời điểm Luật có hiệu lực thi hành hoặc thời điểm điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh gần nhất thì Chính phủ trình UBTVQH điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh quy định tại khoản này phù hợp với biến động của giá cả để áp dụng cho kỳ tính thuế tiếp theo.

Ngày 02/6/2020 UBTVQH đã ban hành Nghị quyết số 954/2020/UBTVQH14 về điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh của thuế TNCN (áp dụng từ kỳ tính thuế năm 2020). Theo đó, nâng mức giảm trừ đối với đối tượng nộp thuế là 11 triệu đồng/tháng (132 triệu đồng/năm); mức giảm trừ đối với mỗi người phụ thuộc là 4,4 triệu đồng/tháng. Việc điều chỉnh nâng mức giảm trừ gia cảnh của thuế TNCN đã góp phần giảm bớt nghĩa vụ cho người nộp thuế, số thuế phải nộp sẽ được giảm cho mọi đối tượng đang nộp thuế TNCN. Với mức giảm trừ cho bản thân người nộp thuế là 11 triệu đồng/tháng và cho mỗi người phụ thuộc là 4,4 triệu đồng/tháng như hiện nay thì người có thu nhập từ tiền lương, tiền công ở mức 17 triệu đồng/tháng (nếu có 1 người phụ thuộc) hay mức 22 triệu đồng/tháng (nếu có 2 người phụ thuộc) sau khi trừ các khoản bảo hiểm xã hội,

bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp... thì hiện nay cũng chưa phải nộp thuế TNCN.

Theo Báo cáo khảo sát mức sống dân cư năm 2023 của Tổng cục Thống kê (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) công bố thì thu nhập bình quân đầu người/tháng của Việt Nam trong năm 2023 (theo giá hiện hành) là 4,96 triệu đồng và nhóm hộ có thu nhập cao nhất (nhóm gồm 20% dân số giàu nhất - nhóm 5) có thu nhập bình quân là 10,86 triệu đồng/tháng/người. Theo đó, mức giảm trừ cho người nộp thuế hiện nay (11 triệu đồng/tháng) là bằng hơn 2,21 lần so với mức thu nhập bình quân đầu người (cao hơn nhiều so với mức phổ biến mà các nước đang áp dụng⁷), tương đương thu nhập bình quân của nhóm 20% dân số giàu nhất.

Việc thực hiện chính sách thuế TNCN có vai trò rất quan trọng để triển khai chính sách phân phối lại, đảm bảo công bằng xã hội. Cùng với các nguồn thu khác, nguồn thu từ thuế TNCN đã được sử dụng để đáp ứng rất nhiều các nhu cầu chi cho đầu tư phát triển, an ninh quốc phòng, đảm bảo an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo. Việc áp dụng thuế TNCN cần đảm bảo phù hợp với hoàn cảnh sống của người nộp thuế đặt trong bối cảnh KH-XH.

Thời gian qua có ý kiến cho rằng mức giảm trừ gia cảnh vẫn còn thấp, nhưng cũng có ý kiến cho rằng mức giảm trừ gia cảnh hiện nay không thấp khi so sánh với mặt bằng chung về mức sống, thu nhập của người dân hiện nay, có nhiều người lao động hiện đang có thu nhập chưa đến mức phải nộp thuế. Ngoài ra, cũng có ý kiến cho rằng, cần quy định mức giảm trừ gia cảnh theo mức lương tối thiểu vùng, mức giảm trừ gia cảnh ở các đô thị, thành phố lớn cần phải cao hơn ở khu vực nông thôn, miền núi do chi phí đắt đỏ hơn; cũng có ý kiến cho rằng phải có chính sách thuế điều tiết cao hơn đối với cá nhân ở các đô thị, thành phố lớn để hạn chế nhập cư, di dân vào các đô thị lớn...

Về bản chất, quy định về giảm trừ trước khi tính thuế đảm bảo nguyên tắc cá nhân cần phải có một mức thu nhập nhất định nhằm đáp ứng được nhu cầu thiết yếu của cuộc sống như: ăn, ở, đi lại, học tập, khám chữa bệnh..., vì thế, thu nhập trên ngưỡng này mới phải nộp thuế. Việc áp dụng các khoản giảm trừ còn hướng tới mục tiêu loại trừ các đối tượng có thu nhập thấp ra khỏi diện phải nộp thuế TNCN. Mức giảm trừ gia cảnh cho người nộp thuế, người phụ thuộc của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế TNCN là mức cụ thể theo mặt bằng chung của xã hội, không phân biệt người có thu nhập cao hay thấp, với nhu cầu tiêu dùng khác nhau. Cá nhân có khó khăn do thiên tai, hoả hoạn, tai nạn, bệnh hiểm nghèo thì Luật thuế TNCN đã có quy định giảm thuế cho các trường hợp này.

Đối với nước ta, mức giảm trừ gia cảnh hiện hành được áp dụng từ năm 2020 đến nay nên cũng cần thiết phải rà soát, đánh giá lại để đề xuất phương án sửa đổi, bổ sung phù hợp với các điều kiện mới. Mức giảm trừ gia cảnh cụ thể cần được nghiên cứu, tính toán một cách kỹ lưỡng, đảm bảo cho phù hợp với sự

⁷ Theo số liệu năm 2023, tỷ lệ này ở Ma-lai-si-a là 0,16 lần, In-đô-nê-xi-a là 0,68 lần, Trung Quốc là 0,67 lần.

biến động của giá cả cũng như sự gia tăng mức sống dân cư trong giai đoạn vừa qua cũng như dự báo cho thời gian tới đây, đồng thời không làm giảm vai trò của chính sách thuế TNCN trong hệ thống thuế. Mức giảm trừ “*quá cao*” sẽ làm mờ vai trò của chính sách thuế TNCN trong việc thực hiện các chức năng của sắc thuế này (đảm bảo công bằng xã hội và điều tiết thu nhập) và vô hình sẽ đưa chính sách thuế TNCN trở lại “*chính sách thuế đối với người có thu nhập cao*” như giai đoạn trước đây. Đồng thời, có thể cân nhắc nghiên cứu phương án giao Chính phủ quy định mức giảm trừ gia cảnh để đảm bảo linh hoạt, chủ động điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn và yêu cầu phát triển KT-XH của đất nước trong từng thời kỳ.

- Về việc bổ sung phạm vi xác định các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo được giảm trừ; nghiên cứu bổ sung các khoản giảm trừ đặc thù khác; đồng thời, giao Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành để phù hợp với thực tiễn phát sinh.

+ Về bổ sung phạm vi xác định các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo được giảm trừ.

Điều 20 Luật thuế TNCN hiện hành quy định các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo được trừ vào thu nhập trước khi tính thuế đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công bao gồm: khoản đóng góp vào tổ chức, cơ sở chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, người tàn tật, người già không nơi nương tựa; khoản đóng góp vào quỹ từ thiện, quỹ nhân đạo, quỹ khuyến học.

Hiện nay, việc hình thành và mở rộng các quỹ xã hội, quỹ từ thiện là giải pháp để giúp Chính phủ hỗ trợ phúc lợi cho các đối tượng yếu thế, trong đó các nguồn quỹ được hình thành từ sự huy động, đóng góp của người dân, người lao động trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị đã góp phần thực hiện tốt các chính sách đền ơn, đáp nghĩa, an sinh xã hội, hỗ trợ đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn hay trong giai đoạn dịch bệnh Covid-19, bão lũ... thời gian qua. Do vậy, việc rà soát để bổ sung phạm vi xác định các khoản đóng góp được giảm trừ là cần thiết.

+ Về nghiên cứu bổ sung các khoản giảm trừ đặc thù khác.

Luật thuế TNCN hiện hành đã quy định về giảm trừ cho bản thân người nộp thuế, giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc mà người nộp thuế phải nuôi dưỡng; đồng thời Luật cũng quy định không tính vào thu nhập chịu thuế TNCN các khoản đóng góp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp đối với một số ngành, nghề phải tham gia bảo hiểm bắt buộc, các khoản trợ cấp, phụ cấp đặc thù, các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo... Thời gian qua có ý kiến cho rằng cần nghiên cứu cho phép người nộp thuế được trừ một số khoản chi trong năm ở mức độ phù hợp như các khoản chi phí về y tế, giáo dục trước khi tính thuế.

Qua nghiên cứu kinh nghiệm các nước cho thấy, hầu hết pháp luật thuế TNCN của các nước đều có quy định về việc giảm trừ theo các hình thức và cách thức khác nhau. Về phân loại, các nước thường chia thành ba nhóm sau: i) giảm

trừ chung cho cá nhân người nộp thuế; ii) các khoản giảm trừ cho người phụ thuộc, như giảm trừ cho con, cho vợ hoặc chồng, cho bố, mẹ...; và iii) các khoản giảm trừ có tính chất đặc thù (ví dụ, giảm trừ cho chi phí y tế, giáo dục...).

Pháp luật về thuế TNCN của Việt Nam đã quy định cho phép giảm trừ đối với hai nhóm đầu: cho người nộp thuế và người phụ thuộc. Đối với các khoản giảm trừ đặc thù, đây là các khoản giảm trừ mà người nộp thuế được hưởng khi đáp ứng được một số tiêu chí nhất định, ví dụ như chi tiêu cho các khoản mà Nhà nước khuyến khích (ví dụ cho y tế, giáo dục...). Theo đó, phạm vi các khoản giảm trừ này ở các nước cũng rất đa dạng. Có quốc gia cho phép giảm trừ các khoản đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế... để khuyến khích người dân tham gia các dịch vụ này; có quốc gia cho phép giảm trừ các khoản chi phí về y tế, chi phí giáo dục của con hoặc có quốc gia cho phép giảm trừ đối với các khoản lãi tiền vay mua nhà trả góp... (Thái Lan, Ma-lai-xi-a, Hàn Quốc, In-đô-nê-xi-a...).

Nhằm phát huy tốt vai trò, ý nghĩa của chính sách thuế TNCN trong việc điều tiết thu nhập nhưng có tính đến điều kiện, hoàn cảnh của người nộp thuế, cần thiết rà soát, nghiên cứu bổ sung các khoản giảm trừ đặc thù khác trước khi tính thuế cho cá nhân người nộp thuế. Tuy nhiên, phạm vi các khoản chi được giảm trừ và mức độ được giảm trừ đối với các khoản chi cần phải được cân nhắc, tính toán phù hợp để vừa đạt được mục tiêu đề ra nhưng cũng không làm giảm vai trò của chính sách thuế TNCN dưới phương diện là một công cụ điều tiết thu nhập, thực hiện phân phối lại thu nhập trong nền kinh tế.

5.1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Phù hợp với tình hình phát triển KT-XH, xu hướng gia tăng về thu nhập, mức sống của dân cư, tạo thuận lợi cho người nộp thuế.

- Góp phần giảm bớt gánh nặng thuế cho người nộp thuế; đồng thời, tiếp tục phát huy tốt vai trò của chính sách thuế TNCN trong việc thực hiện mục tiêu phân phối lại thu nhập.

5.2. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề và đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

5.2.1. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1:

- Nghiên cứu điều chỉnh tăng mức giảm trừ gia cảnh cho cá nhân người nộp thuế và người phụ thuộc cho phù hợp với diễn biến chỉ số CPI và các chỉ số kinh tế vĩ mô những năm gần đây, góp phần giảm gánh nặng thuế cho người nộp thuế.

- Bổ sung phạm vi xác định các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo được giảm trừ; nghiên cứu bổ sung các khoản giảm trừ đặc thù khác; đồng thời, giao Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành để phù hợp với thực tiễn phát sinh.

b) Giải pháp 2:

- Nghiên cứu điều chỉnh quy định về mức giảm trừ gia cảnh cho cá nhân người nộp thuế và người phụ thuộc.

- Giữ nguyên phạm vi các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo được giảm trừ; không bổ sung thêm các khoản giảm trừ đặc thù khi xác định thu nhập tính thuế để không gây xói mòn cơ sở thuế.

5.2.2. Đánh giá tác động của các giải pháp

a) Giải pháp 1:

- **Tác động đối với hệ thống pháp luật:** Các quy định được bổ sung đều bảo đảm hợp hiến, hợp pháp; phù hợp, thống nhất với pháp luật thuế hiện hành, phù hợp với thông lệ quốc tế cũng như không tạo ra mâu thuẫn, chồng chéo đối với quy định của hệ thống pháp luật khác.

- **Tác động về kinh tế - xã hội:** Việc sửa đổi quy định về giảm trừ có vai trò rất quan trọng để triển khai chính sách phân phối lại, đảm bảo công bằng xã hội, phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội, tình hình giá cả và lạm phát, đảm bảo điều kiện sống thiết yếu cho cá nhân. Đảm bảo khắc phục toàn diện hơn những vấn đề đặt ra trong thực tiễn đối với cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công, góp phần giảm bớt gánh nặng thuế cho người nộp thuế và đảm bảo phù hợp với tình hình phát triển KT-XH trong giai đoạn vừa qua và xu hướng phát triển cũng như thông lệ quốc tế.

- **Tác động về giới:** Nội dung của chính sách không có quy định liên quan đến vấn đề giới nên không có tác động về giới.

- **Tác động của thủ tục hành chính:** Quy định này không phát sinh thêm thủ tục hành chính mới.

b) Giải pháp 2:

~~- **Tác động đối với hệ thống pháp luật:** Giải pháp đề xuất bảo đảm hợp~~
hiến, hợp pháp; phù hợp, thống nhất với pháp luật thuế hiện hành.

~~- **Tác động về kinh tế - xã hội:** Việc sửa đổi quy định về giảm trừ có vai trò~~
rất quan trọng để triển khai chính sách phân phối lại, đảm bảo công bằng xã hội, phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội, tình hình giá cả và lạm phát, đảm bảo điều kiện sống thiết yếu cho cá nhân. Không bổ sung thêm các khoản giảm trừ đặc thù khi xác định thu nhập tính thuế không gây xói mòn cơ sở thuế.

Việc giữ nguyên phạm vi các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo được giảm trừ chưa thực sự khuyến khích cá nhân có đóng góp vào chương trình an sinh xã hội trong hoàn cảnh dịch bệnh, bão lũ...

- **Tác động về giới:** Nội dung của chính sách không có quy định liên quan đến vấn đề giới nên không có tác động về giới.

- **Tác động của thủ tục hành chính:** Quy định này không phát sinh thêm thủ tục hành chính mới.

5.3. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Trên cơ sở phân tích, so sánh tác động của các giải pháp đề xuất, cơ quan chủ trì đề nghị lựa chọn Giải pháp 1 để thực hiện chính sách, đảm bảo thực hiện được mục tiêu đề ra.

6. Chính sách 6: Điều chỉnh Biểu thuế lũy tiến từng phần áp dụng đối với cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công và các mức thuế suất tại Biểu thuế toàn phần tương ứng với các nội dung sửa đổi về thu nhập từ chuyển nhượng vốn, thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản

6.1. Xác định vấn đề và mục tiêu giải quyết vấn đề

6.1.1. Xác định vấn đề bất cập

- Về việc điều chỉnh Biểu thuế lũy tiến từng phần đối với thu nhập từ tiền lương tiền công của cá nhân cư trú.

Khoản 2 Điều 22 Luật thuế TNCN quy định Biểu thuế lũy tiến từng phần áp dụng đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công với 7 bậc thuế: 5%, 10%, 15%, 20%, 25%, 30% và 35%. Qua quá trình thực tế thực hiện, có quan điểm cho rằng Biểu thuế lũy tiến từng phần hiện hành là chưa hợp lý, quá nhiều bậc, giãn cách giữa các bậc quá hẹp dễ dẫn đến nhảy bậc thuế khi tổng hợp thu nhập vào cuối năm làm tăng số thuế phải nộp, số lượng phải quyết toán thuế tăng một cách không cần thiết trong khi số thuế phải nộp thêm không nhiều.

Việc áp dụng thu thuế TNCN theo các mức thuế suất lũy tiến từng phần là chính sách được áp dụng phổ biến ở nhiều nước trên thế giới. Theo đó, hầu hết các nước đều áp dụng biểu thuế lũy tiến có nhiều bậc khác nhau để áp dụng thu thuế theo các mức khác nhau đối với các nhóm người nộp thuế có mức thu nhập khác nhau, qua đó, đảm bảo tính công bằng theo chiều dọc của chính sách thuế (số thuế phải trả tăng theo sự gia tăng thu nhập). Tuy cách thức và phương thức thiết kế biểu thuế các nước cũng khác nhau, tùy thuộc vào quan điểm thiết kế chính sách thuế TNCN của mỗi nước. Xu hướng chung được một số quốc gia thực hiện gần đây là thực hiện đơn giản hóa của Biểu thuế thông qua việc giảm số bậc trong Biểu thuế.

Qua rà soát cơ cấu biểu thuế hiện nay và nghiên cứu xu hướng cải thiện về mức sống dân cư trong thời gian tới cũng như kinh nghiệm quốc tế⁸, Việt Nam có thể nghiên cứu để cắt giảm số bậc thuế của Biểu thuế hiện nay từ 7 bậc xuống mức phù hợp; cùng với đó, xem xét nới rộng khoảng cách thu nhập trong các bậc thuế, đảm bảo điều tiết ở mức cao hơn vào những người có thu nhập ở bậc thuế cao. Thực hiện theo hướng này sẽ góp phần đơn giản hóa, giảm số bậc thuế nhằm tạo thuận lợi cho công tác kê khai, nộp thuế của người nộp thuế.

Việc sửa đổi Biểu thuế TNCN sẽ được nghiên cứu, xem xét một cách kỹ lưỡng và cần phù hợp với định hướng được đặt ra trong Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030, đảm bảo phù hợp với bối cảnh KT-XH, thu nhập và mức sống của người dân và với thông lệ quốc tế, đặc biệt là với các nước có điều

⁸ Biểu thuế của In-đô-nê-xi-a bao gồm 5 bậc thuế với các mức thuế suất 5%, 15%, 25%, 30% và 35%; của Phi-líp-pin bao gồm 5 bậc thuế với các mức thuế suất 15%, 20%, 25%, 30%, 35%; một số quốc gia như Ma-lai-xi-a cũng đã giảm số bậc thuế từ 11 bậc (năm 2021) xuống 9 bậc (2024).

kiện tương đồng, vừa đảm bảo quyền lợi của người lao động, khuyến khích sự phát triển của thị trường lao động trong bối cảnh hội nhập quốc tế, vừa đảm bảo nguồn thu cho NSNN.

- *Về điều chỉnh mức thuế suất tại Biểu thuế toàn phần tương ứng với các nội dung sửa đổi về thu nhập từ chuyển nhượng vốn (có tính riêng đối với hoạt động chuyển nhượng phái sinh).*

Như đã nêu Chính sách 2 ở đây, từ thực tiễn thực hiện thời gian qua, cũng như xu hướng, kinh nghiệm của các nước, cần thiết nghiên cứu để quy định rõ tỷ lệ thu thuế (trên doanh thu chuyển nhượng từng lần) đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn.

- *Về quy định mức thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản theo thời gian nắm giữ.*

Chính sách thuế TNCN hiện hành của nước ta không phân biệt theo thời gian nắm giữ bất động sản của người chuyển nhượng. Nhằm hạn chế tình trạng đầu cơ bất động sản, một số quốc gia trên thế giới đã sử dụng các công cụ thuế để tăng chi phí cho hành vi đầu cơ và giảm sức hấp dẫn của việc đầu cơ bất động sản trong nền kinh tế, trong đó có thuế TNCN. Ngoài ra, một số nước còn áp dụng thuế đối với lợi nhuận thu được từ giao dịch bất động sản phù hợp với tần suất giao dịch, thời gian mua, bán lại bất động sản. Nếu thời gian này diễn ra càng nhanh thì thuế suất càng cao, diễn ra chậm hơn thì thuế suất thấp hơn.⁹

Tại Nghị quyết số 06/NQ-TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045: “*Nghiên cứu, hoàn thiện chính sách thuế, phí liên quan đến bất động sản nhằm khuyến khích sử dụng nhà, đất có hiệu quả*”. Nghị quyết số 18/NQ-TW ngày 16/6/2022 Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về “*Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao*” đã đưa ra nhiệm vụ, giải pháp: “*Quy định mức thuế cao hơn đối với người sử dụng nhiều diện tích đất, nhiều nhà ở, đầu cơ đất...*”. Nghị quyết số 62/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về hoạt động chất vấn tại kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XV yêu cầu: “*Rà soát, hoàn thiện quy định pháp luật về thuế liên quan đến kinh doanh, chuyển nhượng bất động sản, tăng cường quản lý, chống thất thu thuế, bảo đảm nguồn thu ngân sách nhưng không làm ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp, quyền lợi chính đáng của người dân và sự phát triển của thị trường bất động sản*”.

Theo đó, nhằm thể chế hóa các chủ trương, định hướng nêu trên, để có mức độ điều tiết hợp lý, tránh tình trạng đầu cơ, bong bóng bất động sản có thể nghiên cứu để thực hiện thu thuế đối với TNCN từ chuyển nhượng bất động sản theo thời gian nắm giữ như kinh nghiệm của một số nước. Mức thuế suất cụ thể cần

⁹ Tại Singapore, đất mua đi, bán lại trong năm đầu tiên bị đánh thuế 100% trên giá trị chênh lệch mua, bán; sau 2 năm thì mức thuế suất là 50%; sau 3 năm là 25%. Tại Đài Loan, giao dịch bất động sản thực hiện trong 2 năm đầu sau khi mua áp dụng thuế suất là 45%; thực hiện trong 2-5 năm thuế suất là 35%; trong 5-10 năm thuế suất 20% và thực hiện sau 10 năm mức thuế suất là 15%.

được nghiên cứu, xác định phù hợp, phản ánh được thực trạng hoạt động của thị trường bất động sản. Đồng thời, việc áp dụng chính sách thuế TNCN đối với chuyển nhượng bất động sản theo thời gian nắm giữ cũng cần đồng bộ với quá trình hoàn thiện các chính sách có liên quan đến đất đai, nhà ở cũng như sự đồng bộ, mức sẵn sàng của hạ tầng công nghệ thông tin về đăng ký đất đai, bất động sản. Qua đó, có thể tạo điều kiện cho cơ quan thuế có đủ thông tin và cơ sở pháp lý để có được các thông tin liên quan đến thời gian nắm giữ bất động sản.

6.1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Đáp ứng yêu cầu phát triển KT-XH, cải cách thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho người nộp thuế và cơ quan thuế trong quá trình thực hiện.

- Đảm bảo tính minh bạch, đơn giản của Biểu thuế và xu hướng cải cách thuế của các nước.

- Đảm bảo mức điều tiết, động viên hợp lý nguồn lực cho NSNN.

6.2. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề và đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

6.2.1. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1:

- Nghiên cứu, điều chỉnh Biểu thuế lũy tiến từng phần đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân cư trú theo hướng cắt giảm số bậc thuế của Biểu thuế hiện nay từ 7 bậc xuống mức phù hợp; cùng với đó, xem xét thực hiện nới rộng khoảng cách thu nhập trong các bậc thuế.

- Nghiên cứu sửa đổi thuế suất (trên doanh thu chuyển nhượng từng lần) đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn (có tính riêng đối với hoạt động chuyển nhượng phái sinh).

- Nghiên cứu quy định thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản theo thời gian nắm giữ.

b) Giải pháp 2:

Chỉ sửa đổi, bổ sung Biểu thuế lũy tiến từng phần đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công; giữ nguyên mức thuế áp dụng đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng bất động sản như quy định hiện hành.

6.2.2. Đánh giá tác động của các giải pháp

a) Giải pháp 1:

- **Tác động đối với hệ thống pháp luật:** Quy định bổ sung không xung đột và trái với các quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật khác. Như Hiến pháp; các Luật thuế hiện hành và các văn bản quy phạm pháp luật khác. Thực hiện giải pháp góp phần làm cho hệ thống chính sách rõ ràng, dễ thực hiện, giải quyết được những vướng mắc phát sinh trong thực tiễn.

- **Tác động về kinh tế - xã hội:** Thực hiện giải pháp góp phần đơn giản hóa,

giảm số bậc thuế nhằm tạo thuận lợi cho công tác kê khai, nộp thuế của người nộp thuế, phù hợp với xu hướng cải cách thuế của các nước trên thế giới.

Giải pháp đề xuất phù hợp với xu hướng gia tăng về thu nhập, mức sống của dân cư, khuyến khích nguồn nhân lực chất lượng cao, thể hiện sự chia sẻ của Nhà nước đối với người nộp thuế.

Đảm bảo mức điều tiết, động viên hợp lý nguồn lực cho NSNN, đồng thời, góp phần thực hiện các chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước liên quan đến thị trường bất động sản.

- **Tác động về giới:** Nội dung của chính sách không có quy định liên quan đến vấn đề giới nên không có tác động về giới.

- **Tác động của thủ tục hành chính:** Trong thời gian đầu thực hiện chính sách có thể làm tăng thủ tục hành chính đối với cơ quan quản lý thuế và cá nhân người nộp thuế. Tuy nhiên, trong dài hạn khi chính sách đã ổn định, sẽ không còn tác động về thủ tục hành chính.

b) Giải pháp 2:

- **Tác động đối với hệ thống pháp luật:** Quy định bổ sung không xung đột và trái với các quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật khác.

- **Tác động về kinh tế - xã hội:** Thực hiện giải pháp góp phần đơn giản hóa, giảm số bậc thuế nhằm tạo thuận lợi cho công tác kê khai, nộp thuế của người nộp thuế, phù hợp với xu hướng cải cách thuế của các nước trên thế giới.

- **Tác động về giới:** Nội dung của chính sách không có quy định liên quan đến vấn đề giới nên không có tác động về giới.

- **Tác động của thủ tục hành chính:** Trong thời gian đầu thực hiện chính sách có thể làm tăng thủ tục hành chính đối với cơ quan quản lý thuế và cá nhân người nộp thuế. Tuy nhiên, trong dài hạn khi chính sách đã ổn định, sẽ không còn tác động về thủ tục hành chính.

6.3. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Trên cơ sở phân tích, so sánh tác động của các giải pháp đề xuất, cơ quan chủ trì đề nghị lựa chọn Giải pháp 1 để thực hiện chính sách, đảm bảo thực hiện được mục tiêu đề ra.

7. Chính sách 7: Rà soát sửa đổi, bổ sung quy định về kỳ tính thuế, khấu trừ thuế, thời điểm xác định thu nhập chịu thuế; bổ quy định về áp dụng điều ước quốc tế để thống nhất thực hiện theo quy định của Luật Điều ước quốc tế, bỏ các nội dung liên quan về quản lý thuế để thống nhất thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế; sửa đổi, bổ sung quy định về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trả thu nhập và trách nhiệm của người nộp thuế để đảm bảo đồng bộ với quy định tại Luật số 56/2024/QH15 vừa được Quốc hội thông qua.

7.1. Xác định vấn đề và mục tiêu giải quyết vấn đề

7.1.1. Xác định vấn đề

- Về sửa đổi quy định về kỳ tính thuế đối với thu nhập từ kinh doanh, thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.

Hiện hành Luật thuế TNCN quy định đối với thu nhập từ kinh doanh, kỳ tính thuế theo năm và không phải quyết toán thuế. Tuy nhiên, thực tế thực hiện có nhiều hình thức kinh doanh kèm theo các phương thức thanh toán khác nhau, ví dụ như hoạt động thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp kê khai phát sinh doanh thu lớn nên áp dụng kỳ tính thuế theo tháng sẽ phù hợp hơn; hay đối với cá nhân kinh doanh lưu động, cá nhân là chủ thầu xây dựng tư nhân phát sinh thu nhập theo lần/theo kỳ thanh toán đối với hoạt động cho thuê tài sản.

Điều 7 Luật thuế TNCN quy định kỳ tính thuế theo năm áp dụng đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán. Tuy nhiên, tại khoản 5, khoản 7 Điều 2 Luật số 71/2014/QH13 đã sửa đổi quy định về thuế TNCN đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán của cá nhân, theo đó thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán nộp thuế theo từng lần chuyển nhượng, không quyết toán lại theo năm. Do vậy, cần nghiên cứu sửa đổi quy định kỳ tính thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán tại Điều 7 Luật thuế TNCN nêu trên trong trường hợp vẫn duy trì cách xác định thu nhập chịu thuế TNCN đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán như hiện nay.

- Về sửa đổi, bổ sung quy định về các loại thu nhập phải khấu trừ thuế, các loại thu nhập không phải khấu trừ thuế để đảm bảo tính thống nhất, khả thi trong thực hiện.

Chính sách thuế TNCN có một số đặc thù riêng, trong đó nhằm đảm bảo công tác quản lý thu thuế được hiệu quả và phù hợp, tại Nghị định quy định chi tiết Luật thuế TNCN đã có quy định về các loại thu nhập phải khấu trừ thuế (thu nhập từ tiền lương, tiền công, thu nhập từ đầu tư vốn, chuyển nhượng chứng khoán, trúng thưởng, bản quyền, nhượng quyền thương mại, thu nhập của cá nhân không cư trú...), các loại thu nhập không phải khấu trừ thuế (thu nhập từ kinh doanh, thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản, thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặng...).

Tuy nhiên, thực tế thực hiện đã phát sinh vấn đề là cá nhân kinh doanh qua các sàn thương mại điện tử có chức năng đặt hàng trực tuyến. Mặc dù các sàn thương mại điện tử chỉ là đơn vị trung gian giữa người bán và người mua nhưng lại có thể xác định được doanh thu của người bán qua sàn. Hoặc đối với các trường hợp cá nhân ký kết hợp đồng hợp tác với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ vận chuyển, giao hàng... nếu để cá nhân kinh doanh kê khai, nộp thuế trực tiếp với cơ quan thuế sẽ phức tạp trong quản lý, không đảm bảo tính khả thi, hiệu quả.

Theo đó, để đảm bảo căn cứ pháp lý, cần thiết nghiên cứu đề sửa đổi, bổ sung quy định về các loại thu nhập phải khấu trừ thuế, các loại thu nhập không phải khấu trừ thuế phù hợp với thực tiễn và các hoạt động kinh tế mới phát sinh.

- Về rà soát sửa đổi, bổ sung quy định về thời điểm xác định thu nhập chịu thuế đối với một số khoản thu nhập của cá nhân như thu nhập từ chuyển nhượng

bất động sản, thu nhập từ thừa kế, quà tặng...

Hiện hành, Luật thuế TNCN (Điều 14, Điều 18) quy định thời điểm xác định thu nhập chịu thuế từ chuyển nhượng bất động sản là thời điểm hợp đồng chuyển nhượng có hiệu lực theo quy định của pháp luật, đối với thu nhập từ thừa kế là thời điểm đối tượng nộp thuế nhận được thừa kế, đối với thu nhập từ quà tặng là thời điểm tổ chức, cá nhân tặng cho người nộp thuế hoặc thời điểm người nộp thuế nhận được thu nhập.

Thực tế thực hiện phát sinh vấn đề vướng mắc đối với trường hợp người chuyển nhượng bất động sản ủy quyền cho người mua nộp thuế thay, khi người mua làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu/quyền sử dụng bất động sản thì cơ quan quản lý mới thực hiện xác định nghĩa vụ thuế; hay đối với thừa kế, quà tặng là chứng khoán thì cá nhân phải hoàn thành nghĩa vụ thuế thì mới làm thủ tục chuyển quyền sở hữu chứng khoán, việc này dẫn đến thời điểm cơ quan thuế ra thông báo nghĩa vụ thuế chưa có ngày đăng ký quyền sở hữu chứng khoán... Do vậy, cần rà soát sửa đổi, bổ sung quy định về thời điểm xác định thu nhập chịu thuế đối với một số khoản thu nhập của cá nhân cho phù hợp với các pháp luật liên quan để đảm bảo thống nhất.

- *Bỏ quy định về áp dụng điều ước quốc tế (Điều 9) để thống nhất thực hiện theo quy định của khoản 1 Điều 6 Luật Điều ước quốc tế; bỏ các quy định liên quan về quản lý thuế để thống nhất thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế như: quy định về quy đổi thu nhập chịu thuế ra Đồng Việt Nam (Điều 6); quy định về quản lý thuế, hoàn thuế (Điều 8).... Sửa đổi, bổ sung quy định về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trả thu nhập và trách nhiệm của người nộp thuế (Điều 24, Điều 33) để đảm bảo đồng bộ với quy định tại Luật số 56/2024/QH15 vừa được Quốc hội thông qua.*

7.1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Phù hợp với thực tiễn, tương ứng với từng loại thu nhập của cá nhân.
- Đơn giản trong quyết toán thuế TNCN, cải cách thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho người nộp thuế và cơ quan thuế trong quá trình thực hiện, ngăn chặn các hành vi trốn, tránh thuế.
- Đảm bảo tính minh bạch và xu hướng cải cách thuế của các nước.

7.2. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề và đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

7.2.1. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1:

- Sửa đổi, bổ sung quy định về kỳ tính thuế đối với thu nhập từ kinh doanh, thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán cho phù hợp với từng hoạt động.
- Sửa đổi, bổ sung quy định về các loại thu nhập phải khấu trừ thuế, các loại thu nhập không phải khấu trừ thuế để đảm bảo tính thống nhất, khả thi trong thực

hiện.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về thời điểm xác định thu nhập chịu thuế đối với một số khoản thu nhập của cá nhân như thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản, thu nhập từ thừa kế, quà tặng...

- Bổ quy định về áp dụng điều ước quốc tế để thống nhất thực hiện theo quy định của Luật Điều ước quốc tế, bỏ các nội dung liên quan về quản lý thuế để thống nhất thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế; sửa đổi, bổ sung quy định về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trả thu nhập và trách nhiệm của người nộp thuế để đảm bảo đồng bộ với quy định tại Luật số 56/2024/QH15.

b) Giải pháp 2:

- Giao Chính phủ quy định cụ thể về các loại thu nhập phải khấu trừ thuế, các loại thu nhập không phải khấu trừ thuế, kỳ tính thuế và thời điểm xác định thu nhập chịu thuế của các loại thu nhập.

- Bổ quy định về áp dụng điều ước quốc tế để thống nhất thực hiện theo quy định của Luật Điều ước quốc tế, bỏ các nội dung liên quan về quản lý thuế để thống nhất thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế; sửa đổi, bổ sung quy định về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trả thu nhập và trách nhiệm của người nộp thuế để đảm bảo đồng bộ với quy định tại Luật số 56/2024/QH15.

7.2.2. Đánh giá tác động của các giải pháp

a) Giải pháp 1:

- ***Tác động đối với hệ thống pháp luật:*** Các quy định được bổ sung đều bảo đảm hợp hiến, hợp pháp; phù hợp, thống nhất với pháp luật thuế hiện hành, phù hợp với thông lệ quốc tế cũng như không tạo ra mâu thuẫn, chồng chéo đối với quy định của hệ thống pháp luật khác. Hoàn thiện hệ thống chính sách rõ ràng, dễ thực hiện, giải quyết được những vướng mắc phát sinh trong thực tiễn. Luật hóa các quy định đảm bảo cơ sở pháp lý để thực hiện.

- Tác động về kinh tế - xã hội:

Đơn giản trong quyết toán thuế TNCN, cải cách thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho người nộp thuế và cơ quan thuế trong quá trình thực hiện... Đảm bảo đơn giản, hiệu quả trong công tác quản lý thuế.

- ***Tác động về giới:*** Nội dung của chính sách không có quy định liên quan đến vấn đề giới nên không có tác động về giới.

- ***Tác động của thủ tục hành chính:*** Trong thời gian đầu thực hiện chính sách có thể có vướng mắc vì là vấn đề mới sửa đổi, tuy nhiên không làm tăng thủ tục hành chính đối với cơ quan quản lý thuế và cá nhân người nộp thuế. Tuy nhiên, trong dài hạn khi chính sách đã ổn định, sẽ không còn tác động về vấn đề này.

b) Giải pháp 2:

- ***Tác động đối với hệ thống pháp luật:*** Các quy định được bổ sung đều bảo đảm hợp hiến, hợp pháp; phù hợp, thống nhất với pháp luật thuế hiện hành. Việc

giao Chính phủ quy định các loại thu nhập phải khấu trừ thuế, các loại thu nhập không phải khấu trừ thuế, kỳ tính thuế và thời điểm xác định thu nhập chịu thuế của các loại thu nhập có thể chưa thực sự đảm bảo về căn cứ pháp luật.

- Tác động về kinh tế - xã hội:

Đơn giản trong quyết toán thuế TNCN, cải cách thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho người nộp thuế và cơ quan thuế trong quá trình thực hiện. Đảm bảo đơn giản, hiệu quả trong công tác quản lý thuế.

Việc giao Chính phủ quy định các loại thu nhập phải khấu trừ thuế, các loại thu nhập không phải khấu trừ thuế, kỳ tính thuế và thời điểm xác định thu nhập chịu thuế của các loại thu nhập có thể tạo ra sự linh hoạt hơn trong quản lý, điều hành kinh tế, xã hội.

- Tác động về giới: Nội dung của chính sách không có quy định liên quan đến vấn đề giới nên không có tác động về giới.

- Tác động của thủ tục hành chính: Giải pháp không làm tăng thủ tục hành chính đối với cơ quan quản lý thuế và cá nhân người nộp thuế.

7.3. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Trên cơ sở phân tích, so sánh tác động của các giải pháp đề xuất, cơ quan chủ trì đề nghị lựa chọn Giải pháp 1 để thực hiện chính sách, đảm bảo thực hiện được mục tiêu đề ra.

III. KẾT LUẬN

Những nội dung thay thế tại Luật có tác động lớn đến việc đảm bảo công bằng trong điều tiết thu nhập, động viên một cách hợp lý thu nhập dân cư, góp phần ổn định, nâng cao đời sống của người nộp thuế, khuyến khích mọi cá nhân ra sức lao động, sản xuất kinh doanh; đồng thời thể chế hóa quan điểm, chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước về hoàn thiện chính sách thuế nhằm mục tiêu cơ cấu lại nguồn thu NSNN.

Trên đây là Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng Luật thuế TNCN (thay thế)./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Vụ PC;
- Lưu: VT, CST(TN)./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Cao Anh Tuấn



Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý
của cơ quan, tổ chức, cá nhân về đề nghị xây dựng dự án Luật thuế thu nhập cá nhân (thay thế)
(Tài liệu kèm theo hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật thuế thu nhập cá nhân (thay thế))

1. Căn cứ xây dựng Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức

Căn cứ theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL), thực hiện Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024, ngày 22/11/2024, Bộ Tài chính đã có công văn số 12738/BTC-CST gửi lấy ý kiến về đề nghị xây dựng dự án Luật thuế thu nhập cá nhân (TNCN) (thay thế).

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân lấy ý kiến

Các cơ quan, tổ chức được gửi lấy ý kiến theo công văn số 12738/BTC-CST bao gồm các Bộ ngành, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân (UBND) các tỉnh, thành phố, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam về hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật thuế TNCN (thay thế), đồng thời gửi đăng dự thảo trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, của Bộ Tài chính để lấy ý kiến rộng rãi của nhân dân.

Bộ Tài chính đã nhận được tổng số 63 ý kiến tham gia (15/29 Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; 42/63 địa phương; Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và 06 tổ chức, cá nhân khác), trong đó: 35 đơn vị nhất trí hoàn toàn (09 Bộ, ngành và 25 tỉnh, thành phố và 01 tổ chức khác); một số ý kiến khác cơ bản nhất trí, tham gia ý kiến về kết cấu, câu chữ cho phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; các ý kiến còn lại đã được Bộ Tài chính giải trình, tiếp thu đầy đủ.

Trên cơ sở ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, Bộ Tài chính đã tổng hợp đầy đủ các ý kiến góp ý và giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý như sau:

NHÓM VẤN ĐỀ	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
1. Về thu nhập chịu thuế (Điều 3 dự thảo Luật)			
	UBND tỉnh Quảng Nam, UBND tỉnh Khánh Hòa, UBND tỉnh Hà Tĩnh, UBND tỉnh Bắc Giang, UBND tỉnh Trà Vinh, UBND Tp. Huế, UBND Tp. Đà Nẵng	Tại điểm 1 Điều 3 Đề cương dự thảo Luật thuế TNCN (thay thế) đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung: “Thu nhập từ kinh doanh quy định tại khoản này không bao gồm thu nhập của cá nhân kinh doanh có doanh thu từ 100 triệu đồng/năm trở xuống” thành “Thu nhập từ kinh doanh quy định tại khoản này không bao gồm thu nhập của cá nhân kinh doanh có doanh thu từ 200 triệu đồng/năm trở xuống”. Lý do đề xuất: Nhằm để thống nhất và đồng bộ với quy định của Luật thuế giá trị gia tăng vừa được Quốc hội thông qua, trong đó có quy định về mức doanh thu của hộ, cá nhân kinh doanh thuộc đối tượng không chịu thuế.	Tiếp thu và hoàn thiện tại dự thảo.

	Bộ Công an	Đề nghị làm rõ mức điều chỉnh doanh thu và mức doanh thu dự kiến sửa đổi, bổ sung là bao nhiêu và đánh giá tác động khi thực hiện các mức điều chỉnh này, có số liệu về mức tăng, giảm ngân sách nhà nước cụ thể để có cơ sở đánh giá, lựa chọn phương án. Tại dự thảo Luật có nêu: “Nghiên cứu bổ sung quy định về nhóm thu nhập khác thuộc diện chịu thuế thu nhập cá nhân”. Đề nghị xác định cụ thể hoặc có tiêu chí xác định cụ thể “nhóm thu nhập khác” này là những nhóm thu nhập nào.	Đây mới là khâu xây dựng Đề cương nên chỉ tập trung làm rõ các vấn đề vướng mắc, bất cập cần sửa đổi, bổ sung. Nội dung sửa đổi chi tiết và đánh giá cụ thể sẽ được Bộ Tài chính nghiên cứu, đề xuất khi Luật được đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội.
	Bộ Tư pháp	Ngày 26/11/2024, Quốc hội ban hành Luật Thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15 (có hiệu lực thi hành từ 01/01/2025). Riêng nội dung về mức doanh thu của hộ, cá nhân sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng không chịu thuế tại khoản 25 Điều 5 của Luật này và Điều 17 của Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026. Theo đó, hàng hóa, dịch vụ của hộ, cá nhân sản xuất, kinh doanh có mức doanh thu hằng năm từ 200 triệu đồng trở xuống thuộc đối tượng không chịu thuế. Vì vậy, để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật việc điều chỉnh mức doanh thu chịu thuế đối với thu nhập của hộ, cá nhân kinh doanh tại dự thảo Luật Thuế Thu nhập cá nhân là cần thiết. Tuy nhiên, nội dung về (1) điều chỉnh mức doanh thu chịu thuế đối với thu nhập của hộ, cá nhân kinh doanh và (2) sửa đổi, bổ sung quy định về doanh thu để thống nhất với các pháp luật liên quan thực chất chỉ là 01 nội dung điều chỉnh cho phù hợp với pháp luật có liên quan. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì lập đề nghị nghiên cứu, rà soát nội dung của chính sách cho chính xác.	Nội dung (1) là điều chỉnh mức doanh thu không chịu thuế, nội dung (2) là quy định về việc xác định doanh thu của các cá nhân kinh doanh cho thống nhất với pháp luật liên quan, nhất là pháp luật thuế TNDN. Do đó, đề nghị cho giữ như dự thảo vì đây là 02 nội dung độc lập.
	Bộ Quốc phòng	Điểm b khoản 2 Điều 3 Đề cương dự thảo Luật quy định: “Các khoản phụ cấp, trợ cấp, trừ các khoản: Phụ cấp, trợ cấp theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công; phụ cấp quốc phòng, an ninh; phụ cấp độc hại, nguy hiểm..., trợ cấp khác không mang tính chất tiền lương, tiền công theo quy định của Chính phủ”, đề nghị sửa lại thành: “Các khoản phụ cấp, trợ cấp, trừ các khoản: Phụ cấp, trợ cấp theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công; phụ cấp quốc phòng, an ninh; phụ cấp công vụ; phụ cấp đặc thù ngành nghề; phụ cấp phục vụ đối với lãnh đạo cấp cao; trợ cấp một lần khi chuyển công tác đến vùng kinh tế đặc biệt khó khăn; phụ cấp độc hại, nguy hiểm..., trợ cấp khác không mang tính chất tiền lương, tiền công theo quy định của Chính phủ”. Lý do: Đảm bảo phù hợp với đặc thù nhiệm vụ quân sự, quốc phòng; thể hiện sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đối với lực lượng vũ trang,	Hiện hành, tại Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ đã có quy định không tính vào thu nhập chịu thuế TNCN các khoản phụ cấp phục vụ đối với lãnh đạo cấp cao; trợ cấp một lần đối với cá nhân khi chuyển công tác đến vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn; phụ cấp đặc thù ngành nghề...

		sẵn sàng hy sinh để bảo vệ Tổ quốc.	
	Bộ Tư pháp	Nội dung của chính sách: Nghiên cứu bổ sung quy định về nhóm thu nhập khác thuộc diện chịu thuế thu nhập cá nhân; sửa đổi, bổ sung quy định về thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng vốn; sửa đổi, bổ sung quy định về thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản; nghiên cứu mở rộng phạm vi thu nhập từ thừa kế, quà tặng thuộc diện chịu thuế thu nhập cá nhân và bổ sung cách tính thuế đối với từng loại thu nhập chịu thuế, kết cấu lại và điều chỉnh tên một số điều để tương ứng với nội dung sửa đổi. Tuy nhiên, nội dung về bổ sung cách tính thuế đối với từng loại thu nhập chịu thuế chưa nêu giải pháp thực hiện của nội dung này, bổ sung cách tính thuế như thế nào so với quy định hiện hành (trang 13 dự thảo Tờ trình Chính phủ). Vì vậy, đề nghị cơ quan lập đề nghị nêu rõ giải pháp đối với nội dung trên.	Việc xác định số thuế TNCN phải nộp của các loại thu nhập theo công thức: $\text{Số thuế phải nộp} = \text{Thu nhập tính thuế} \times \text{thuế suất}.$ Qua rà soát Luật hiện hành thì một số loại thu nhập chưa quy định rõ công thức tính thuế. Do vậy, cùng với việc kết cấu lại và điều chỉnh tên một số điều, dự thảo Luật cũng sẽ quy định rõ cách tính thuế đối với từng loại thu nhập chịu thuế để đảm bảo rõ ràng, minh bạch, dễ thực hiện. Các loại hình thu nhập khác có thể rất đa dạng, theo đó, để phù hợp thực tiễn, dự kiến giao Chính phủ quy định phù hợp với bản chất của từng khoản thu nhập có thể phát sinh thực tiễn trong tương lai.
	UBND tỉnh Phú Thọ	Trong quá trình giải quyết hồ sơ hoàn thuế TNCN từ tiền công, tiền lương phát sinh một số vướng mắc trong việc phân loại và xác định thu nhập của cá nhân là thu nhập từ tiền lương, tiền công hay thu nhập từ hoạt động kinh doanh độc lập. Cụ thể: - Vấn đề về phân loại thu nhập Cá nhân ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ (quản lý đại lý bảo hiểm, tư vấn, giao hàng, ...) với nội dung kinh doanh độc lập. Trong các hợp đồng này nêu rõ cá nhân là chủ thể kinh doanh độc lập, không giới hạn ở các hoạt động, không thể hiện mối quan hệ giữa người sử dụng lao động và người lao động. Theo đó, thu nhập này không thuộc đối tượng hoàn thuế TNCN từ tiền lương, tiền công. Tuy nhiên, các khoản thù lao cá nhân nhận được, tổ chức chi trả lại thực hiện theo nguyên tắc khấu trừ 10% thuế TNCN. Do đó, gây hiểu lầm từ nhiều phía, nhất là người nộp thuế là cá nhân đang xác định đây là khoản thu nhập từ tiền lương, tiền công. - Khó khăn trong việc áp dụng các quy định hiện hành: Theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 65/2013/NĐ-CP và Điều 2 Thông tư số 111/2013/TT-BTC, thu nhập từ tiền công, tiền lương phải được nhận từ mối quan hệ lao động giữa người sử dụng lao động và người lao động. Tuy	Đây mới là khâu xây dựng Đề cương nên chỉ tập trung làm rõ các vấn đề vướng mắc, bất cập cần sửa đổi, bổ sung. Nội dung này sẽ được Bộ Tài chính nghiên cứu, đề xuất khi Luật được đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội hoặc nghiên cứu quy định tại văn bản hướng dẫn Luật (Nghị định, Thông tư).

		nhiên, đối với thu nhập của cá nhân từ thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ, các tổ chức chi trả không xác nhận mối quan hệ lao động, dẫn đến việc cơ quan thuế không đủ cơ sở để hoàn thuế TNCN từ tiền công, tiền lương cho các cá nhân này. Do vậy, để giải quyết những vướng mắc trên và bảo vệ quyền lợi của người nộp thuế, Bộ Tài chính xem xét quy định chi tiết về các loại hình thu nhập được coi là tiền lương, tiền công và thu nhập từ hoạt động kinh doanh độc lập để các tổ chức chi trả thu nhập có thể xác định chính xác loại thu nhập khi chi trả cho cá nhân, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho việc hoàn thuế TNCN đúng quy định.	
	Công Thông tin điện tử Chính phủ (tổng hợp ý kiến của Công ty CP chứng khoán MB)	Đề nghị điều chỉnh và làm rõ quy định về thuế TNCN đối với chứng quyền khi đáo hạn. Theo quy định tại công văn số 1468/BTC-CST ngày 05/2/2018 của Bộ Tài chính về chính sách thuế đối với chứng quyền có bảo đảm, nghĩa vụ thuế TNCN nhà đầu tư bán thanh toán được tính theo công thức: Thuế chứng quyền có bảo đảm (CW) = (Giá thanh toán * (Số lượng/Tỷ lệ chuyển đổi)) * thuế suất 0.1 %. Tuy nhiên trên thực tế, số tiền khách hàng được nhận sau khi CW đáo hạn (trường hợp CW có lãi đáo hạn) được tính theo công thức: Giá trị thanh toán cho khách hàng (Tổng tiền trước thuế) = (số lượng CW/Tỷ lệ chuyển đổi) * (Giá thanh toán - Giá thực hiện). Việc này dẫn tới trong 1 số trường hợp, khách hàng được nhận về 100 đồng, nhưng mất thuế 1,751 đồng (ví dụ mã CW VNM2404) dẫn đến tiền CW nhận về không đủ nộp thuế mà còn ăn vào tài khoản. Đề xuất điều chỉnh công thức tính thuế CW tương ứng với 0.1% số tiền nhà đầu tư nhận được khi CW đáo hạn.	Luật thuế TNCN (Điều 13) quy định đối với hoạt động chuyển nhượng chứng khoán, thu nhập chịu thuế được xác định là giá chuyển nhượng từng lần và giao Chính phủ quy định chi tiết. Tại văn bản hướng dẫn Luật (Nghị định, Thông tư) sẽ quy định chi tiết giá chuyển nhượng chứng khoán đối với một số loại chứng khoán đặc thù như chứng quyền, chứng khoán phái sinh... phù hợp với quy định của pháp luật liên quan.
2. Về thu nhập được miễn thuế (Điều 4 dự thảo Luật)			
	Bộ Quốc phòng	Đề nghị bổ sung nội dung miễn thuế đối với: "<i>Thu nhập từ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, sản xuất thử nghiệm các loại vũ khí, trang thiết bị phục vụ quốc phòng, an ninh</i>". Lý do: Thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước trong việc thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao tham gia vào phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh.	Tại dự thảo Luật cũng đã có đề nghị liên quan đến việc giảm thuế TNCN về thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao cho phát triển kinh tế - xã hội.
	Bộ Tư pháp	Tại dự thảo lập đề nghị có đề xuất: Bổ sung quy định miễn thuế thu nhập cá nhân đối với một số khoản thu nhập trong một số lĩnh vực ưu tiên, thu nhập của cá nhân nhằm đảm bảo an sinh xã hội; bổ sung quy định về giảm thuế trong một số trường hợp để thực hiện các chủ trương, định	Tiếp tục nghiên cứu, rà soát.

		hướng của Đảng và Nhà nước về thu hút nguồn nhân lực trình độ cao trong một số lĩnh vực của nền kinh tế; bổ sung quy định giao Thủ tướng Chính phủ quyết định việc miễn, giảm thuế cho người lao động làm việc tại một số tổ chức quốc tế đặc thù. Chính sách miễn, giảm thuế thu nhập cá nhân đã được quy định tại Luật Thuế thu nhập cá nhân hiện hành (Điều 4, Điều 5). Tuy nhiên, trong thời gian vừa qua thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước trong việc phát triển các lĩnh vực ưu tiên như nông nghiệp, môi trường, khoa học và công nghệ, an sinh xã hội... việc nghiên cứu bổ sung thu nhập miễn, giảm thuế trong chính sách miễn, giảm thuế tại Luật Thuế thu nhập cá nhân là cần thiết. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát các khoản thu nhập dự kiến miễn, giảm đảm bảo tính bao quát, công khai, minh bạch.	
	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Đề nghị nghiên cứu, bổ sung quy định miễn thuế TNCN đối với các khoản thu nhập của cá nhân từ lợi tức cổ phần của thành viên hợp tác xã nông nghiệp, cá nhân là nông dân ký kết hợp đồng với doanh nghiệp tham gia “Cánh đồng lớn”, trồng rừng sản xuất, nuôi trồng thủy sản. Lý do: Nông nghiệp là ngành đa lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực lâm nghiệp, thủy sản. Do vậy, việc bổ sung cá nhân được miễn thuế TNCN từ thu nhập đầu tư vốn trong các lĩnh vực thuộc ngành nông nghiệp như lâm nghiệp, thủy sản nhằm thu hút vốn đầu tư, khuyến khích sự phát triển của ngành nông nghiệp là phù hợp với chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước trong việc phát triển ngành nông nghiệp quy mô lớn, hiện đại, bền vững.	Tiếp thu và hoàn thiện tại dự thảo.
	UBND Tp. Đà Nẵng	- Đề nghị bổ sung trường hợp sau vào thu nhập miễn thuế: Thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặng là động sản có đăng ký sở hữu hoặc quyền khác theo quy định của pháp luật giữa vợ với chồng; cha đẻ, mẹ đẻ với con đẻ; cha nuôi, mẹ nuôi với con nuôi; cha chồng, mẹ chồng với con dâu; cha vợ, mẹ vợ với con rể; ông nội, bà nội với cháu nội; ông ngoại, bà ngoại với cháu ngoại; anh, chị, em ruột với nhau. Lý do: Theo quy định tại Điều 105 Bộ luật Dân sự 2015 quy định tài sản bao gồm bất động sản và động sản. Tại khoản 2 Điều 106 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản là động sản không phải đăng ký, trừ trường hợp pháp luật về đăng ký tài sản có quy định khác. Theo quy định các luật hiện hành thì một số trường hợp động sản bắt buộc phải đăng ký gồm: Tàu biển (Điều 19 Luật Hàng Hải), phương tiện	Tại dự thảo đã có đề xuất giải pháp mở rộng phạm vi thu nhập từ thừa kế, quà tặng thuộc diện chịu thuế TNCN để thực hiện mở rộng cơ sở thuế, thực hiện điều tiết thu nhập một cách hợp lý. Nội dung này sẽ được Bộ Tài chính nghiên cứu, đề xuất khi Luật được đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội.

		nội thủy địa (Điều 25 Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004), tàu cá (khoản 1 Điều 71 Luật Thủy sản 2017), phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (khoản 3 Điều 53 Luật Giao thông đường bộ 2008), tàu bay (khoản 1 Điều 29 Luật hàng không dân dụng Việt Nam 2006), phương tiện giao thông đường sắt (khoản 1b Điều 31 Luật Đường sắt 2017). Bất động sản và động sản (gồm 6 tài sản nêu trên) đều là tài sản bắt buộc phải đăng ký quyền sở hữu, quản lý khác theo quy định của Bộ luật Dân sự 2015 và pháp luật khác có liên quan. Do vậy, sẽ không phù hợp theo Luật định và theo thực tế việc phân biệt khoản thu nhập được miễn thuế TNCN từ nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản giữa các mối quan hệ thân thuộc (như đã nêu trên) mà lại không ghi nhận thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặng là động sản giữa các mối quan hệ thân thuộc. - Đề nghị bổ sung thu nhập được miễn thuế TNCN từ chuyển nhượng cổ phần, vốn góp, quyền góp vốn vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp vì mạch bán dẫn trí tuệ, trí tuệ nhân tạo chưa thực hiện chào bán chứng khoán ra công chúng theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Chính phủ quy định riêng về điều kiện, thời gian và địa bàn được miễn đối với khoản thu nhập nêu trên. - Đề nghị bổ sung thu nhập được miễn thuế TNCN từ tiền lương, tiền công của chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng, cá nhân hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, hoạt động trong lĩnh vực thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo làm việc tại doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức khoa học và công nghệ, Trung tâm Hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và các tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp vì mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo. Chính phủ quy định riêng về thời gian và địa bàn được miễn đối với khoản thu nhập nêu trên. Lý do: Hiện nay, một số tỉnh, thành phố đang xây dựng, đầu tư phát triển vào một số ngành nghề ưu đãi, thành lập khu thương mại tự do... và đã được Quốc hội thông qua chính sách thuế đặc thù áp dụng cho từng địa phương cụ thể. Tuy nhiên, nội dung các khoản thu nhập được áp dụng giảm thuế TNCN theo cơ chế đặc thù cần phải được thể hiện trong Luật thuế TNCN và được quy định rõ tại Nghị quyết của Quốc hội.	Quốc hội đã ban hành Nghị quyết thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù áp dụng đối với một số tỉnh, thành phố. Việc thực hiện thí điểm cần có thời gian tổng kết, đánh giá; đồng thời cũng có sự khác biệt giữa việc huy động nguồn lực, đặc điểm của các địa phương. Do vậy, việc đưa các nội dung cơ chế, chính sách thí điểm vào Luật để thực hiện thống nhất trên toàn quốc là chưa phù hợp.
	UBND tỉnh Ninh Thuận	- Đề nghị quý Bộ xem xét, xóa bỏ thuế đối với thừa kế (Điều 18): điều khoản này không hợp lý và dễ gây khó khăn cho người dân, đặc biệt khi tài sản thừa kế không sinh ra thu nhập thường xuyên. - Tăng danh mục miễn thuế: nên miễn thuế cho lãi suất tiền gửi tiết	Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để bảo đảm

		kiệm, trái phiếu chính phủ, và các khoản đầu tư dài hạn để khuyến khích tiết kiệm và phát triển kinh tế.	nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững, trong đó có chỉ đạo mở rộng cơ sở thuế, hạn chế tối đa việc lồng ghép chính sách xã hội trong các sắc thuế và chính sách miễn, giảm, giãn thuế, đảm bảo tính trung lập của thuế và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 – 2030, Phương hướng nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 trong Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII Đảng Cộng sản Việt Nam đã đưa ra phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội về thuế, phí như sau: Sửa đổi, bổ sung các luật về thuế, phí theo nguyên tắc thị trường, phù hợp với thông lệ quốc tế, gắn với cơ cấu lại nguồn thu, mở rộng cơ sở thuế... Do vậy, việc sửa đổi, bổ sung đối tượng miễn, giảm thuế cần được nghiên cứu phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước trong việc phát triển các lĩnh vực ưu tiên, phù hợp với thực tiễn và xu hướng cải cách thuế TNCN trên thế giới.
	UBND Tp. Cần Thơ	Về điều kiện miễn thuế: đề nghị nghiên cứu thu hẹp để mở rộng cơ sở thuế, ví dụ: xem xét thu thuế TNCN đối với hộ gia đình có thu nhập cao từ hoạt động nông nghiệp. Lãi tiền gửi tiết kiệm chỉ nên miễn đối với quy mô tiết kiệm nhỏ.	Việc sửa đổi, bổ sung đối tượng miễn, giảm thuế cần được nghiên cứu phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước trong việc phát triển các lĩnh vực ưu tiên, phù hợp với thực tiễn và xu hướng cải cách thuế TNCN trên thế giới.
	UBND tỉnh Trà Vinh	Tại khoản 1 Điều 4 (Thu nhập được miễn thuế): “1. Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản giữa vợ với chồng; cha đẻ, mẹ đẻ với con đẻ; cha nuôi, mẹ nuôi với con nuôi; cha chồng, mẹ chồng với con dâu; cha vợ, mẹ vợ với con rể; ông nội, bà nội với cháu nội; ông ngoại, bà ngoại với cháu ngoại; anh chị em ruột với nhau” và khoản 4 Điều 4 Thu nhập được miễn thuế có quy định: “4. Thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản giữa vợ với chồng; cha đẻ, mẹ đẻ với con đẻ; cha nuôi, mẹ nuôi với	Ý kiến tham gia về kết cấu văn bản, nội dung chính sách không thay đổi.

		con nuôi; cha chồng, mẹ chồng với con dâu; cha vợ, mẹ vợ với con rể; ông nội, bà nội với cháu nội; ông ngoại, bà ngoại với cháu ngoại; anh chị em ruột với nhau” là những thu nhập được miễn thuế. Đề nghị gộp chung thành nội dung như sau: “Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản hoặc từ nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản giữa vợ với chồng; cha đẻ, mẹ đẻ với con đẻ; cha nuôi, mẹ nuôi với con nuôi; cha chồng, mẹ chồng với con dâu; cha vợ, mẹ vợ với con rể; ông nội, bà nội với cháu nội; ông ngoại, bà ngoại với cháu ngoại; anh chị em ruột với nhau”.	
	Cổng Thông tin điện tử Chính phủ (tổng hợp ý kiến của Công ty CP chứng khoán MB)	Bổ sung quy định về việc thu thuế TNCN đối với trường hợp người nộp thuế bị thu hồi cổ phiếu ESOP với giá bằng giá phát hành ban đầu do nghỉ việc khi chưa đủ thời gian cam kết với Tổ chức Phát hành. Bổ sung mục “17. Thu nhập từ việc tổ chức phát hành/tổ chức Công đoàn của tổ chức phát hành mua lại thu hồi cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động bằng mức giá phát hành”. Lý do: Đề xuất bổ sung trường hợp người lao động bị Tổ chức phát hành thu hồi/mua lại cổ phiếu ESOP vào trường hợp miễn thuế do tình huống này không phải trường hợp chuyển nhượng thông thường. Bản chất là do người lao động nghỉ việc trước thời gian cam kết nên bị thu hồi với mức giá bằng giá phát hành ban đầu và không phát sinh thu nhập/lợi ích.	Nội dung này sẽ được Bộ Tài chính nghiên cứu, đề xuất tại văn bản hướng dẫn Luật (Nghị định, Thông tư).
3. Về giảm thuế (Điều 5 dự thảo Luật)			
	Bộ Thông tin và Truyền thông	Đề nghị bổ sung đối tượng là “Nhân lực công nghệ số” vào Điều 5 dự thảo Luật: <i>“1. Nhân lực công nghệ số chất lượng cao là người Việt Nam, chuyên gia nước ngoài có trình độ và kỹ năng đáp ứng các tiêu chí của Luật Công nghiệp công nghệ số được áp dụng chính sách ưu đãi giảm thuế thu nhập cá nhân, trong các trường hợp sau:</i> - <i>Nhân lực công nghệ số chất lượng cao khi tham gia vào các hoạt động nghiên cứu và phát triển, thiết kế lắp ráp, chế tạo, thử nghiệm, kiểm thử các sản phẩm công nghệ số trọng điểm, trọng yếu;</i> - <i>Nhân lực công nghệ số chất lượng cao trong các dự án công nghiệp bán dẫn; dự án trí tuệ nhân tạo.</i> - <i>Tham gia hoạt động giảng dạy, đào tạo nhân lực công nghệ số tại các trường, viện, trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm trọng điểm về công nghệ số.</i> <i>2. Các chuyên gia tham gia các hoạt động công nghiệp công nghệ số trong khu công nghệ số được áp dụng chính sách ưu đãi giảm thuế thu</i>	Tại dự thảo Luật cũng đã có đề nghị liên quan đến việc giảm thuế TNCN về thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao cho phát triển kinh tế - xã hội. Về tiêu chí xác định cá nhân là nhân lực công nghệ cao để làm cơ sở cho việc thực hiện theo hướng giao Thủ tướng Chính phủ quy định cụ thể.

		<i>nhập cá nhân."</i> * Lý do đề xuất: Hiện nay, Chính phủ đang trình Quốc hội Dự án Luật Công nghiệp công nghệ số. Luật Công nghiệp công nghệ số đang được Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XV và dự kiến thông qua tại kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa XV (tháng 5/2025). Dự thảo Luật Công nghiệp công nghệ số đang đưa ra chính sách thu hút nhân lực công nghệ số chất lượng cao, nhân tài công nghệ số là người Việt Nam, chuyên gia nước ngoài có trình độ và kỹ năng đáp ứng tiêu chí nhất định. Chính sách ưu đãi về thuế thu nhập cá nhân sẽ giúp thu hút nhân lực công nghệ số chất lượng cao, nhân tài công nghệ số trong nước và nước ngoài về làm việc, cống hiến cho Việt Nam, qua đó, tạo động lực và không gian phát triển, đáp ứng yêu cầu phát triển ngành công nghiệp công nghệ số và sự phát triển của đất nước.	
	UBND tỉnh Lào Cai	Đề nghị bổ sung quy định giảm thuế TNCN từ tiền lương, tiền công của các thành viên trong gia đình là những người có quan hệ hôn nhân hoặc quan hệ huyết thống khi gặp khó khăn do thiên tai, hỏa hoạn ảnh hưởng đến khả năng nộp thuế. Lý do: Hiện nay Luật thuế TNCN quy định: Đối tượng nộp thuế gặp khó khăn do thiên tai, hỏa hoạn, ảnh hưởng đến khả năng nộp thuế thì được xét giảm thuế tương ứng với mức độ thiệt hại nhưng không vượt quá số thuế phải nộp. Thực tế vừa qua cơn bão số 3 Yagi đã làm cho nhiều hộ gia đình bị thiệt hại do thiên tai, mức độ thiệt hại rất lớn vượt quá số thuế phải nộp của các thành viên trong gia đình cộng lại. Do vậy, cần sửa đổi, bổ sung quy định xét giảm thuế TNCN từ tiền lương, tiền công của các thành viên trong gia đình khi gặp khó khăn do thiên tai, hỏa hoạn.	Luật thuế TNCN quy định đối tượng nộp thuế là cá nhân. Luật thuế TNCN (Điều 5) cũng đã có quy định: Đối tượng nộp thuế gặp khó khăn do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn, bệnh hiểm nghèo ảnh hưởng đến khả năng nộp thuế thì được xét giảm thuế tương ứng với mức độ thiệt hại nhưng không vượt quá số thuế phải nộp. Do vậy, đề nghị thực hiện theo quy định hiện hành.
	UBND tỉnh Nghệ An	Đề nghị bổ sung Điều 6 thành: <i>"Điều 6: Quy đối thu nhập chịu thuế ra Đồng Việt Nam.</i> <i>2. Thu nhập chịu thuế nhận được không bằng tiền phải được quy đổi ra Đồng Việt Nam hoặc bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi và tỷ giá giao dịch thực tế theo giá trị thị trường của sản phẩm, dịch vụ đó hoặc sản phẩm, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh thu nhập."</i> Lý do: Để thống nhất thực hiện theo Điều 7 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/06/2019 quy định <i>"Đồng tiền khai thuế, nộp thuế là Đồng Việt Nam, trừ các trường hợp được phép khai thuế, nộp thuế bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi"</i>.	Đề xuất bỏ Điều này tại dự thảo Luật, thống nhất thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý thuế.

4. Về kỳ tính thuế (Điều 7 dự thảo Luật)			
	UBND tỉnh Khánh Hòa	Kiến nghị sửa đổi "Kỳ tính thuế theo từng lần chuyển nhượng hoặc năm đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán" thành "Kỳ tính thuế theo từng lần chuyển nhượng" để phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 13 "Đối với hoạt động chuyển nhượng chứng khoán, thu nhập chịu thuế được xác định là giá chuyển nhượng từng lần".	Tại dự thảo Luật đã đưa ra nội dung sửa đổi, bổ sung về vấn đề này.
5. Thu nhập từ trúng thưởng (Điều 15 dự thảo Luật)			
	UBND tỉnh Trà Vinh	Tại khoản 1 Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18 quy định thu nhập chịu thuế từ trúng thưởng, thu nhập từ bản quyền, thu nhập từ nhượng quyền thương mại, thu nhập từ thừa kế, quà tặng: Đề nghị điều chỉnh số tiền "...10 triệu đồng" thành "... 20 triệu đồng".	Ý kiến tham gia chưa nêu rõ cơ sở đề xuất. Thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững (nêu trên), đề xuất không nâng mức quy định về thu nhập chịu thuế từ trúng thưởng, thu nhập từ bản quyền, thu nhập từ nhượng quyền thương mại, thu nhập từ thừa kế, quà tặng.
6. Giảm trừ gia cảnh (Điều 19 dự thảo Luật)			
	- Bộ Giao thông vận tải, - Bộ Y tế, - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, - UBND tỉnh Thái Nguyên, - UBND tỉnh Khánh Hòa, - UBND tỉnh Phú Yên, - UBND tỉnh Trà Vinh, - Công thông tin điện tử Chính phủ (tổng	Mức giảm trừ gia cảnh quy định tại Điều 19 dự thảo (11 triệu đồng/tháng với người nộp thuế, 4,4 triệu đồng/tháng đối với mỗi người phụ thuộc) đã được áp dụng từ ngày 1/7/2010 và áp dụng từ kỳ tính thuế năm 2020. Vì vậy, để phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội và mức sống của người dân hiện nay, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu đề thay đổi mức giảm trừ gia cảnh theo hướng: tăng mức giảm trừ gia cảnh đối với người nộp thuế và tăng mức giảm trừ đối với mỗi người phụ thuộc.	Tại dự thảo Luật đã đặt ra vấn đề này. Đây mới là khâu xây dựng Đề cương nên chỉ tập trung làm rõ các vấn đề vướng mắc, bất cập cần sửa đổi, bổ sung. Nội dung này sẽ được Bộ Tài chính nghiên cứu, đề xuất khi Luật được đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội.

	hợp từ ý kiến của các bạn đọc Phạm Khắc Hữu, Trần Thị Thanh Thảo và Phạm Thị Loan)		
	Cổng thông tin điện tử Chính phủ (tổng hợp từ ý kiến của bạn đọc Đặng Việt Hưng)	Hiện tại, quy định về mức giảm trừ gia cảnh đã lỗi thời, đồng thời điều kiện điều chỉnh (CPI thay đổi 20%) là không phù hợp với diễn biến mặt bằng giá cả tiêu dùng, nhất là tại các thành phố lớn. Đề xuất Bộ Tài chính nghiên cứu phương thức cho phép: - Bổ sung thêm các khoản giảm trừ khác (trên cơ sở xét duyệt hồ sơ do người nộp thuế cung cấp), bên cạnh mức giảm trừ gia cảnh chung áp dụng cho tất cả người nộp thuế. Ví dụ: hóa đơn viện phí, tiền mua thuốc, hóa đơn thanh toán học phí, hóa đơn sửa chữa, thay thế tài sản có giá trị lớn như nhà cửa, phương tiện giao thông, công cụ sản xuất. - Chia nhỏ các mức giảm trừ gia cảnh theo vùng (tương tự như 4 vùng áp dụng với lương tối thiểu vùng). Hiện tại, chi phí sinh hoạt tại mỗi vùng/dịa phương có sự chênh lệch rất lớn, trong đó một số yếu tố quan trọng như giá bất động sản (thuê/mua), thực phẩm, hàng hóa tiêu dùng, dịch vụ... Việc chia nhỏ các mức giảm trừ gia cảnh theo vùng sẽ đảm bảo được tính công bằng trong chính sách thuế cũng như đảm bảo đời sống cho nhân dân lao động. - Đề xuất giao Chính phủ công bố và điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh hàng năm hoặc 2 năm một lần, thay vì căn cứ vào mức biến động CPI. Điều này sẽ đảm bảo chính sách thuế linh hoạt, thay đổi phù hợp với biến động của đời sống xã hội.	Tại dự thảo Luật đã đặt ra vấn đề này. Nội dung sửa đổi chi tiết và đánh giá cụ thể sẽ được Bộ Tài chính nghiên cứu, đề xuất khi Luật được đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội.
	Bộ Thông tin và Truyền thông	- Đề nghị nâng mức giảm trừ gia cảnh so với hiện nay để phù hợp với việc tăng chỉ số giá tiêu dùng; tốc độ tăng trưởng kinh tế và mức tăng lương cơ sở từ ngày 01/7/2024 theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ. - Đề nghị xây dựng mức giảm trừ gia cảnh theo vùng để phù hợp với chính sách tiền lương của Chính phủ hiện nay đang quy định mức lương tối thiểu vùng (4 vùng). Lý do đề xuất: Để phù hợp với quy định mức lương tối thiểu theo vùng tại Nghị định số 74/2024/NĐ-CP của Chính phủ, có hiệu lực từ ngày 01/7/2024	Tại dự thảo Luật đã đặt ra vấn đề này. Tuy nhiên, đây mới là khâu xây dựng Đề cương nên chỉ tập trung làm rõ các vấn đề vướng mắc, bất cập cần sửa đổi, bổ sung. Nội dung sửa đổi chi tiết và đánh giá cụ thể sẽ được Bộ Tài chính nghiên cứu, đề xuất khi Luật được đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội.
	Bộ Quốc phòng	Đề nghị nâng mức giảm trừ gia cảnh đối với đối tượng nộp thuế từ	Đây mới là khâu xây dựng Đề cương nên chỉ tập trung làm rõ các vấn đề vướng

		11 triệu đồng/tháng lên 17,3 triệu đồng/tháng; nâng mức giảm trừ đối với mỗi người phụ thuộc từ 4,4 triệu đồng/tháng lên 6,9 triệu đồng/tháng. Lý do: Mức lương cơ sở tại thời điểm ban hành là 1,49 triệu đồng/tháng, đến nay (tháng 12/2024) mức lương cơ sở là 2,34 triệu đồng/tháng, tăng 57,05%.	mắc, bất cập cần sửa đổi, bổ sung. Nội dung sửa đổi chi tiết và đánh giá cụ thể sẽ được Bộ Tài chính nghiên cứu, đề xuất khi Luật được đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội.
	UBND tỉnh Quảng Nam	Đề nghị chỉnh sửa cụm từ "Mức giảm trừ đối với đối tượng nộp thuế..." thành "Mức giảm trừ đối với người nộp thuế..." Lý do đề xuất thay thế cụm từ nhằm thống nhất đồng bộ với định hướng tại Điều 1 Đề cương dự thảo Luật thuế thu nhập cá nhân (thay thế) và Luật Quản lý thuế. Bên cạnh đó, mức giảm trừ gia cảnh cụ thể cần được nghiên cứu, đảm bảo phù hợp với sự biến động giá cả, cũng như gia tăng mức sống trong giai đoạn vừa qua và đảm bảo thời gian tới, thể hiện sự công bằng xã hội và điều tiết thu nhập.	Tại dự thảo Luật đã đề xuất thay thế cụm từ "đối tượng nộp thuế" thành "người nộp thuế" tại toàn bộ đề cương dự thảo Luật để thống nhất với Luật Quản lý thuế. Đây mới là khâu xây dựng Đề cương nên chỉ tập trung làm rõ các vấn đề vướng mắc, bất cập cần sửa đổi, bổ sung. Nội dung sửa đổi chi tiết và đánh giá cụ thể về mức giảm trừ gia cảnh sẽ được Bộ Tài chính nghiên cứu, đề xuất khi Luật được đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội.
	UBND tỉnh Ninh Thuận, UBND tỉnh Sơn La	Đề xuất tăng mức giảm trừ gia cảnh, cụ thể: - Đối với người nộp thuế: từ 11 triệu đồng/tháng tăng lên 16 triệu đồng/tháng (tỉnh Ninh Thuận đề xuất), tăng lên 14 triệu đồng/tháng (tỉnh Sơn La đề xuất). - Đối với người phụ thuộc: từ 4,4 triệu đồng/tháng tăng lên 6 triệu đồng/tháng (tỉnh Ninh Thuận đề xuất), tăng lên 5 triệu đồng/tháng (tỉnh Sơn La đề xuất). Lý do: Bổ sung các khoản giảm trừ hỗ trợ chi phí giáo dục, y tế, nhà ở, bảo hiểm xã hội tự nguyện và các khoản đầu tư cho sự phát triển con người; Nên có chính sách khuyến khích đầu tư vào giáo dục bằng cách giảm trừ thuế nhiều hơn cho chi phí học tập và các khóa đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ, nâng chuẩn. Đồng thời quy định bổ sung các khoản giảm trừ để hỗ trợ cho các trường hợp đặc biệt: người lao động là cha/mẹ đơn thân, hoặc có người thân mắc bệnh hiểm nghèo nên được áp dụng mức giảm trừ cao hơn. Để đảm bảo về tính ổn định trong việc tính thuế và dự báo về thực hiện thu ngân sách nhà nước, đề nghị Luật quy định tăng mức giảm trừ cụ thể đối với đối tượng nộp thuế và đối với mỗi người phụ thuộc, không nên xác định theo chỉ số giá tiêu dùng (CPI) biến động trên 20%, rất bất cập trong	Tại dự thảo Luật đã đặt ra vấn đề này. Đây mới là khâu xây dựng Đề cương nên chỉ tập trung làm rõ các vấn đề vướng mắc, bất cập cần sửa đổi, bổ sung. Nội dung sửa đổi chi tiết và đánh giá cụ thể sẽ được Bộ Tài chính nghiên cứu, đề xuất khi Luật được đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội.

		quản lý theo dõi.	
	UBND tỉnh Hà Tĩnh	Đề nghị sửa thành: "...a) Mức giảm trừ đối với người nộp thuế là 18 triệu đồng/tháng (216 triệu đồng/năm); b) Mức giảm trừ đối với mỗi người phụ thuộc là 8 triệu đồng/tháng." Lý do đề nghị: - Thay thế cụm từ nhằm thống nhất đồng bộ với định hướng tại Điều 1 Đề cương dự thảo Luật thuế thu nhập cá nhân (thay thế) và Luật Quản lý thuế. - Khoản 4 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân năm 2012, mức giảm trừ đối với đối tượng nộp thuế là 9 triệu đồng/tháng (108 triệu đồng/năm), mức giảm trừ đối với mỗi người phụ thuộc là 3,6 triệu đồng/tháng và được áp dụng từ ngày 01/7/2013. Tại thời điểm đó, mức lương cơ sở là 1.150.000 đồng. Đến nay, mức lương cơ sở đã tăng 2,03 lần (từ 1.150.000 đồng lên 2.340.000 đồng), do đó đề nghị điều chỉnh tăng mức giảm trừ phù hợp với tỷ lệ tăng của mức lương cơ sở	Đây mới là khâu xây dựng Đề cương nên chỉ tập trung làm rõ các vấn đề vướng mắc, bất cập cần sửa đổi, bổ sung. Nội dung sửa đổi chi tiết và đánh giá cụ thể sẽ được Bộ Tài chính nghiên cứu, đề xuất khi Luật được đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội.
	UBND tỉnh Bắc Giang	Quy định về mức giảm trừ gia cảnh hiện hành tiếp cận theo hướng cao bằng, không phân biệt vùng miền. Tuy nhiên, điều này chưa phù hợp bởi lẽ: (i) pháp luật hiện hành có quy định các mức lương tối thiểu tháng theo 4 vùng, trong khi đó mức giảm trừ gia cảnh lại không xem xét đến mức thu nhập ở các vùng miền là khác nhau; (ii) giá cả hàng hóa ngày càng tăng, kéo theo chi phí sinh hoạt hàng ngày cũng tăng, do đó mức giảm trừ 11 triệu đồng/tháng đối với đối tượng nộp thuế và 4,4 triệu đồng/tháng đối với người phụ thuộc hiện không còn phù hợp trong bối cảnh nền kinh tế thị trường hiện nay. Vậy nên đề nghị nghiên cứu, xem xét một cách toàn diện, tổng thể quy định về giảm trừ gia cảnh và mức giảm trừ cho phù hợp với điều kiện sinh hoạt thực tiễn theo từng vùng, miền trong cả nước. Đồng thời đề nghị Bộ Tài chính sớm trình cấp có thẩm quyền sửa Luật thuế thu nhập cá nhân (thay thế) bởi vì một số quy định trong Luật thuế thu nhập cá nhân hiện hành đang không còn phù hợp với nền kinh tế phát triển như hiện nay và Luật đất đai năm 2024 đã có hiệu lực từ ngày 01/8/2024.	Đây mới là khâu xây dựng Đề cương nên chỉ tập trung làm rõ các vấn đề vướng mắc, bất cập cần sửa đổi, bổ sung. Nội dung sửa đổi chi tiết và đánh giá cụ thể sẽ được Bộ Tài chính nghiên cứu, đề xuất khi Luật được đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội.
	UBND Tp. Huế	Tại điểm b khoản 3 Điều 19 Dự thảo: "<i>Điều 19. Giảm trừ gia cảnh ... 3. Người phụ thuộc là người mà đối tượng nộp thuế có trách nhiệm nuôi dưỡng, bao gồm: b) ... những người khác không nơi nương tựa mà người nộp thuế phải trực tiếp nuôi dưỡng. Định hướng sửa đổi, bổ sung: Nghiên cứu điều chỉnh quy định về mức giảm trừ gia cảnh cho người nộp thuế và người phụ thuộc cho phù hợp với sự thay đổi của các chỉ số kinh tế vĩ mô,</i>	Việc quy định thêm cụm từ "có nghĩa vụ nuôi dưỡng" sẽ bó hẹp đối tượng người phụ thuộc hơn so với hiện hành vì chỉ xác định nghĩa vụ nuôi dưỡng theo quan hệ gia đình.

		mức sống dân cư trong giai đoạn mới và xu thế phát triển". Đề nghị sửa đổi thành: "b)... những người khác không nơi nương tựa mà người nộp thuế có nghĩa vụ nuôi dưỡng phải trực tiếp nuôi dưỡng". Lý do: Đề phù hợp với quy định về Quyền, nghĩa vụ giữa các thành viên khác của gia đình được quy định tại Chương VI Luật hôn nhân và gia đình số 52/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 19/6/2014. Đồng thời để nội dung quy định pháp luật được chặt chẽ, phù hợp với thực tiễn phát sinh, giúp công chức và người nộp thuế hiểu thông nhất khi triển khai áp dụng.																									
	UBND Tp. Cần Thơ	Đề nghị bổ sung quy định để tránh bị lợi dụng chính sách giảm trừ gia cảnh đối với những người khác mà người nộp thuế trực tiếp nuôi dưỡng.	Nội dung này sẽ được nghiên cứu quy định tại văn bản hướng dẫn Luật (Nghị định, Thông tư).																								
7. Biểu thuế lũy tiến từng phần (Điều 22 dự thảo Luật)																											
	Cục thuế tỉnh Thái Nguyên	- Theo khoản 2 Điều 22, hiện đang có 07 bậc thuế. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo: (1) chia nhỏ số bậc thuế thành nhiều bậc hơn nữa thay vì đề 07 bậc như hiện nay, (2) nghiên cứu đối với nhóm đối tượng thuộc bậc 1,2,3, nên điều tiết mức thuế suất thấp hơn để giảm gánh nặng cho người nộp thuế. Vì thực tế, đối với bậc 1,2,3, thu nhập của Người nộp thuế ở các thành phố lớn cũng chỉ ở mức đủ để trang trải cuộc sống. - Về bậc thuế, thu nhập tính thuế và thuế suất theo đề xuất trên, có thể minh họa như sau: <table border="1"> <thead> <tr> <th>Biểu thuế</th><th>Phân thu nhập tính thuế năm (triệu đồng)</th><th>Phân thu nhập tính thuế tháng (triệu đồng)</th><th>Thuế suất (%)</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Bậc 1</td><td>60</td><td></td><td>2,5%</td></tr> <tr> <td>Bậc 2</td><td>60 đến 120</td><td>đến 10</td><td>5%</td></tr> <tr> <td>Bậc 3</td><td>120 đến 216</td><td>0 đến 18</td><td>10%</td></tr> <tr> <td>...</td><td></td><td></td><td></td></tr> <tr> <td>Bậc n</td><td>...</td><td></td><td>...</td></tr> </tbody> </table>	Biểu thuế	Phân thu nhập tính thuế năm (triệu đồng)	Phân thu nhập tính thuế tháng (triệu đồng)	Thuế suất (%)	Bậc 1	60		2,5%	Bậc 2	60 đến 120	đến 10	5%	Bậc 3	120 đến 216	0 đến 18	10%	...				Bậc n	...		...	Dự thảo Luật đề xuất nghiên cứu, điều chỉnh Biểu thuế lũy tiến từng phần đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân cư trú theo hướng cắt giảm số bậc thuế của Biểu thuế hiện nay từ 7 bậc xuống mức phù hợp; cùng với đó, xem xét nới rộng khoảng cách thu nhập trong các bậc thuế để đáp ứng yêu cầu phát triển KT-XH, tính đơn giản của Biểu thuế và xu hướng cải cách thuế của các nước. Tuy nhiên, đây mới là khâu xây dựng Đề cương nên chỉ tập trung làm rõ các vấn đề vướng mắc, bất cập cần sửa đổi, bổ sung. Nội dung sửa đổi chi tiết và đánh giá cụ thể sẽ được Bộ Tài chính nghiên cứu, đề xuất khi Luật được đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội.
Biểu thuế	Phân thu nhập tính thuế năm (triệu đồng)	Phân thu nhập tính thuế tháng (triệu đồng)	Thuế suất (%)																								
Bậc 1	60		2,5%																								
Bậc 2	60 đến 120	đến 10	5%																								
Bậc 3	120 đến 216	0 đến 18	10%																								
...																											
Bậc n	...		...																								
	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Đối với Điều 23 "biểu thuế thu nhập toàn phần" đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét đối với mức thuế suất từ thuế thu nhập thừa kế, quà tặng (10%), với thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản 2%. Trong trường hợp tài sản được thừa kế là bất động sản thì thu nhập chịu thuế từ thừa kế bất động sản chưa có căn cứ xác định, thêm vào đó người được hưởng tài sản	Luật thuế TNCN số 04/2007/QH12 có hiệu lực thi hành từ 01/01/2009 quy định 2 phương pháp thu thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng BĐS là thuế suất 25% trên thu nhập (giá bán trừ giá vốn và các																								

		thừa kế phải nộp mức thuế cao hơn người chuyển nhượng. Nếu giá trị tài sản là bất động sản càng cao thì thuế TNCN càng lớn và có thể gây sức ép với người nhận thừa kế. Do đó đề nghị xem xét mức thuế này trong biểu thuế để đảm bảo công bằng cho các đối tượng nộp thuế.	chi phí liên quan), nếu không xác định được giá vốn, các chi phí liên quan và có chứng từ chứng minh thì nộp thuế 2% trên giá bán. Đề đơn giản, minh bạch trong hoạt động thu thuế TNCN đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản, từ 01/01/2015 theo Luật số 71/2014/QH13 quy định thu thuế theo tỷ lệ 2% trên giá chuyển nhượng bất động sản. Hoạt động thừa kế và chuyển nhượng là khác nhau. Đối với hoạt động chuyển nhượng, cá nhân có chi phí giá vốn. Do vậy, việc đồng nhất thuế suất giữa hoạt động chuyển nhượng và nhận thừa kế là không phù hợp.
	Bộ Tư pháp	Việc đề xuất nội dung chính sách nhưng giải pháp thực hiện chung chung không rõ ràng, cụ thể và chưa có đánh giá nghiên cứu nên cắt giảm bao nhiêu bậc thuế là phù hợp nên việc đề xuất nội dung chính sách nêu trên chưa đảm bảo tính dự báo. Đồng thời, cơ quan lập đề nghị xây dựng Luật đề xuất có thể nghiên cứu để thực hiện thu thuế đối với thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản theo thời gian nắm giữ như kinh nghiệm của một số nước. Mức thuế suất cụ thể cần được nghiên cứu, xác định phù hợp, phản ánh được thực trạng hoạt động của thị trường bất động sản. Tuy nhiên, việc áp dụng chính sách thuế TNCN đối với chuyển nhượng bất động sản theo thời gian nắm giữ cũng cần đồng bộ với quá trình hoàn thiện các chính sách có liên quan đến đất đai, nhà ở cũng như sự đồng bộ, mức sẵn sàng của hạ tầng công nghệ thông tin về đăng ký đất đai, bất động sản nên việc đề xuất giải pháp này là không khả thi do chưa có sự đồng bộ trong quản lý nhà nước giữa thuế và đất đai. Đề nghị cơ quan chủ trì lập đề nghị tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện nội dung chính sách.	Đây mới là khâu xây dựng Đề cương nên chỉ tập trung làm rõ các vấn đề vướng mắc, bất cập cần sửa đổi, bổ sung. Nội dung sửa đổi chi tiết và đánh giá cụ thể sẽ được Bộ Tài chính nghiên cứu, đề xuất khi Luật được đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội, bao gồm cả việc đánh giá đầy đủ tác động của phương án đề xuất.
	Cổng thông tin điện tử Chính phủ (tổng hợp từ ý kiến của bạn đọc Phạm Thị Loan)	Đề nghị giảm số bậc lũy tiến và tăng khoảng cách giữa các bậc.	Dự thảo Luật đã đề xuất nghiên cứu, điều chỉnh Biểu thuế lũy tiến từng phần đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân cư trú theo hướng cắt giảm số bậc thuế của Biểu thuế hiện nay từ 7 bậc xuống mức phù hợp; cùng với đó, xem

			xét nới rộng khoảng cách thu nhập trong các bậc thuế để đáp ứng yêu cầu phát triển KT-XH, tính đơn giản của Biểu thuế và xu hướng cải cách thuế của các nước.
	UBND tỉnh Ninh Thuận	Mức khởi điểm chịu thuế: nên điều chỉnh để phù hợp với mức sống hiện nay và tỷ lệ lạm phát. Mức khởi điểm hiện không còn phù hợp, không phản ánh đúng thực trạng hiện nay. Biểu thuế lũy tiến: cần thiết kể với nước tăng dần hợp lý, tránh gánh nặng cho người thu nhập trung bình khá, đồng thời đảm bảo người thu nhập cao đóng góp công bằng. Biểu thuế cần bổ sung khoảng trung gian nhiều hơn, giảm mức chênh lệch giữa các bậc thuế để tạo sự hợp lý, tránh hiện tượng “nhảy bậc” gây bất công.	Dự thảo Luật đã đặt ra các vấn đề này.
	UBND tỉnh Sơn La	Tại Khoản 1 Điều 33 Luật dự thảo Luật Thuế thu nhập cá nhân, đề nghị Luật quy định ngưỡng thu nhập chịu thuế là bao nhiêu thì Tổ chức, cá nhân trả thu nhập có trách nhiệm khấu trừ và nộp thuế vào ngân sách nhà nước theo từng lần phát sinh.	Nội dung này hiện đang quy định tại Nghị định (tại Điều 24 Luật thuế TNCN quy định Chính phủ quy định mức khấu trừ thuế).
8. Các ý kiến tham gia khác			
	Bộ Công an	Về dự thảo Tờ trình và dự thảo Báo cáo đánh giá tác động: - Các chính sách được nêu ra trong các dự thảo trên còn sơ sài, chưa phù hợp với quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25/5/2024). Đề nghị rà soát, bổ sung, chỉnh lý nội dung các chính sách bảo đảm phù hợp với quy định tại Điều 5 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP; theo đó, mỗi chính sách phải đảm bảo các nội dung sau: ⁽¹⁾ Xác định vấn đề cần giải quyết và nguyên nhân của từng vấn đề; ⁽²⁾ Xác định mục tiêu tổng thể, mục tiêu cụ thể cần đạt được khi giải quyết các vấn đề; ⁽³⁾ Xác định định hướng, giải pháp để giải quyết từng vấn đề; ⁽⁴⁾ Xác định đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách, nhóm đối tượng chịu trách nhiệm thực hiện chính sách; ⁽⁵⁾ Xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề. - Nội dung về đánh giá tác động của các chính sách còn chưa đầy đủ; các chính sách chỉ nêu đề xuất giải quyết vấn đề và đánh giá tác động đối với những đề xuất trên chưa phù hợp. Do đó, đề nghị xác định cụ thể mỗi chính sách có bao nhiêu giải pháp, mỗi giải pháp bao gồm những nội dung	Tiếp thu và hoàn thiện tại các dự thảo theo đúng quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25/5/2024) Tuy nhiên, đây mới là khâu xây dựng Đề cương nên chỉ tập trung làm rõ các vấn đề vướng mắc, bất cập cần sửa đổi, bổ sung. Nội dung sửa đổi chi tiết và đánh giá cụ thể sẽ được Bộ Tài chính nghiên cứu, đề xuất khi Luật được đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội.

		chính nào, trong đó bắt buộc phải có giải pháp giữ nguyên hiện trạng theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục V kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP. Đồng thời, đề nghị chỉnh lý các giải pháp giải quyết vấn đề chính sách để bảo đảm phù hợp với quy định tại Điều 6 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, trong đó, cần đánh giá tác động tích cực (lợi ích), tiêu cực (chi phí) của từng giải pháp chính sách đối với Nhà nước, người dân, doanh nghiệp, việc đánh giá tác động về kinh tế cần có số liệu chứng minh cụ thể các đánh giá, nhận định. Theo đó, kiến nghị lựa chọn giải pháp trên cơ sở phân tích, so sánh tác động tích cực, tiêu cực của từng giải pháp.	
	Bộ Nội vụ	- Đề nghị đánh giá toàn diện nội dung những hạn chế, bất cập tại Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Luật thuế thu nhập cá nhân, qua đó có đầy đủ cơ sở để sửa đổi, bổ sung theo đúng quan điểm chỉ đạo xây dựng Luật : “Kế thừa và phát huy những quy định đã mang lại tác động tích cực đến kinh tế-xã hội của Luật thuế TNCN hiện hành; đồng thời, sửa đổi, bổ sung những quy định đang là vướng mắc, không còn phù hợp để kịp thời giải quyết những vấn đề bất cập phát sinh trong thực tế, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của cá nhân, người lao động cũng như yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội của đất nước”. - Đề nghị rà soát, cấu trúc lại nội dung các chính sách bảo đảm mạch lạc theo nhóm vấn đề của Đề cương dự thảo Luật (các nội dung chính sách đã được quy định tại Luật hiện hành nhưng có sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với yêu cầu của thực tiễn và xu thế phát triển; các chính sách được bổ sung mới so với quy định của Luật hiện hành). - Đề nghị đánh giá đầy đủ tác động về kinh tế-xã hội đối với các chính sách, đặc biệt chính sách “Hoàn thiện quy định về giảm trừ gia cảnh, giảm trừ đối với các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo và các khoản giảm trừ đặc thù khác”, theo đó cần tính đến các yếu tố văn hóa, phong tục tập quán nhằm bảo đảm mục tiêu: góp phần giảm bớt gánh nặng thuế cho người nộp thuế. - Đề nghị báo cáo rõ về nguồn lực, điều kiện bảo đảm thi hành Luật sau khi được thông qua để không làm tăng thêm đầu mỗi tổ chức và biên chế (người hưởng lương từ ngân sách nhà nước) theo đúng chỉ đạo tại Nghị quyết số 18- NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.	Tiếp thu và hoàn thiện tại các dự thảo theo đúng quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25/5/2024). Tuy nhiên, đây mới là khâu xây dựng Đề cương nên chỉ tập trung làm rõ các vấn đề vướng mắc, bất cập cần sửa đổi, bổ sung. Nội dung sửa đổi chi tiết và đánh giá cụ thể sẽ được Bộ Tài chính nghiên cứu, đề xuất khi Luật được đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội.
	Bộ Tư pháp	Bộ Tư pháp cho rằng, việc thay thế cụm từ “Đối tượng nộp thuế”	Tại Chính sách 1 dự thảo có 2 nội dung:

	thành “Người nộp thuế” tại toàn bộ đề cương dự thảo Luật để thống nhất với Luật Quản lý thuế không phải là nội dung chính sách mà chỉ là nội dung sửa đổi, bổ sung cho phù hợp và đồng bộ với hệ thống pháp luật; việc bổ sung phạm vi xác định thu nhập chịu thuế của người nộp thuế cần làm rõ nội hàm của chính sách này là gì? Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì lập đề nghị nghiên cứu, chỉnh lý tên gọi và nội dung của chính sách một cách chính xác. Tại trang 25 dự thảo Tờ trình Chính phủ nêu: “<i>Nhằm phát huy tốt vai trò, ý nghĩa của chính sách thuế thu nhập cá nhân trong việc điều tiết thu nhập nhưng có tính đến điều kiện, hoàn cảnh của người nộp thuế, cần thiết rà soát, nghiên cứu bổ sung các khoản giảm trừ đặc thù khác trước khi tính thuế cho cá nhân người nộp thuế</i>”. Tuy nhiên, nội dung của chính sách chưa dự liệu nội dung bổ sung các khoản giảm trừ đặc thù khác sẽ như thế nào? không đảm bảo tính khả thi trong quá trình thể chế hóa chính sách. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì lập đề nghị nghiên cứu dự liệu nội dung chính sách khi đề xuất xây dựng Luật. Nội dung bỏ quy định về áp dụng điều ước quốc tế để thống nhất thực hiện theo quy định của Luật Điều ước quốc tế; bỏ các nội dung liên quan về quản lý thuế để thống nhất thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế không phải là nội dung chính sách trong đề nghị xây dựng Luật. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì lập đề nghị nghiên cứu, xác định nội dung chính sách cho phù hợp, chính xác. Ngoài ra, đề nghị hoàn thiện Tờ trình Chính phủ, Báo cáo đánh giá tác động theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn.	(i) Thay thế cụm từ “đối tượng nộp thuế” thành “người nộp thuế” trong toàn bộ đề cương dự thảo Luật để thống nhất với Luật Quản lý thuế; (ii) Bổ sung, hoàn thiện quy định về điều kiện xác định cá nhân cư trú, cá nhân không cư trú, đồng thời, có quy định giao Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành để phù hợp với thực tiễn phát sinh. Đây mới là khâu xây dựng Đề cương nên chỉ tập trung làm rõ các vấn đề vướng mắc, bất cập cần sửa đổi, bổ sung. Nội dung sửa đổi chi tiết và đánh giá cụ thể sẽ được Bộ Tài chính nghiên cứu, đề xuất khi Luật được đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội. Trong đó, dự kiến các khoản giảm trừ đặc thù liên quan đến một số lĩnh vực giáo dục, y tế... để hỗ trợ cho người nộp thuế. Tại Chính sách 7 có nhiều giải pháp. Để đảm bảo tính hệ thống các nội dung rà soát, đề nghị sửa đổi, bổ sung, đề nghị cho giữ như dự thảo. Tiếp thu và hoàn thiện tại các dự thảo.
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	- Ngày 25/5/2024, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 59/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP	Tiếp thu và hoàn thiện tại các dự thảo theo đúng quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật ban

		ngày 31/12/2020 của Chính phủ. Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, chỉnh sửa Tờ trình theo đúng Mẫu số 02 Phụ lục III của Nghị định số 59/2024/NĐ-CP. - Về sự cần thiết ban hành văn bản tại mục I của dự thảo Tờ trình, đề nghị phân định rõ (i) cơ sở chính trị, pháp lý; (ii) cơ sở thực tiễn và bổ sung nội dung để làm rõ sự cần thiết ban hành Luật Thuế thu nhập cá nhân (thay thế). Đối với cơ sở chính trị, pháp lý, đề nghị bổ sung tóm tắt những nội dung đã được điều chỉnh bởi các Luật khác như Luật Đất đai năm 2024 và các Luật có liên quan về thuế để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật. Đối với cơ sở thực tiễn, mới đưa ra được lý do mở rộng cơ sở thu thuế, đề nghị bổ sung nội dung đánh giá mối tương quan giữa mức thu nhập chịu thuế so với mức tăng chi tiêu dùng, đặc biệt là thu nhập từ tiền lương, tiền công ảnh hưởng trực tiếp đến người nộp thuế, đảm bảo an sinh xã hội.	hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25/5/2024). Tuy nhiên, đây mới là khâu xây dựng Đề cương nên chỉ tập trung làm rõ các vấn đề vướng mắc, bất cập cần sửa đổi, bổ sung. Nội dung sửa đổi chi tiết và đánh giá cụ thể sẽ được Bộ Tài chính nghiên cứu, đề xuất khi Luật được đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội.
	UBND tỉnh Điện Biên	- Đề nghị sửa tên gọi của Luật thành "Luật Thuế thu nhập cá nhân". - Phân căn cứ pháp lý, đề nghị sửa cụm từ "Quốc hội ban hành Luật thuế thu nhập cá nhân sửa đổi" phù hợp với tên gọi Luật. - Đề nghị bổ sung thêm 01 điều quy định về đối tượng áp dụng tại Chương I để thống nhất với khoản 2 mục IV dự thảo Tờ trình. - Điều 35 hướng dẫn thi hành, đề nghị xem xét bỏ điều này vì các nội dung giao đã được quy định cụ thể tại các điều, khoản trong dự thảo Luật nên không nhắc lại nội dung này. - Đề nghị rà soát, xem xét bổ sung quy định điều, khoản chuyển tiếp (nếu có) để thuận lợi cho việc triển khai thực hiện sau khi Luật có hiệu lực thi hành vào thời điểm chuyển giao giữa hai niên độ tài chính năm. - Tại Báo cáo Đánh giá tác động, đề nghị xem xét, lựa chọn giải pháp tối ưu trên cơ sở phân tích, so sánh tác động tiêu cực của các giải pháp theo quy định tại mục II Mẫu số 01 Phụ lục III ban hành kèm Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25/5/2024 của Chính phủ.	Tiếp thu và hoàn thiện tại các dự thảo. Tuy nhiên, đây mới là khâu xây dựng Đề cương nên chỉ tập trung làm rõ các vấn đề vướng mắc, bất cập cần sửa đổi, bổ sung. Nội dung sửa đổi chi tiết và đánh giá cụ thể sẽ được Bộ Tài chính nghiên cứu, đề xuất khi Luật được đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội.

Đề cương Dự
thảo Luật thuế
thu nhập cá nhân
(thay thế) kèm Tờ
trình Chính phủ
số của Bộ
Tài chính

ĐỀ CƯƠNG DỰ THẢO
LUẬT
THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN (THAY THẾ)

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
Quốc hội ban hành Luật thuế thu nhập cá nhân (thay thế).*

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về đối tượng nộp thuế, thu nhập chịu thuế, thu nhập được miễn thuế, giảm thuế và căn cứ tính thuế thu nhập cá nhân.

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Thay thế cụm từ “đối tượng nộp thuế” thành “người nộp thuế” tại toàn bộ đề cương dự thảo Luật để thống nhất với Luật Quản lý thuế.

Điều 2. Đối tượng nộp thuế

1. Đối tượng nộp thuế thu nhập cá nhân là cá nhân cư trú có thu nhập chịu thuế quy định tại Điều 3 của Luật này phát sinh trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam và cá nhân không cư trú có thu nhập chịu thuế quy định tại Điều 3 của Luật này phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam.

2. Cá nhân cư trú là người đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

a) Có mặt tại Việt Nam từ 183 ngày trở lên tính trong một năm dương lịch hoặc tính theo 12 tháng liên tục kể từ ngày đầu tiên có mặt tại Việt Nam;

b) Có nơi ở thường xuyên tại Việt Nam, bao gồm có nơi ở đăng ký thường trú hoặc có nhà thuê để ở tại Việt Nam theo hợp đồng thuê có thời hạn.

3. Cá nhân không cư trú là người không đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này.

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Bổ sung, hoàn thiện quy định về điều kiện xác định cá nhân cư trú, cá nhân không cư trú, đồng thời, có quy định giao Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành để phù hợp với thực tiễn phát sinh.

Điều 3. Thu nhập chịu thuế

Thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân gồm các loại thu nhập sau đây, trừ thu nhập được miễn thuế quy định tại Điều 4 của Luật này:

1. Thu nhập từ kinh doanh, bao gồm:

- a) Thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ;
- b) Thu nhập từ hoạt động hành nghề độc lập của cá nhân có giấy phép hoặc chứng chỉ hành nghề theo quy định của pháp luật.

Thu nhập từ kinh doanh quy định tại khoản này không bao gồm thu nhập của cá nhân kinh doanh có doanh thu từ 100 triệu đồng/năm trở xuống.

2. Thu nhập từ tiền lương, tiền công, bao gồm:

- a) Tiền lương, tiền công và các khoản có tính chất tiền lương, tiền công;
- b) Các khoản phụ cấp, trợ cấp, trừ các khoản: phụ cấp, trợ cấp theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công; phụ cấp quốc phòng, an ninh; phụ cấp độc hại, nguy hiểm đối với ngành, nghề hoặc công việc ở nơi làm việc có yếu tố độc hại, nguy hiểm; phụ cấp thu hút, phụ cấp khu vực theo quy định của pháp luật; trợ cấp khi nghỉ đột xuất, trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, trợ cấp một lần khi sinh con hoặc nhận nuôi con nuôi, trợ cấp do suy giảm khả năng lao động, trợ cấp hưu trí một lần, tiền tuất hàng tháng và các khoản trợ cấp khác theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội; trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm theo quy định của Bộ luật lao động; trợ cấp mang tính chất bảo trợ xã hội và các khoản phụ cấp, trợ cấp khác không mang tính chất tiền lương, tiền công theo quy định của Chính phủ.

3. Thu nhập từ đầu tư vốn, bao gồm:

- a) Tiền lãi cho vay;
- b) Lợi tức cổ phần;
- c) Thu nhập từ đầu tư vốn dưới các hình thức khác, trừ thu nhập từ lãi trái phiếu Chính phủ.

4. Thu nhập từ chuyển nhượng vốn, bao gồm:

- a) Thu nhập từ chuyển nhượng phần vốn trong các tổ chức kinh tế;
- b) Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán;
- c) Thu nhập từ chuyển nhượng vốn dưới các hình thức khác.

5. Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản, bao gồm:

- a) Thu nhập từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất;

- b) Thu nhập từ chuyển nhượng quyền sở hữu hoặc sử dụng nhà ở;
- c) Thu nhập từ chuyển nhượng quyền thuê đất, quyền thuê mặt nước;
- d) Các khoản thu nhập khác nhận được từ chuyển nhượng bất động sản dưới mọi hình thức.

6. Thu nhập từ trúng thưởng, bao gồm:

- a) Trúng thưởng xổ số;
- b) Trúng thưởng trong các hình thức khuyến mại;
- c) Trúng thưởng trong các hình thức cá cược;
- d) Trúng thưởng trong các trò chơi, cuộc thi có thưởng và các hình thức trúng thưởng khác.

7. Thu nhập từ bản quyền, bao gồm:

- a) Thu nhập từ chuyển giao, chuyển quyền sử dụng các đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ;

- b) Thu nhập từ chuyển giao công nghệ.

8. Thu nhập từ nhượng quyền thương mại.

9. Thu nhập từ nhận thừa kế là chứng khoán, phần vốn trong các tổ chức kinh tế, cơ sở kinh doanh, bất động sản và tài sản khác phải đăng ký sở hữu hoặc đăng ký sử dụng.

10. Thu nhập từ nhận quà tặng là chứng khoán, phần vốn trong các tổ chức kinh tế, cơ sở kinh doanh, bất động sản và tài sản khác phải đăng ký sở hữu hoặc đăng ký sử dụng.

Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Điều này.

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

- Điều chỉnh nâng mức doanh thu chịu thuế đối với thu nhập từ kinh doanh lên mức 200 triệu đồng/năm để thống nhất với ngưỡng doanh thu chịu thuế giá trị gia tăng của cá nhân kinh doanh tại Luật thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15.

- Mở rộng phạm vi thu nhập từ thừa kế, quà tặng.

- Bổ sung quy định về nhóm thu nhập khác thuộc diện chịu thuế TNCN.

Điều 4. Thu nhập được miễn thuế

1. Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản giữa vợ với chồng; cha đẻ, mẹ đẻ với con đẻ; cha nuôi, mẹ nuôi với con nuôi; cha chồng, mẹ chồng với con dâu; cha vợ, mẹ vợ với con rể; ông nội, bà nội với cháu nội; ông ngoại, bà ngoại với cháu ngoại; anh, chị, em ruột với nhau.

2. Thu nhập từ chuyển nhượng nhà ở, quyền sử dụng đất ở và tài sản gắn liền với đất ở của cá nhân trong trường hợp cá nhân chỉ có một nhà ở, đất ở duy nhất.

3. Thu nhập từ giá trị quyền sử dụng đất của cá nhân được Nhà nước giao đất.

4. Thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản giữa vợ với chồng; cha đẻ, mẹ đẻ với con đẻ; cha nuôi, mẹ nuôi với con nuôi; cha chồng, mẹ chồng với con dâu; cha vợ, mẹ vợ với con rể; ông nội, bà nội với cháu nội; ông ngoại, bà ngoại với cháu ngoại; anh, chị, em ruột với nhau.

5. Thu nhập của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, làm muối, nuôi trồng, đánh bắt thủy sản chưa qua chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường.

6. Thu nhập từ chuyển đổi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao để sản xuất.

7. Thu nhập từ lãi tiền gửi tại tổ chức tín dụng, lãi từ hợp đồng bảo hiểm nhân thọ.

8. Thu nhập từ khiếu hối.

9. Phần tiền lương làm việc ban đêm, làm thêm giờ được trả cao hơn so với tiền lương làm việc ban ngày, làm trong giờ theo quy định của pháp luật.

10. Tiền lương hưu do Quỹ bảo hiểm xã hội chi trả; tiền lương hưu do quỹ hưu trí tự nguyện chi trả hàng tháng.

11. Thu nhập từ học bổng, bao gồm:

a) Học bổng nhận được từ ngân sách nhà nước;

b) Học bổng nhận được từ tổ chức trong nước và ngoài nước theo chương trình hỗ trợ khuyến học của tổ chức đó.

~~12. Thu nhập từ bồi thường hợp đồng bảo hiểm nhân thọ, phi nhân thọ, tiền bồi thường tai nạn lao động, khoản bồi thường nhà nước và các khoản bồi thường khác theo quy định của pháp luật.~~

13. Thu nhập nhận được từ quỹ từ thiện được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập hoặc công nhận, hoạt động vì mục đích từ thiện, nhân đạo, không nhằm mục đích lợi nhuận.

14. Thu nhập nhận được từ nguồn viện trợ nước ngoài vì mục đích từ thiện, nhân đạo dưới hình thức chính phủ và phi chính phủ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

15. Thu nhập từ tiền lương, tiền công của thuyền viên là người Việt Nam làm việc cho các hãng tàu nước ngoài hoặc các hãng tàu Việt Nam vận tải quốc tế.

16. Thu nhập của cá nhân là chủ tàu, cá nhân có quyền sử dụng tàu và cá nhân làm việc trên tàu từ hoạt động cung cấp hàng hóa, dịch vụ trực tiếp phục vụ hoạt động khai thác, đánh bắt thủy sản xa bờ.

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Bổ sung quy định miễn thuế TNCN đối với thu nhập từ lợi tức cổ phần của thành viên hợp tác xã nông nghiệp, cá nhân là nông dân ký kết hợp đồng với doanh nghiệp tham gia “Cánh đồng lớn”, trồng rừng sản xuất, nuôi trồng thủy sản; thu nhập do quỹ hưu trí tự nguyện, quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung chi trả; thu nhập từ chuyển nhượng chứng chỉ giảm phát thải, chuyển nhượng tín chỉ các-bon lần đầu sau khi phát hành của cá nhân được cấp chứng chỉ giảm phát thải, tín chỉ các-bon; thu nhập từ tiền lãi từ trái phiếu xanh; thu nhập từ chuyển nhượng trái phiếu xanh lần đầu sau khi phát hành để thể chế hóa các chủ trương định hướng của Đảng và Nhà nước về phát triển nông nghiệp nông thôn, tăng cường sự bao phủ của hệ thống an sinh xã hội và thúc đẩy tăng trưởng xanh và phát triển bền vững. Giao Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành để phù hợp với thực tiễn phát sinh.

Điều 5. Giảm thuế

Đối tượng nộp thuế gặp khó khăn do thiên tai, hoả hoạn, tai nạn, bệnh hiểm nghèo ảnh hưởng đến khả năng nộp thuế thì được xét giảm thuế tương ứng với mức độ thiệt hại nhưng không vượt quá số thuế phải nộp.

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

- *Bổ sung quy định giảm thuế TNCN đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của các cá nhân là nhân lực công nghệ cao (CNC) làm việc tại các doanh nghiệp, dự án trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, nông nghiệp, chế biến nông sản, bao gồm: doanh nghiệp CNC, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng CNC, dự án ứng dụng CNC thuộc danh mục CNC được ưu tiên đầu tư phát triển, dự án sản xuất sản phẩm CNC thuộc danh mục sản phẩm CNC được khuyến khích phát triển.*

- *Bổ sung quy định giao Thủ tướng Chính phủ cho phép miễn, giảm thuế trong một số trường hợp đặc biệt là: chuyên gia nước ngoài làm việc tại chương trình, dự án tài trợ bằng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA); chuyên gia nước ngoài làm việc tại chương trình, dự án phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam; cá nhân là người Việt Nam làm việc tại cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế thuộc Hệ thống Liên hợp quốc tại Việt Nam.*

Điều 6. Quy đổi thu nhập chịu thuế ra Đồng Việt Nam

1. Thu nhập chịu thuế nhận được bằng ngoại tệ phải được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh thu nhập.

2. Thu nhập chịu thuế nhận được không bằng tiền phải được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo giá thị trường của sản phẩm, dịch vụ đó hoặc sản phẩm, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh thu nhập.

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Bổ Điều này để thống nhất thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Điều 7. Kỳ tính thuế

1. Kỳ tính thuế đối với cá nhân cư trú được quy định như sau:

a) Kỳ tính thuế theo năm áp dụng đối với thu nhập từ kinh doanh; thu nhập từ tiền lương, tiền công;

b) Kỳ tính thuế theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với thu nhập từ đầu tư vốn; thu nhập từ chuyển nhượng vốn, trừ thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán; thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản; thu nhập từ trúng thưởng; thu nhập từ bản quyền; thu nhập từ nhượng quyền thương mại; thu nhập từ thừa kế; thu nhập từ quà tặng;

c) Kỳ tính thuế theo từng lần chuyển nhượng hoặc theo năm đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.

2. Kỳ tính thuế đối với cá nhân không cư trú được tính theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với tất cả thu nhập chịu thuế.

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Rà soát, sửa đổi về kỳ tính thuế đối với thu nhập từ kinh doanh, có thể sửa đổi về kỳ tính thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.

Điều 8. Quản lý thuế và hoàn thuế

1. Việc đăng ký thuế, kê khai, khấu trừ thuế, nộp thuế, quyết toán thuế, hoàn thuế, xử lý vi phạm pháp luật về thuế và các biện pháp quản lý thuế được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế

2. Cá nhân được hoàn thuế trong các trường hợp sau đây:

a) Số tiền thuế đã nộp lớn hơn số thuế phải nộp;

b) Cá nhân đã nộp thuế nhưng có thu nhập tính thuế chưa đến mức phải nộp thuế;

c) Các trường hợp khác theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Bỏ Điều này để thống nhất thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Điều 9. Áp dụng điều ước quốc tế

Trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định về thuế thu nhập cá nhân khác với quy định của Luật này thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Bỏ Điều này để thống nhất thực hiện theo quy định của Luật Điều ước quốc tế.

CHƯƠNG II

CĂN CỨ TÍNH THUẾ ĐỐI VỚI CÁ NHÂN CƯ TRÚ

Mục 1

XÁC ĐỊNH THU NHẬP CHỊU THUẾ VÀ THU NHẬP TÍNH THUẾ**Điều 10. Thuế đối với cá nhân kinh doanh**

1. Cá nhân kinh doanh nộp thuế thu nhập cá nhân theo tỷ lệ trên doanh thu đối với từng lĩnh vực, ngành nghề sản xuất, kinh doanh.

2. Doanh thu là toàn bộ tiền bán hàng, tiền gia công, tiền hoa hồng, tiền cung ứng dịch vụ phát sinh trong kỳ tính thuế từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ.

Trường hợp cá nhân kinh doanh không xác định được doanh thu thì cơ quan thuế có thẩm quyền ấn định doanh thu theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

3. Thuế suất:

a) Phân phối, cung cấp hàng hoá: 0,5%;

b) Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu: 2% .

Riêng hoạt động cho thuê tài sản, đại lý bảo hiểm, đại lý xổ số, đại lý bán hàng đa cấp: 5%;

c) Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hoá, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu: 1,5%;

d) Hoạt động kinh doanh khác: 1%.

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

- Sửa đổi, bổ sung quy định về doanh thu để thống nhất với các pháp luật liên quan.

- Quy định cụ thể mức thuế suất đối với một số khoản thu nhập từ hoạt động cung cấp sản phẩm và dịch vụ phần mềm; sản phẩm và dịch vụ nội dung thông tin số về giải trí, trò chơi điện tử, phim số, ảnh số, nhạc số, quảng cáo số.

Điều 11. Thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công

1. Thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công được xác định bằng tổng số thu nhập quy định tại khoản 2 Điều 3 của Luật này mà đối tượng nộp thuế nhận được trong kỳ tính thuế.

2. Thời điểm xác định thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công là thời điểm tổ chức, cá nhân trả thu nhập cho đối tượng nộp thuế hoặc thời điểm đối tượng nộp thuế nhận được thu nhập.

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Bổ sung cách tính thuế đối với thu nhập chịu thuế tại Điều này và điều chỉnh tên Điều để đảm bảo tương ứng với nội dung chỉnh sửa.

Điều 12. Thu nhập chịu thuế từ đầu tư vốn

1. Thu nhập chịu thuế từ đầu tư vốn là tổng số các khoản thu nhập từ đầu tư vốn quy định tại khoản 3 Điều 3 của Luật này mà đối tượng nộp thuế nhận được trong kỳ tính thuế.

2. Thời điểm xác định thu nhập chịu thuế từ đầu tư vốn là thời điểm tổ chức, cá nhân trả thu nhập cho đối tượng nộp thuế hoặc thời điểm đối tượng nộp thuế nhận được thu nhập.

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Bổ sung cách tính thuế đối với thu nhập chịu thuế tại Điều này và điều chỉnh tên Điều để đảm bảo tương ứng với nội dung chỉnh sửa.

Điều 13. Thu nhập chịu thuế từ chuyển nhượng vốn

1. Thu nhập chịu thuế từ chuyển nhượng vốn được xác định bằng giá bán trừ giá mua và các khoản chi phí hợp lý liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ chuyển nhượng vốn.

Đối với hoạt động chuyển nhượng chứng khoán, thu nhập chịu thuế được xác định là giá chuyển nhượng từng lần.

2. Thời điểm xác định thu nhập chịu thuế từ chuyển nhượng vốn là thời điểm giao dịch chuyển nhượng vốn hoàn thành theo quy định của pháp luật.

Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Điều này.

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

- Rà soát sửa đổi, bổ sung quy định đối với thu nhập của cá nhân từ hoạt động kinh doanh chứng khoán phải sinh.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về thu nhập chịu thuế TNCN đối với hoạt động chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán của cá nhân.

- Bổ sung cách tính thuế đối với thu nhập chịu thuế tại Điều này và điều chỉnh tên Điều để đảm bảo tương ứng với nội dung chỉnh sửa.

Điều 14. Thu nhập chịu thuế từ chuyển nhượng bất động sản

1. Thu nhập chịu thuế từ chuyển nhượng bất động sản được xác định là giá chuyển nhượng từng lần.

2. Chính phủ quy định nguyên tắc, phương pháp xác định giá chuyển nhượng bất động sản.

3. Thời điểm xác định thu nhập chịu thuế từ chuyển nhượng bất động sản là thời điểm hợp đồng chuyển nhượng có hiệu lực theo quy định của pháp luật.

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

- ***Sửa đổi, bổ sung quy định đối với thu nhập của cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản để đảm bảo đồng bộ với Luật Đất đai năm 2024.***

- ***Sửa đổi, bổ sung thời điểm xác định thu nhập chịu thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản.***

- ***Bổ sung cách tính thuế đối với thu nhập chịu thuế tại Điều này và điều chỉnh tên Điều để đảm bảo tương ứng với nội dung chỉnh sửa.***

Điều 15. Thu nhập chịu thuế từ trúng thưởng

1. Thu nhập chịu thuế từ trúng thưởng là phần giá trị giải thưởng vượt trên 10 triệu đồng mà đối tượng nộp thuế nhận được theo từng lần trúng thưởng.

2. Thời điểm xác định thu nhập chịu thuế từ trúng thưởng là thời điểm tổ chức, cá nhân trả thu nhập cho đối tượng nộp thuế.

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Bổ sung cách tính thuế đối với thu nhập chịu thuế tại Điều này và điều chỉnh tên Điều để đảm bảo tương ứng với nội dung chỉnh sửa.

Điều 16. Thu nhập chịu thuế từ bản quyền

1. Thu nhập chịu thuế từ bản quyền là phần thu nhập vượt trên 10 triệu đồng mà đối tượng nộp thuế nhận được khi chuyển giao, chuyển quyền sử dụng các đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ theo từng hợp đồng.

2. Thời điểm xác định thu nhập chịu thuế từ bản quyền là thời điểm tổ chức, cá nhân trả thu nhập cho đối tượng nộp thuế.

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Bổ sung cách tính thuế đối với thu nhập chịu thuế tại Điều này và điều chỉnh tên Điều để đảm bảo tương ứng với nội dung chỉnh sửa.

Điều 17. Thu nhập chịu thuế từ nhượng quyền thương mại

1. Thu nhập chịu thuế từ nhượng quyền thương mại là phần thu nhập vượt trên 10 triệu đồng mà đối tượng nộp thuế nhận được theo từng hợp đồng nhượng quyền thương mại.

2. Thời điểm xác định thu nhập chịu thuế từ nhượng quyền thương mại là thời điểm tổ chức, cá nhân trả thu nhập cho đối tượng nộp thuế.

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Bổ sung cách tính thuế đối với thu nhập chịu thuế tại Điều này và điều chỉnh tên Điều để đảm bảo tương ứng với nội dung chỉnh sửa.

Điều 18. Thu nhập chịu thuế từ thừa kế, quà tặng



1. Thu nhập chịu thuế từ thừa kế, quà tặng là phần giá trị tài sản thừa kế, quà tặng vượt trên 10 triệu đồng mà đối tượng nộp thuế nhận được theo từng lần phát sinh.

2. Thời điểm xác định thu nhập chịu thuế được quy định như sau:

a) Đối với thu nhập từ thừa kế là thời điểm đối tượng nộp thuế nhận được thừa kế;

b) Đối với thu nhập từ quà tặng là thời điểm tổ chức, cá nhân tặng cho đối tượng nộp thuế hoặc thời điểm đối tượng nộp thuế nhận được thu nhập.

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

- Sửa đổi, bổ sung thời điểm xác định thu nhập chịu thuế đối với thu nhập từ thừa kế, quà tặng.

- Bổ sung cách tính thuế đối với thu nhập chịu thuế tại Điều này và điều chỉnh tên Điều để đảm bảo tương ứng với nội dung chỉnh sửa.

Điều 19. Giảm trừ gia cảnh

1. Giảm trừ gia cảnh là số tiền được trừ vào thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của đối tượng nộp thuế là cá nhân cư trú. Giảm trừ gia cảnh gồm hai phần sau đây:

a) Mức giảm trừ đối với đối tượng nộp thuế là 11 triệu đồng/tháng (132 triệu đồng/năm);

b) Mức giảm trừ đối với mỗi người phụ thuộc là 4,4 triệu đồng/tháng.

Trường hợp chỉ số giá tiêu dùng (CPI) biến động trên 20% so với thời điểm Luật có hiệu lực thi hành hoặc thời điểm điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh gần nhất thì Chính phủ trình Ủy ban thường vụ Quốc hội điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh quy định tại khoản này phù hợp với biến động của giá cả để áp dụng cho kỳ tính thuế tiếp theo.

2. Việc xác định mức giảm trừ gia cảnh đối với người phụ thuộc thực hiện theo nguyên tắc mỗi người phụ thuộc chỉ được tính giảm trừ một lần vào một đối tượng nộp thuế.

3. Người phụ thuộc là người mà đối tượng nộp thuế có trách nhiệm nuôi dưỡng, bao gồm:

a) Con chưa thành niên; con bị tàn tật, không có khả năng lao động;

b) Các cá nhân không có thu nhập hoặc có thu nhập không vượt quá mức quy định, bao gồm con thành niên đang học đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp hoặc học nghề; vợ hoặc chồng không có khả năng lao động; bố, mẹ đã hết tuổi lao động hoặc không có khả năng lao động; những người khác không nơi nương tựa mà người nộp thuế phải trực tiếp nuôi dưỡng.

Chính phủ quy định mức thu nhập, kê khai để xác định người phụ thuộc được tính giảm trừ gia cảnh.

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Nghiên cứu điều chỉnh quy định về mức giảm trừ gia cảnh cho người nộp thuế và người phụ thuộc cho phù hợp với sự thay đổi của các chỉ số kinh tế vĩ mô, mức sống dân cư trong giai đoạn mới và xu thế phát triển.

Điều 20. Giảm trừ đối với các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo

1. Các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo được trừ vào thu nhập trước khi tính thuế đối với thu nhập từ kinh doanh, tiền lương, tiền công của đối tượng nộp thuế là cá nhân cư trú, bao gồm:

a) Khoản đóng góp vào tổ chức, cơ sở chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, người tàn tật, người già không nơi nương tựa;

b) Khoản đóng góp vào quỹ từ thiện, quỹ nhân đạo, quỹ khuyến học.

2. Tổ chức, cơ sở và các quỹ quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập hoặc công nhận, hoạt động vì mục đích từ thiện, nhân đạo, khuyến học, không nhằm mục đích lợi nhuận.

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Bổ sung phạm vi xác định các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo được giảm trừ; nghiên cứu bổ sung các khoản giảm trừ đặc thù khác để góp phần hỗ trợ người nộp thuế và thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; đồng thời giao Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành để phù hợp với thực tiễn phát sinh.

Điều 21. Thu nhập tính thuế

1. Thu nhập tính thuế đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công là tổng thu nhập chịu thuế quy định tại Điều 11 của Luật này, trừ các khoản đóng góp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp đối với một số ngành, nghề phải tham gia bảo hiểm bắt buộc, quỹ hưu trí tự nguyện, các khoản giảm trừ quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Luật này.

Chính phủ quy định mức tối đa được trừ đối với khoản đóng góp quỹ hưu trí tự nguyện, quy định tại khoản này.

2. Thu nhập tính thuế đối với thu nhập từ đầu tư vốn, chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng bất động sản, trúng thưởng, tiền bản quyền, nhượng quyền thương mại, nhận thừa kế, quà tặng là thu nhập chịu thuế quy định tại các điều 12, 13, 14, 15, 16, 17 và 18 của Luật này.

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

- Bổ sung thêm quy định loại trừ đối với khoản đóng góp quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung.

- Kết cấu lại và chuyển nội dung quy định tại Điều này vào các Điều tương ứng về từng loại thu nhập chịu thuế.

Mục 2 BIỂU THUẾ

Điều 22. Biểu thuế lũy tiến từng phần

1. Biểu thuế lũy tiến từng phần áp dụng đối với thu nhập tính thuế quy định tại khoản 1 Điều 21 của Luật này.

2. Biểu thuế lũy tiến từng phần được quy định như sau:

Bậc thuế	Phần thu nhập tính thuế/năm (triệu đồng)	Phần thu nhập tính thuế/tháng (triệu đồng)	Thuế suất (%)
1	Đến 60	Đến 5	5
2	Trên 60 đến 120	Trên 5 đến 10	10
3	Trên 120 đến 216	Trên 10 đến 18	15
4	Trên 216 đến 384	Trên 18 đến 32	20
5	Trên 384 đến 624	Trên 32 đến 52	25
6	Trên 624 đến 960	Trên 52 đến 80	30
7	Trên 960	Trên 80	35

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Rà soát các mức thuế suất tại Biểu thuế lũy tiến từng phần và các mức thu nhập tính thuế tương ứng; nghiên cứu để đơn giản hóa Biểu thuế lũy tiến từng phần.

Điều 23. Biểu thuế toàn phần

1. Biểu thuế toàn phần áp dụng đối với thu nhập tính thuế quy định tại khoản 2 Điều 21 của Luật này.

2. Biểu thuế toàn phần được quy định như sau:

Thu nhập tính thuế	Thuế suất (%)
a) Thu nhập từ đầu tư vốn	5
b) Thu nhập từ bản quyền, nhượng quyền thương mại	5
c) Thu nhập từ trúng thưởng	10
d) Thu nhập từ thừa kế, quà tặng	10

đ) Thu nhập từ chuyển nhượng vốn quy định tại khoản 1 Điều 13 của Luật này	20
Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán quy định tại khoản 1 Điều 13 của Luật này	0,1
e) Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản	2

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Rà soát, điều chỉnh các mức thuế suất tại Biểu thuế toàn phần tương ứng với các nội dung dự kiến sửa đổi về thu nhập từ chuyển nhượng vốn, thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản.

Điều 24. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trả thu nhập và trách nhiệm của đối tượng nộp thuế là cá nhân cư trú

1. Trách nhiệm kê khai, khấu trừ, nộp thuế, quyết toán thuế được quy định như sau:

a) Tổ chức, cá nhân trả thu nhập có trách nhiệm kê khai, khấu trừ, nộp thuế vào ngân sách nhà nước và quyết toán thuế đối với các loại thu nhập chịu thuế trả cho đối tượng nộp thuế;

b) Cá nhân có thu nhập chịu thuế có trách nhiệm kê khai, nộp thuế vào ngân sách nhà nước và quyết toán thuế theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân trả thu nhập có trách nhiệm cung cấp thông tin về thu nhập và người phụ thuộc của đối tượng nộp thuế thuộc đơn vị mình quản lý theo quy định của pháp luật.

3. Chính phủ quy định mức khấu trừ thuế phù hợp với từng loại thu nhập quy định tại điểm a khoản 1 Điều này và việc quyết toán thuế quy định tại khoản 1 Điều này.

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

- Bỏ các nội dung liên quan về quản lý thuế để thống nhất thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về các loại thu nhập phải khấu trừ thuế, các loại thu nhập không phải khấu trừ thuế để đảm bảo tính thống nhất, khả thi trong thực hiện và rà soát về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trả thu nhập và trách nhiệm của người nộp thuế thống nhất với quy định tại Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật thuế TNCN, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính.

CHƯƠNG III

CĂN CỨ TÍNH THUẾ ĐỐI VỚI CÁ NHÂN KHÔNG CƯ TRÚ**Điều 25. Thuế đối với thu nhập từ kinh doanh**

1. Thuế đối với thu nhập từ kinh doanh của cá nhân không cư trú được xác định bằng doanh thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh quy định tại khoản 2 Điều này nhân với thuế suất quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Doanh thu là toàn bộ số tiền phát sinh từ việc cung ứng hàng hoá, dịch vụ bao gồm cả chi phí do bên mua hàng hoá, dịch vụ trả thay cho cá nhân không cư trú mà không được hoàn trả.

Trường hợp thoả thuận hợp đồng không bao gồm thuế thu nhập cá nhân thì doanh thu tính thuế phải quy đổi là toàn bộ số tiền mà cá nhân không cư trú nhận được dưới bất kỳ hình thức nào từ việc cung cấp hàng hoá, dịch vụ tại Việt Nam không phụ thuộc vào địa điểm tiến hành các hoạt động kinh doanh.

3. Thuế suất đối với thu nhập từ kinh doanh quy định đối với từng lĩnh vực, ngành nghề sản xuất, kinh doanh như sau:

- a) 1% đối với hoạt động kinh doanh hàng hoá;
- b) 5% đối với hoạt động kinh doanh dịch vụ;
- c) 2% đối với hoạt động sản xuất, xây dựng, vận tải và hoạt động kinh doanh khác.

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Điều chỉnh tương ứng như các nội dung sửa đổi đối với cá nhân cư trú.

Điều 26. Thuế đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công

1. Thuế đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân không cư trú được xác định bằng thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công quy định tại khoản 2 Điều này nhân với thuế suất 20%.

2. Thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công là tổng số tiền lương, tiền công mà cá nhân không cư trú nhận được do thực hiện công việc tại Việt Nam, không phân biệt nơi trả thu nhập.

Điều 27. Thuế đối với thu nhập từ đầu tư vốn

Thuế đối với thu nhập từ đầu tư vốn của cá nhân không cư trú được xác định bằng tổng số tiền mà cá nhân không cư trú nhận được từ việc đầu tư vốn vào tổ chức, cá nhân tại Việt Nam nhân với thuế suất 5%.

Điều 28. Thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn

Thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn của cá nhân không cư trú được xác định bằng tổng số tiền mà cá nhân không cư trú nhận được từ việc chuyển nhượng phần vốn tại tổ chức, cá nhân Việt Nam nhân với thuế suất

0,1%, không phân biệt việc chuyển nhượng được thực hiện tại Việt Nam hay tại nước ngoài.

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Điều chỉnh tương ứng như các nội dung sửa đổi đối với cá nhân cư trú.

Điều 29. Thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản

Thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản tại Việt Nam của cá nhân không cư trú được xác định bằng giá chuyển nhượng bất động sản nhân với thuế suất 2%.

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Điều chỉnh tương ứng như các nội dung sửa đổi đối với cá nhân cư trú.

Điều 30. Thuế đối với thu nhập từ bản quyền, nhượng quyền thương mại

1. Thuế đối với thu nhập từ bản quyền của cá nhân không cư trú được xác định bằng phần thu nhập vượt trên 10 triệu đồng theo từng hợp đồng chuyển giao, chuyển quyền sử dụng các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ tại Việt Nam nhân với thuế suất 5%.

2. Thuế đối với thu nhập từ nhượng quyền thương mại của cá nhân không cư trú được xác định bằng phần thu nhập vượt trên 10 triệu đồng theo từng hợp đồng nhượng quyền thương mại tại Việt Nam nhân với thuế suất 5%.

Điều 31. Thuế đối với thu nhập từ trúng thưởng, thừa kế, quà tặng

1. Thuế đối với thu nhập từ trúng thưởng, thừa kế, quà tặng của cá nhân không cư trú được xác định bằng thu nhập chịu thuế quy định tại khoản 2 Điều này nhân với thuế suất 10%.

2. Thu nhập chịu thuế từ trúng thưởng của cá nhân không cư trú là phần giá trị giải thưởng vượt trên 10 triệu đồng theo từng lần trúng thưởng tại Việt Nam; thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặng là phần giá trị tài sản thừa kế, quà tặng vượt trên 10 triệu đồng theo từng lần phát sinh thu nhập mà cá nhân không cư trú nhận được tại Việt Nam.

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Điều chỉnh tương ứng như các nội dung sửa đổi đối với cá nhân cư trú.

Điều 32. Thời điểm xác định thu nhập chịu thuế

1. Thời điểm xác định thu nhập chịu thuế đối với thu nhập quy định tại Điều 25 của Luật này là thời điểm cá nhân không cư trú nhận được thu nhập hoặc thời điểm xuất hoá đơn bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

2. Thời điểm xác định thu nhập chịu thuế đối với thu nhập quy định tại các Điều 26, 27, 30 và 31 của Luật này là thời điểm tổ chức, cá nhân ở Việt Nam trả thu nhập cho cá nhân không cư trú hoặc thời điểm cá nhân không cư trú nhận được thu nhập từ tổ chức, cá nhân ở nước ngoài.

3. Thời điểm xác định thu nhập chịu thuế đối với thu nhập quy định tại Điều 28 và Điều 29 của Luật này là thời điểm hợp đồng chuyển nhượng có hiệu lực.

Điều 33. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trả thu nhập và trách nhiệm của đối tượng nộp thuế là cá nhân không cư trú

1. Tổ chức, cá nhân trả thu nhập có trách nhiệm khấu trừ và nộp thuế vào ngân sách nhà nước theo từng lần phát sinh đối với các khoản thu nhập chịu thuế trả cho đối tượng nộp thuế.

2. Đối tượng nộp thuế là cá nhân không cư trú có trách nhiệm kê khai, nộp thuế theo từng lần phát sinh thu nhập đối với thu nhập chịu thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Rà soát để thống nhất với quy định tại Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật thuế TNCN, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính.

CHƯƠNG IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 34. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng năm 202...

2. Luật này thay thế Luật thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007 của Quốc hội, Luật số 26/2012/QH13 ngày 22 tháng 11 tháng 2012 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân, Điều 2 Luật số 71/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế, Nghị quyết số 954/2020/UBTVQH14 ngày 02 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh của thuế thu nhập cá nhân.

Điều 35. Hướng dẫn thi hành

Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các điều, khoản được giao trong Luật.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá , kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI